Số 6

THÁNG XI
1958

ĐẠI-HỌC

SỬ HỌC

MỘT NỀN SỬ HỌC QUỐC-GIA — TRƯƠNG-BỬU-LÂM
DÂN VIỆT TRƯỚC NHÀ TRIỆU — NGUYỄN-TOẠI
TỪ VIỆC HỒNG-BẢO BỊ TRUẤT ĐẾN VIỆC PHẢN-NGHỊCH Ở KINH-THÀNH — BỬU-KẾ

~

NGỮ PHÁP

KHẢO-LUẬN VỀ NGỮ-PHÁP VIỆT-NAM
TRƯƠNG VĂN CHÌNH

GÓP Ý-KIẾN VỀ BÀI CỦA ÔNG TRƯƠNG VĂN CHÌNH
TRẦN-VĂN-TOÀN — LÊ-NGỌC-TRỤ

CHỮ - NGHĨA
NGUYỄN-VĂN-TRUNG

~

ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

~

ÔNG TÚ XƯƠNG VỚI CÂU CHUYỆN THI CỬ — PHAN-VĂN-DẬT
MẤY TƯ-TƯỞNG VỀ Ý-THỨC CHÍNH-TRỊ — TRẦN-VĂN-TOÀN
CUỘC ĐỜI SAY ĐẮM CỦA VAN GOGH — PHAN-XUÂN-SANH

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
Chủ-trương biên-tập : **NGUYỄN-VĂN-TRUNG**

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

MỤC LỤC

		Trang
TRƯƠNG BỬU LÂM	MỘT NỀN SỬ HỌC QUỐC GIA . .	3
NGUYỄN-TOẠI	DÂN VIỆT TRƯỚC NHÀ TRIỆU . .	11
BỬU-KẾ	TỪ VIỆC HỒNG BẢO BỊ TRUẤT ĐẾN VIỆC PHẢN NGHỊCH Ở KINH THÀNH .	19
TRƯƠNG-VĂN-CHÌNH	KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT NAM.	31
TRẦN-VĂN-TOÀN LÊ-NGỌC-TRỤ	GÓP Ý KIẾN VỀ BÀI CỦA ÔNG TRƯƠNG VĂN CHÌNH	62
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	CHỮ NGHĨA.	79
	ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ. .	86
PHAN-VĂN-DẬT	ÔNG TÚ XƯƠNG VỚI CÂU CHUYỆN THI CỬ.	93
TRẦN-VĂN-TOÀN	MẤY TƯ TƯỞNG VỀ Ý THỨC CHÍNH TRỊ	112
PHAN-XUÂN-SANH	CUỘC ĐỜI SAY ĐẮM CỦA VAN GOGH .	127

★

Thư-từ, bài vở gởi về : Ông NGUYỄN-VĂN-TRUNG
Giao dịch cùng tòa báo : Ông NGUYỄN-ANH

Bưu-phiếu và Ngân-phiếu gởi về :
Linh-mục CAO-VĂN-LUẬN

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ
Tòa-soạn và Trị-sự : Số 36, đường Lê-Lợi HUẾ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI-HỌC
TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU CỦA VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Một nền sử-học Quốc-Gia

TRƯƠNG-BỬU-LÂM

KHI nghiên-cứu quá-trình của nhân-loại, chúng ta có thể nhận-định được một phần nào nguồn-gốc duy-nhất của con người. Khi học sâu-xa và kỹ-lưỡng lịch-sử của một dân-tộc nào hay một quốc-gia nào, chúng ta cũng lại thấy ngay dân-tộc ấy, quốc-gia ấy có không biết bao nhiêu mối liên-lạc với những dân-tộc khác, những quốc-gia khác : đó là đặc-tính thống-nhất của lịch-sử thế-giới. Đứng trước tình-trạng đó thì còn chi mà nói về **một nền sử-học quốc-gia.** Nhưng xem lại thực-tế chúng ta không thể không tự hỏi thế-giới là chi nếu không phải là đoàn-thể của tất cả mọi dân-tộc và mọi quốc-gia ? Và nếu lịch-sử của một dân-tộc chỉ có thể hiểu được một cách chu-đáo sau khi được đặt vào tình-trạng chung của thế-giới, thì trái lại, chúng ta chỉ có thể có một quan-niệm tổng-quát về lịch-sử thế-giới khi chúng ta thấu hiểu được lịch-sử của từng quốc-gia một, từng dân-tộc một. Vì thế nên một dân-tộc, nếu không muốn bị hay gán vào tội *vô ân bạc nghĩa, ăn trái quên kẻ trồng cây v.v...* thì phải luôn luôn tìm hiểu hành-trình tiến-hóa của mình ; mỗi giây mỗi phút cần có trước mặt tất cả những giai-đoạn vẻ-vang cũng như tàn-khốc mà dân-tộc mình đã trải qua ; vì, nếu hiểu biết lịch-sử, quá-trình của nước nhà, chúng ta sẽ thấu-hiểu một cách sâu-xa hơn tình-trạng đang sống và nhất là chúng ta sẽ hoàn-toàn độc-lập đối với quá-khứ đó. Những chuỗi ngày qua, những khối dĩ-vãng vô-hình sẽ không đè ép một cách nặng nề trên đầu óc, trí-não của chúng ta nữa. Vì thế nên mỗi người nếu muốn mình đáng làm người có lịch-sử thì phải cố-gắng tìm-tòi, khảo-cứu lịch-sử của mình. Nếu muốn xứng-đáng làm người Việt-Nam

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thì phải thấu hiểu tất cả mọi vấn-đề liên-quan đến dĩ-vãng của nước Việt-Nam. Đó là một tất-yếu và tất-yếu ấy lại là một dĩ-nhiên (1).

Vì lý-do đó, nên hôm nay chúng tôi mới dám cầm viết lên để thảo-luận cùng quý bạn độc-giả phương-pháp và điều-kiện để chúng ta đi đến một nền sử-học quốc-gia.

Làm thế nào để nâng-đỡ, khuyến-khích sự học-vấn và khảo-cứu lịch-sử nước nhà ? Hiện nay chúng ta có thể nhận-định được lòng hâm-mộ của dân-chúng đối với quá-khứ. Dân Việt-Nam thích đọc sử, ham nhìn lại quá khứ. Hơn nữa dân-tộc Việt-Nam lại hãnh-diện có hơn bốn ngàn năm văn-hiến. Trước tình-trạng ấy, chúng ta không khỏi đặt câu hỏi : giới học-giả đã làm gì, để trả lời và thỏa-mãn những nhu-cầu rất hợp-lý của dân-chúng ? (chúng ta có thể nói rằng rất ít và rất vụng-về). Nếu chúng ta đi vòng quanh các tiệm sách, nếu chúng ta lật thử vài tờ nhật-báo hay tạp-chí thì vẻn-vẹn chỉ bắt được vài quyển sử thiếu phương-pháp sưu-tầm hay vài bài báo chỉ kể lại một vài tạp-sự hay-ho chớ không khi nào đặt một vấn-đề sâu-xa hoặc giải-quyết một công việc khó-khăn. Tình-trạng ấy bởi đâu ? Tôi dám nghĩ là rất dễ trả lời câu hỏi này. Vì Việt-Nam chúng ta có một quan-niệm cổ-truyền về lịch-sử. Cũng như hiện ngày nay, mỗi năm trường Đại-học Y-khoa đào-tạo không biết bao nhiêu bác-sĩ. Những y-sĩ nầy biết sử-dụng tất cả các thứ máy-móc tối-tân và thuộc làu không biết bao nhiêu thuốc men huyền-diệu của Tây-Âu-Mỹ. Nhưng việc ấy không ngăn cấm được biết bao nhiêu người vẫn tin-tưởng vào những ông Đông-y, móng tay dài thượt, mặt-mày gầy mòn. Tôi không có ý-định nói xấu gì về ngành Đông-y-học, nhưng tôi chỉ muốn nêu ra một ví-dụ để giúp độc-giả hiểu vấn-đề sử-học. Sử-học cũng trong một tình-trạng với Y-học. Gần bên những sử-gia tân-tiến, biết hiểu tường-tận những nhu-cầu của công việc sưu-tầm, khảo-cứu lịch-sử, soi thấu tất cả mánh-khoé nhà nghề trong làng sử, gần những người đó, chúng ta có một số người khác, luôn theo tánh-thói cổ-truyền, vẫn tưởng viết sử là « đọc sao viết vậy ». Vẫn biết rằng cổ-truyền không có nghĩa là xấu, nhưng hiện bây giờ chúng ta không thể quan-niệm được một sử-gia, năm 1958, viết ra một quyển sử như là *Annam chí-lược* của *LÊ-TẮC* (hậu bản

(1) Tôi xin phép độc-giả nêu ra đây bài *Sử và Người* đã đăng trong *Văn-Hóa Á-Châu*, số 5, tháng 8 năm 1958, trong ấy tôi đã bàn về khía cạnh này ở trang 48-49.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thế-kỷ thứ XIII) hay một bộ sử như là *Lịch-triều hiến-chương loại-chí* của *PHAN-HUY-CHÚ* (1782-1840) nữa. Hai tác-phẩm này là sử-liệu rất quí-giá, nhưng quan-niệm về phương-pháp viết sử của tác-giả nói trên hiện nay không còn được chấp-nhận nữa. Và nếu bây giờ nhiều độc - giả đã tự cho mình là sử - gia mà vẫn còn khăng - khít với quan - niệm cũ - kỹ ấy thì chúng ta có thể gọi là những sử - gia lỗi-thời và các nhà xuất - bản vẫn tiếp - tục in những tác - phẩm của họ hoặc những chủ - nhiệm tạp - chí đăng bài khảo - cứu của họ, chúng ta có thể cho là thiếu óc phê-bình, còn những độc-giả bỏ thì giờ quí-báu để chiêm-ngưỡng những sáng-tác đó, chúng ta có thể gọi là phản tiến-bộ.

Nhưng, như chúng ta đã nhận thấy, dân Việt-Nam, có lẽ cũng như nhiều dân-tộc khác dưới ánh mặt trời này, rất háo sử, thích tìm-tòi lượm-lặt những di-tích của thời-gian trôi qua đã để lại. Thế thì phải làm sao giải-quyết vấn-đề này ? Theo ý-nghĩ thô-thiển của chúng tôi, có hai đường lối trả lời một cách xứng đáng nhu-cầu mến dĩ-vãng của dân-tộc nước nhà. Hai đường lối ấy có thể thực-hiện được trong một lúc và cần toàn-thể xã-hội để ý đến để nâng đỡ và khuyến-khích một phần nào những cố-gắng của các người phụ-trách việc này.

Đường lối thứ-nhất liên-quan đến vấn-đề giáo-dục. Hiện bây giờ nếu đi quanh-quẩn các trường trung-học, công-lập cũng như tư-thục và xin xem danh-sách của các giáo-sư phụ-trách giảng-dạy môn lịch-sử thì có lẽ chúng ta phải chóa mắt và điếc tai. Phần đông, chúng ta phải có can-đảm xác-nhận tình-trạng nầy, những giáo-sư nào giảng Việt-văn không chạy, ngoại-ngữ không thông, vạn-vật không nổi, lý-hóa không xuôi thì cho vào sử-địa. Hoặc là các giờ chuyên-khoa không đủ để cho các giáo-sư giảng-dạy môn chánh của mình, thì các ông Hiệu-trưởng không nghĩ ra chi hay hơn là gán cho họ một vài giờ lịch-sử. Đó là tình-trạng giảng-dạy lịch-sử trong ngành trung-học Việt-Nam hiện-tại. Có lẽ vì tánh tôi quá ư bi-quan nên đã vô-tình làm cho cảnh-tượng ấy nó đen tối một phần nào hơn, nhưng có lẽ dầu quá đen tối đi nữa cảnh-tượng ấy cũng còn diễn-tả được một phần nào thực-tế. Trên đây là vài lời chỉ-trích có vẻ hơi đập-đổ. Các bạn độc-giả không khỏi tự hỏi tôi muốn nêu lên một phương-pháp gì đây để xây - dựng một ít vào việc giảng-dạy môn lịch-sử để có thể đem các học-sinh tới trình-độ mến-chuộng lịch-sử, hâm-mộ tìm-tòi dĩ-vãng, quả-quyết sưu-tầm và

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

khảo-cứu quá-khứ, chớ không oán-ghét tất cả cái gì đã qua rồi và vào ngồi lớp sử như vào ngồi trong ngục tối, không thấy lối ra mà cũng không có lối ra. Muốn đi đến trình-độ đó chúng ta cần phải đào-tạo một lớp giáo-sư về lịch-sử. Những giáo-sư này cần phải theo dõi một chương-trình dài hạn. Chương-trình này cần phải dung-hòa ba nhu-cầu : trước hết cho sinh-viên thấu hiểu và ghi nhớ giai-đoạn quan-trọng trong quá-trình lịch-sử của nhân-loại : nói cách khác là cần biết những nét đại-cương của thế-giới sử trong đó chương-trình sẽ nhấn mạnh về lịch sử Việt-Nam và các nước lân-cận. Sau đó sinh-viên còn phải rèn-luyện tinh-thần, trí-óc để quen với công-việc sưu-tầm và khảo-cứu lịch-sử. Sinh-viên phải có đủ năng-lực để giải-quyết bất cứ một vấn-đề nào thuộc về quá-khứ và giải-quyết một cách đúng-đắn, theo nguyên-tắc của phương-pháp-luận. Sau cùng, sinh-viên không nên quên rằng mình sẽ làm giáo-sư với nhiệm-vụ cao-siêu là đào-tạo học-sinh. Vì vậy nên cần phải làm chủ vài mánh khoé của phận-sự giáo-huấn. Trước khi ra trường sinh-viên phải biết thế nào là một bài học, làm cách nào để cụ-thể-hóa, linh-động-hóa những bài giảng. Những giáo-sư được đào-tạo theo tinh-thần này thì chắc-chắn sẽ có đủ năng-lực để đảm-nhận việc giảng-dạy môn sử. Và những kiến-thức nói trên sẽ đem giáo-sư đến việc nghiên-cứu sâu-xa một vài vấn-đề đen-tối của quá-khứ. Điểm chót này rất quan-trọng vì thường khi có việc đi công-cán ở các tỉnh, chúng tôi được hân-hạnh gặp rất nhiều công-chức quan-tâm đến dĩ-vãng, của tỉnh, của quận, của làng mình. Tuy những cố-gắng ấy rất đáng cho chúng ta khuyến-khích, nhưng chúng tôi bắt-buộc phải thú thực là tất cả các công-việc ấy thường không đem đến kết-quả vì những công-chức đó thiếu căn-bản. Không phải ai muốn thành sử-gia cũng được. Việt-Nam ta có nhiều người thông hiểu lịch-sử nước nhà nhưng những người đó chưa đi đến trình-độ sử-gia. Và lịch-sử nước nhà sẽ bước được một bước khổng-lồ nếu những công-chức chú-ý đến dĩ-vãng của địa-điểm mình đang ở như vừa nêu ra lại là những giáo-sư có đầy-đủ căn-bản, hiểu biết những nhu-cầu của công-cuộc khảo-cứu lịch-sử. Tất cả thời hiện-đại và nhứt là lịch-sử thời Pháp-thuộc sẽ được sáng tỏ một cách lạ thường nếu một giáo-sư ở miền Hà-tiên đem cả tâm-tình vào việc học-hỏi về nhà Mạc hay một giáo-sư ở Tân-an đem cả tinh-thần để nghiên-cứu thân-thế và sự-nghiệp của ông *NGUYỄN-HUỲNH-ĐỨC*, hay một giáo-sư ở Bến-tre đem cả trí-óc để vạch rõ đời sống oanh-liệt của ông *PHAN-THANH-GIẢN*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chúng ta có lẽ không cần đề-cập tới sự trọng-yếu của những thành-trì, lăng-tẩm, chùa miếu, văn-khố của triều Nguyễn đang còn ở tại cố-đô hoặc những tháp Chàm, di-tích Cao-miên rải-rác khắp cả lãnh-thổ. Với sự quan-sát thiết-thực, những giờ sử của các giáo-sư sẽ hay-ho như thế nào khi mà thầy cùng trò có thể ra lăng *NGUYỄN-HUỲNH-ĐỨC, PHAN-THANH-GIẢN,* họ *MẠC,* các vua triều *NGUYỄN* và cổ-tích để nhìn lại với một cặp mắt hết sức mới-mẻ tất cả một thời dĩ-vãng. Tôi còn nhớ hồi thời thơ-ấu, học ở Tân-an, nhưng mãi đến khi đi du-học ở ngoại-quốc mới biết *NGUYỄN-HUỲNH-ĐỨC* là ai và rất lấy làm ngạc-nhiên khi được thấy lăng của ông ấy lại ở rất gần nhà mình. Tiếc thay ! Có lẽ không biết bao nhiêu học-sinh và sinh-viên đã ruồng bỏ tiếng gọi sâu-thẳm của sử-học tại vì nhữug bậc đàn cha anh đã không biết làm nầy-nở mầm non gieo trong đầu-óc của con em. Cũng vì thế mà ngày hôm nay chúng ta phải trải qua bao nhiêu lận-đận, lao-đao, nếm bao nhiêu dấm mật mới tìm ra được một giáo-sư môn sử. Vậy điểm trọng-yếu thứ nhứt trong công-cuộc xây-dựng một nền sử-học quốc-gia là phải đào-tạo một lớp giáo-sư đúng-đắn, đủ kiến-thức và phương-pháp để đem các học-sinh, sinh-viên đến chỗ ham-chuộng ngành sử-học. Nhưng giáo-sư, kiến-thức, phương-pháp cũng chưa đủ. Giáo-sư cũng như một kiến-trúc-sư, còn phương-pháp và kiến-thức cũng như một cái đồ-án của một tòa nhà. Dầu cho kiến-trúc-sư có tài-ba lỗi-lạc, dầu cho đồ-án được tinh-vi hoàn-hảo đến đâu đi nữa, mà nếu không có vật-liệu thì cũng không thể nào xây-dựng lên được một ngôi nhà oai-nghi, lộng-lẫy. Nhà cần phải có đất, có cây, có gạch, có ngói ; đó là sử-liệu hay là tài-liệu sử-ký. Vì thế cho nên đường lối thứ nhì để xây-dựng một nền sử-học quốc-gia là phải cung-cấp tài-liệu xứng-đáng cho các giáo-sư cũng như các học-giả. Trong tình-trạng hiện-tại, nếu các giáo-sư cứ phải lặp đi lặp lại những chi-tiết tìm được trong các sách sử-ký cũ-kỹ hay các học-giả luôn-luôn phải viết đi viết lại về một mớ vấn-đề đã bao phen được nghiên-cứu rồi, thì lỗi ấy một phần tại giáo-sư và học-giả, nhưng cũng có một phần vì thiếu tài-liệu. Việt-Nam có lẽ là một trong những nước nghèo tài-liệu sử-ký nhứt. Giặc-giã không ngừng, bao nhiêu tang-tóc đã làm cho kho-tàng quí-giá sử-liệu đã tiêu-tán một phần lớn. Còn phần giữ lại được thì hoặc là viết trong một thứ chữ khó học hoặc là rải-rác khắp mọi nơi. Cho nên nếu học-giả muốn thực-hiện một tác-phẩm đầy-đủ giá-trị phải lục-lọi tìm-tòi không biết bao nhiêu chỗ·

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vậy muốn khuyến-khích việc khảo-cứu lịch-sử chúng ta cần phải sao chép những tài-liệu quý-giá ra làm nhiều bản để phân-phát mỗi nơi cần-thiết một bản. Hiện bây giờ với phương-pháp tân-tiến, việc này không phải mất nhiều thì giờ, chỉ khổ là phải tiêu rất nhiều tiền. Về tánh-cách khẩn-yếu của công-tác này có lẽ tôi không cần nói dông-dài. Nếu các nhà tiền-bối có máy chụp vi-điện-ảnh thì ngày hôm nay chúng ta còn có thể ngâm-nga mấy vần thơ tuyệt-diệu cũng như rung-động với bao biến-cố oanh-liệt của thời xưa. Và nếu chúng ta không muốn mang tiếng vong-bản đối với hậu-thế thì phải đem hết sức-lực để giữ lại cho con cháu những tác-phẩm mà tiền-bối đã để lại đến ngày nay. Nếu sống ở đời nguyên-tử này mà không đủ năng-lực và thiện-chí để trao lại cho đời sau tài-sản của ông cha thì còn giá-trị gì nữa. Những chân-bản, văn-kiện của các triều-đình, ngày nay mười phần chỉ còn không được một. Và nếu chúng ta không quan-tâm đến phần chót đó thì một ngày gần đây phần ấy cũng sẽ còn chỉ một phần mười. Đó là nói về phương-cách gìn-giữ và phân-phát tài-liệu. Nhưng nhiều khi tài-liệu có ở đấy mà học-giả không khai-thác được vì không đọc được. Chúng ta có thể nói hầu hết sử-liệu của Việt-Nam viết bằng chữ Nho hay chữ Nôm. Hiện bây giờ còn bao nhiêu người đọc và thấu-hiểu được hai thứ chữ đó ? Tình-trạng ấy đáng tiếc nhưng có thể dung-thứ được một phần nào. Nếu sử-gia không đi đến tài-liệu được thì có lẽ tài liệu phải đi đến sử-gia vậy. Vì thế nên cần phải phiên-dịch những tài-liệu ấy ra **quốc-ngữ** để tất cả mọi người có thể dựa vào đó mà lần-lượt tường-thuật lại những giai-đoạn của quá-khứ, tường-thuật lại một cách chính-đáng, có căn-cứ, đủ căn-bản. Chỉ khi nào chúng ta hoàn-thành được điều-kiện này thì mới có thể tuyên-bố là chúng ta có một nền quốc-sử. Nếu không, chúng ta chỉ có một nền « quốc-tạp-ký-sự » thôi. Việc phiên-dịch, ngoài mục-đích giúp học-giả, cũng còn có một ích-lợi phổ-thông. Dân Việt-Nam háo-sử. Vì thế nên những sách dịch sử-liệu chắc-chắn sẽ được nhiều người yêu-chuộng. Và những quyển sách ấy, ngoài nhiệm-vụ chính của nó là để làm sách tham-khảo, có lẽ trong một vài gia-đình cũng sẽ là quyển sách để ở đầu giường.

Chúng ta vừa than-phiền về nạn khan tài-liệu. Ngoài những biện-pháp nêu ra trên kia, còn có một đường-lối khác.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đường lối này có lẽ sẽ đem lại nhiều kết-quả mỹ-mãn, có mục-tiêu là bổ-túc một phần nào sử-liệu thiếu thốn. Còn ai không biết là Việt-Nam không khi nào sống cô-lập. Việt-Nam từng giao-thiệp với Cao-Miên, Thái-Lan, Nhựt-Bổn, Hòa-Lan, Y-Pha-Nho v.v.... cho đến khi mất nước vào tay Pháp-quốc. Vậy thì ở các kho văn-khố của các nước kể trên chắc hẳn còn chứa biết bao văn-kiện có thể bổ-túc một cách rất linh-động những tài-liệu sử-ký khô-khan của nước nhà. Anh lái buôn kia sang một xứ xa-xôi thì cái chi cũng mới-mẻ ; cho nên ngoài công việc thương-mại của mình, chắc là anh ấy không khỏi diễn-tả, phê-bình một vài khía cạnh của việc tổ-chức xã-hội của nước xa lạ đó. Một ông giáo-sĩ nọ đến giảng đạo trên đất nước Việt-Nam, học-hỏi lâu năm mọi ngành hoạt-động của xã-hội nước ấy thì cũng không cấm cản được ngọn bút mình biên ra một vài câu bình-phẩm chi-tiết này, chi-tiết nọ. Tất cả những giấy tờ ấy sẽ soi tỏ với một ánh sáng lạ thường nhiều phương-diện mà sử-liệu quốc-gia thường hay bỏ quên. Vậy chúng ta cần phải gửi học-giả sang các nước ấy sao chép lại những tài-liệu quan-trọng nhứt rồi đem về phân-phát cho mỗi nơi một bản. Công việc đó có lẽ sẽ có một hậu-quả bất ngờ : cho chúng ta thấy những giây liên-lạc mật-thiết đã ràng buộc Việt-Nam với các nước khác trong quá-khứ và đồng-thời nêu lên dư-luận quốc-tế địa-vị của xứ mình trong lịch - sử thế - giới. Chứ không thì khi đọc những quyển sử thế-giới dẫu là dưới sự bảo-trợ của Unesco đi nữa, chúng ta thấy thẹn vô cùng : Việt-Nam không khi nào được đề-cập tới một cách thiết-thực. Chỉ ra mặt khi nào người ta nói đến Tàu nhưng lại là để nói Việt-Nam — người ta cũng không có nhã ý dùng danh-từ Việt-Nam mà lại dùng những danh-từ rất hủ-lậu như là : Tonkin và Annam — để nói Việt-Nam chỉ là một thuộc-địa của Trung - quốc. Tuy đành rằng nước mình nhỏ thấp nhưng không đến nỗi phải bị bỏ rơi hay nhục-mạ một cách quá đáng như thế.

Chúng tôi vừa góp ý-kiến với quý bạn độc-giả về những phương-pháp để chấn-hưng ngành sử-học và những điều-kiện để đi đến việc xây-dựng một nền sử-học nước nhà. Hai đường lối nêu ra trên đây, chúng tôi xin nhắc lại, có thể thực-hiện một lượt với nhau. Hai phương-pháp ấy sẽ đem đến cho ngành giáo-dục và đoàn-thể học-giả một chi quật-cường rất mới-mẻ : đào-tạo

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

giáo-sư trung-học theo một chương-trình đầy-đủ, khuyến-khích học-sinh hướng về làng sử, làm sống lại quá-khứ của các địa-phương một cách thiết-thực, đặt dưới quyền sử-dụng của các học-giả và các giáo-sư mọi dễ-dàng trong công việc tập - trung sử-liệu và sau cùng đem lịch-sử của nước nhà hòa-hợp với quá-trình tiến-hóa của nhân - loại. Đó không phải là một chương-trình cần đem ra thực-hiện nhanh-chóng sao ?

TRƯƠNG-BỬU-LÂM

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Dân Việt trước nhà Triệu

NGUYỄN - TOẠI

NƯỚC ta khởi đầu có quốc-sử từ thế-kỷ thứ 13. Hàn-lâm học sĩ Lê-văn-Hưu, phụng mệnh vua Trần-Thái-Tôn, soạn ra bộ sử đầu tiên Đại-Việt Sử-ký, chép xong vào năm 1272 đời vua Trần-Thánh-Tôn. Bộ ấy chỉ chép từ Triệu-Vũ-Đế (Triệu-Đà) trở về sau. Hai trăm năm sau, Lễ-bộ Tả-thị-lang Ngô-sĩ-Liên, đời vua Lê-Thánh-Tôn, trong bộ Đại-Việt Sử-ký toàn-thư, soạn xong năm 1479, mới chép thêm từ họ Hồng-Bàng cho đến nhà Thục, mà đặt vào phần ngoại kỷ. Phần này, theo lời phàm lệ của tác-giả, đã chép theo các dã-sử và truyện-ký, như Việt-điện u-linh tập và Lĩnh-nam trích-quái. Việt-điện u-linh tập, một thuyết là do Lý-tế-Xuyên đời Trần soạn, một thuyết là do một tác-giả đời Lý soạn, còn Lý-tế-Xuyên chỉ nối thêm vào. Tập ấy có chép truyện về các vua như hai Bà Trưng, Sĩ-nhiếp, Phùng-Hưng, Triệu-quang-Phục, truyện về các bầy tôi như Lý-Quảng, Lý-ông-Trọng. Lĩnh-nam trích-quái do một tác-giả khuyết danh soạn, Vũ-Quỳnh và Kiều-Phú đời Lê-Thánh-Tôn hiệu-chính, góp nhặt những truyện thần-tiên, cổ-tích của nước ta như những truyện về đời Hồng-Bàng, truyện Bạch-trĩ, Kim-quy, trầu cau, dưa hấu, bánh chưng, Phù-Đổng thiên-vương, Chử-đồng-tử v.v...

Vậy là từ thế-kỷ 15 trở về sau, sử ta mới chép truyện về đời thượng-cổ xảy ra từ hai nghìn năm về trước. Thời-gian đã quá xa, nên các truyện chép ở ngoại-kỷ, có thể nói rằng toàn là những truyện hoang-đường, tục-truyền lại, không có gì là thật cả.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Mãi đến thế-kỷ thứ 2 trước Tây-lịch, từ triều Hán (206 trước Tây-lịch — 220 sau Tây-lịch) do người Hán sang cai-trị, mà văn-hóa của Trung-quốc mới tràn qua đất nước ta. Tuy nhiên, trong dân ta, cũng chưa ai có đủ học vấn mà chép sử của nước, khi ấy cũng chưa thành một nước. Nhưng từ đấy về sau, nhờ vào những việc ghi chép trong các bộ sử của Trung-quốc, ta mới biết được ít nhiều về lịch-sử dân ta và nước ta, và những điều biết này đều có tính-cách chân-xác, tin được. Còn từ thời Hán thuộc về trước, về lịch-sử và nhất là về lai-lịch dân ta, các nhà sử-học gần đây chỉ đưa ra được những giả-thuyết, dựa vào các điều chép ở sử Trung-quốc. Chúng ta hãy nói qua về các giả-thuyết ấy. Trước hết có mấy việc chép ở sử Trung-quốc về đời thượng-cổ, liên-quan nhiều ít đến dân ta, những việc ấy xem ra cũng khó mà tin được.

Kinh-Thư về đời vua Nghiêu (2357-2286 trước Tây-lịch) chép rằng vua sai hai họ Hi, Hòa làm ra lịch, vua sai riêng Hi-thúc ra ở đất Nam-giao hay Giao-chỉ, để quan-sát ngày hạ-chí. Giao-chỉ là tên đất mà ta thấy xuất-hiện trong sử ta về đời Hồng-Bàng, và đến năm Canh-Ngọ (111 trước Tây-lịch) nhà Hán đánh nhà Triệu lấy đất Nam-việt, cũng đặt miền Bắc nước ta thành Giao-chỉ-bộ. Nhưng Giao-chỉ đời vua Nghiêu có là miền Bắc nước ta ngày nay không? Điều ấy, các sử-gia không dám chắc. Nam-giao hay Giao-chỉ về đời Nghiêu là tên chỉ các đất ở phương Nam, mà thời ấy chưa ai đi đến, có lẽ là lưu-vực sông Trường-giang (Dương-tử) bây giờ. Dân Trung-hoa tiến xa xuống miền Nam, càng đẩy lùi xa cái tên Giao, Giao thành ra tên tất cả khu đất ở phía Nam sông Trường-giang mà họ chưa biết đến. Rồi vì thế mà đến triều Hán, khi biên-giới Trung-hoa đến sát biên-giới miền Bắc nước ta ngày nay, người Hán lại lấy tên Giao đó đặt cho đất bắc Việt-nam bây giờ, gọi là bộ Giao-chỉ, vì đất ấy ở phía Nam các đất Trung-quốc.

Cũng đời vua Nghiêu, năm 2353 trước Tây-lịch; sử Trung-hoa có chép việc người nước Việt-thường sang dâng rùa. Vào khoảng đầu nhà Chu, năm tân-mão đời Thành-Vương (1109 trước Tây-lịch) nghĩa là 1244 năm sau việc dâng rùa, sử Trung-quốc lại chép có nước Việt-thường ở phía nam Giao-chỉ, sai sứ đem con Bạch-trĩ sang cống, nhà Chu phải tìm người thông-ngôn, phải thông-dịch ba lần mới hiểu được nhau, và Chu-công-Đán lại chế ra xe chỉ nam đưa sứ Việt-thường về nước. Người ta muốn biết đất Việt-thường

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

này có liên-quan gì đến nước ta không. Tên Việt-thường này cũng thấy chép trong sử ta về đời Hồng - Bàng, là một phần của nước Văn-Lang và cứ tục-truyền thì là đất Quảng-bình, Quảng-trị ngày nay. Cổ-sử chép thế, nhưng muốn biết đích-xác đất Việt-thường ở đâu thì thật khó vì không có chứng-cớ nào khá tin được cả. Chỉ có thể nói đất Việt-thường này là vùng đất ở phía nam sông Trường-giang, cũng là khoảng đất không có biên-giới phía nam rõ-ràng, do các giống người Việt ở. Các giống này gọi chung là Bách-Việt và Việt-thường có thể là một bộ-lạc trong các giống đó. Chớ nên quên rằng người thời ấy, về địa-lý, không biết quá sông Trường-giang. Vì sử chép Việt-thường ở phía nam Giao-chỉ, mà Giao-chỉ, từ đời Hán, là tên chỉ phần bắc nước ta ngày nay, thành-thử sử-gia Trung-quốc đặt Việt-thường vào đất Quảng-bình Quảng-trị bây giờ. Rồi các sử-gia chép ngoại-kỷ trong sử ta cũng chép theo như thế. Nhưng cho đến ngày nay, người ta vẫn không xác-định được Việt-thường là đất nào. Mấy việc chép trong sử cũ của Trung-quốc, như ta vừa thấy, không đem lại được tia sáng nào vào dĩ-vãng của dân-tộc Việt trước thế-kỷ thứ 2 trước Tây-lịch cả.

Trở về sử ta, ngoại-kỷ chép vị vua đầu tiên nước ta là Kinh-dương-Vương, dòng-giõi vua Thần-Nông. Kinh-dương-Vương làm vua nước Xích-quỷ, — một tên nước khó tin, vì không ai đặt tên nước mình là quỷ đỏ; hay vì dân có da đỏ, hay mình bôi đỏ mà người Trung-quốc gọi thế chăng? Cũng như họ gọi rợ Địch vì giống người này ban đêm đóng trại, có đốt lửa và có chó canh giữ (chữ địch gồm bộ khuyển và chữ hỏa), rợ Di vì giống người này dùng cung nỏ (chữ Di có chữ cung ở trong) — diện-tích nước này rất rộng lớn : bắc giáp hồ Động-đình, nam giáp Hồ-tôn (Chiêm-thành) tây giáp Ba-thục, đông giáp Nam-hải, nghĩa là gồm, ngoài đất bắc Việt-nam hiện nay, cả đất Lưỡng-quảng, Hồ-nam, Quý-châu, của Trung-quốc nữa. Kinh-dương-Vương cho con là Hùng-vương thứ nhất làm vua nước Văn-Lang, tức là miền bắc Việt-nam ngày nay, từ Quảng-trị trở ra. Nếu các tục truyền ghi ở ngoại - kỷ sử ta là đúng, thì dân-tộc ta lại ở vào đất Hồ-Nam bây giờ. Và nếu đúng thế thì dân-tộc Việt này phải có phong-tục giống dân vùng Hồ-Nam mới phải, mà thực thì người ta không thấy thế. Ở đây xin mở một cái ngoặc. Theo sử-gia H. Maspéro, thì về thời Xuân-Thu, về phía nam nước Ba (vùng Trùng-khánh) và nước Thục (vùng Thành-đô) có một nước còn mọi-rợ, là nước Dạ-lang, gồm một phần Hồ-Nam và Quý-châu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chính nước Dạ-lang này mà sử ta chép lầm là Văn-lang, vì chữ Dạ và chữ Văn tự-dạng gần nhau. Cũng theo H. Maspéro, tên Hùng-vương cũng là chép sai, phải gọi là Lạc-vương mới đúng, vì chữ Hùng và chữ Lạc tự-dạng giống nhau. Và nếu theo thuyết này thì nước Dạ-lang quả ở trong phạm-vi đất đai của Kinh-dương-Vương như trên kia vừa nói, và họ Hồng-Bàng là vua nước Dạ-lang ấy chứ không phải là vua ở đất bắc nước ta ngày nay.

Trở lại căn-nguyên dân-tộc ta thì trong các sử cận-đại, không thấy chứng-cớ gì là dân ta là dòng-dõi đám dân ở Hồ-Nam Quý-châu, mà lại có chứng cớ rằng dân ta là dòng-dõi dân Việt ở hạ-lưu sông Trường-giang về đời Xuân-Thu. Chúng ta hãy nói qua về nước Việt ấy trước khi nêu ra giả-thuyết vừa nói trên.

Ở cửa sông Trường-giang và về phía nam, vào tỉnh Giang-tô ngày nay, về đời Xuân-Thu, có nước Ngô, và vào tỉnh Triết-giang ngày nay, có nước Việt. Nước Việt này chiếm phần bắc của vùng đất có nhiều giống Việt sinh-trưởng, gọi chung là Bách-Việt. Vùng đất này gồm các tỉnh Triết-giang, Phúc-kiến, Quảng-đông và một phần Quảng-tây ngày nay. Người Việt này, sử sách Trung-quốc xưa còn ghi, là một dân-tộc chuyên nghề chài lưới, có nhiều ghe thuyền đánh cá, có tục vẽ mình (văn thân) để tránh giống thuồng-luồng (giao long) làm hại, có tục cắt tóc hay búi tóc. Đó là một dân-tộc vùng bể, ưa ở bờ bể, bờ sông, ít khi đi sâu vào nội-địa. Vì có nhiều ghe thuyền đánh cá, nên họ có thể di-chuyển dễ-dàng dọc theo bờ biển và khi bị đánh đuổi, thì có thể chạy trốn xa được. Có lẽ xưa kia họ không ở vùng Triết-giang, mà ở quá trên bờ bể miền Bắc, hấp thụ văn-hóa Trung-quốc, họ lập ra ở đất Triết-giang một nước có tổ-chức, trước khi bị bó-buộc phải di-dân xa hơn nữa về miền Nam. Phải chăng đất Việt ở phía nam sông Trường-giang này chính là đất Giao đời vua Nghiêu ? Có nhà sử-học, giáo-sư Trần-kinh-Hòa, cho là chữ *giao* này vốn là chữ *giao* có bộ *trùng* ở bên, nghĩa là thuồng-luồng, và Giao-chỉ là nói có nhiều thuồng-luồng, người ta thấy giống vật đó, liền lấy tên vật gọi làm tên đất. Thuyết ấy cũng có thể tin được, vì ta thấy người ta gọi nước Ba vì ở đấy có nhiều rắn (Ba là tên một thứ rắn) và nước Thục vì ở đấy có nhiều tằm (Thục có nghĩa là con tằm).

Ta còn biết được lịch-sử nước Việt, chiếm cứ vùng Triết-giang ngày nay, vào khoảng năm 600 trước Tây-lịch về sau, vì nước ấy

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thường tranh-giành với hai nước láng giềng là Ngô và Sở. Hai nước này, gần đất trung-nguyên của Trung-quốc hơn nên có vai trò quan-trọng sớm hơn nước Việt.

Ngày nay, người ta biết được tên các vua nước Việt, từ năm 551 trước Tây-lịch khi vua tên Doãn-Thường làm vua, cho đến năm 334 trước Tây-lịch, năm vua tên là Võ-Cương chết, vào lúc nước Việt bị nước Sở diệt, còn quý-tộc và bình-dân bị xua đuổi về phương nam.

Các vua nước Việt nhận mình là dòng dõi vua Hạ-Vũ, mất ở Cối-kê năm 2128 trước Tây-lịch. Cháu chắt vua Hạ-Vũ là vua Thiếu-Khang, phong cho con ở đất Cối-kê, đó là Vô-Dư, lập ra nước Ư-Việt, hay là nước Việt.

Dân nước Việt cũng cùng phong-tục với dân nước bên cạnh là nước Ngô. Hai nước ấy liên-lạc mật-thiết với nhau trong mấy trăm năm. Nước Ngô khéo tổ-chức hơn, nên mạnh hơn, đánh bại nước Việt. Vua Hạp-Lư nước Ngô đánh vua nước Việt Câu-tiễn nhưng bị thương chết, vua Phù-sai, con Hạp-lư, đánh Câu-tiễn để báo-thù và đã thắng được Việt. Nước Ngô càng ngày càng mạnh nên đã có phen làm bá-chủ chư-hầu. Nhưng đến sau, Câu-tiễn (495—465 trước Tây-lịch) lại trả thù được. Câu-tiễn « nằm gai nếm mật » gắng làm cho Việt cường thịnh và nổi danh một thời, được Phạm-Lãi người nước Sở giúp đỡ, sau khi khó nhọc nhiều, đã khôi-phục được lực-lượng nước Việt. Và đến năm 472, Câu-Tiễn đánh và tiêu-diệt nước Ngô. Thừa thắng, Câu-Tiễn kéo quân lên tận đất Sơn-đông ngày nay, vì khi đó chư-hầu đều yếu cả. Trong một thời, Câu-Tiễn là chư-hầu mạnh ở Trung-quốc và có thể làm bá-chủ được. Nước Việt thôn tính nước Ngô, công-hầu nước Ngô chạy trốn ra bể, có lẽ sang đến Nhật-bản.

Các vua kế nghiệp Câu-Tiễn, không giữ được nước cường thịnh như trước. Nước Sở trở nên càng ngày càng mạnh, mà nước Việt lại đi đánh Sở. Vua Việt là Vô-Cương bị thua và bị giết năm 334 trước Tây-lịch. Đó là vua cuối cùng nước Việt. Quý-tộc và bình-dân nước Việt chạy tan về phía nam, ở lẫn với các bộ-lạc Bách-Việt. Họ kéo xuống đất rợ Mán là đất Phúc-kiến, và đất Quảng-đông Quảng-tây và Bắc Việt-Nam ngày nay. Ở các đất ấy, đang có những chủng-loại còn mọi-rợ, chưa theo văn-hóa Trung-quốc. Ngay ở nước Việt vừa bị nước Sở thôn tính đó, đám bình-dân vẫn còn giữ những phong-tục cổ-sơ, chỉ có đám công-hầu quý-tộc là nhiễm văn-hóa Trung-quốc nhiều. Sau khi nước Việt tan-rã, một đám người Việt chạy đến miền Bắc nước Việt-Nam ngày nay. Phải chăng

Bản số hoá 2016 DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

họ noi-theo chim Lạc mùa thu trốn lạnh, mà hướng về phương Nam, thế nên họ thờ chim ấy làm vật tổ (totem) và tự-xưng mình là Lạc-Việt, hoặc là dòng Hồng-Lạc ? Đến hạ-lưu sông Nhị, họ chen-lộn, cùng sống với thổ-dân đã có từ trước ở đấy. Thổ dân này gồm những bộ-lạc thuộc về dòng Thái, và vết-tích ngày nay có thể là người Mường. Họ tiến bộ hơn người bản-xứ, có tổ-chức và kỹ-thuật hơn, thiện chiến hơn, nên chẳng bao lâu, họ cầm đầu được tất cả. Tuy nắm được quyền-chính nhưng vì họ là thiểu số nên cũng có nhiễm theo phong-tục và tiếng nói của số đông người bản xứ, nhưng họ cũng mang theo vào nhiều tiếng mới. Thế là dân Việt vốn ở Triết-giang, nay đã xuất-hiện ở miền Bắc Việt-Nam.

Đến năm 221 trước tây-lịch, Tần-vương sau khi diệt sáu nước là Ngụy, Hàn, Triệu, Yên, Tề và Sở, lên làm hoàng-đế cả Trung-quốc, đó là Thủy-Hoàng-đế. Năm 215 trước tây-lịch Thủy-hoàng xâm chiếm vùng Quảng-đông Quảng-tây bây giờ, khi ấy do những chủng-loại Bách-việt ở, và sử Trung-quốc gọi là đất Dương-việt, nghĩa là đất Việt thuộc vào châu Dương. Đối với người thời ấy Dương-châu ở vào cửa sông Trường-giang hiện nay, là đất xa nhất mà họ biết đến, các đất miền nam sáp-nhập dần vào, họ đều cho lệ-thuộc vào đất Dương-châu cả, do đó có tên là Dương-Việt. Tần-Thủy-Hoàng sai tướng là Đồ-Thư đem năm chục vạn quân kéo qua vùng Hồ-Nam, chiếm lấy đất Dương-việt và bắt đầu công-cuộc thực-dân. Vùng đất ấy, nhà Tần đặt làm quận Quế-lâm (vùng Quảng-tây), Nam-hải (vùng Quảng-đông), còn vùng đất phía tây, thượng-lưu Tây-giang, đặt làm Tượng-quận ; đặt quan cai-trị như các quận khác ở Trung-quốc. Người bản xứ không chịu để người Trung-quốc cai-trị trốn vào rừng ở, và đánh du-kích chống lại. Còn nước Âu-lạc của An-dương-vương giữ được độc-lập vài năm nữa (218—214). Vài năm sau, nhà Tần suy, giặc nổi khắp nơi, Nam-hải-úy là Nhâm-Ngao thấy có cơ-hội lập nước tự-chủ ở phương Nam. Công việc chưa xong, thì Nhâm-Ngao mất. Khi sắp mất, Ngao giao quyền lại cho Triệu-Đà, người đất Tần, đang làm Long-Xuyên-lệnh (Long-Xuyên thuộc quận Nam-hải), thay mình làm Nam-hải-úy. Năm quý-tị 208 trước tây-lịch, Triệu-Đà tụ tập quân đội sang đánh lấy đất Âu-lạc của An-dương-vương, sáp-nhập vào đất Nam-hải, lập thành nước Nam-việt, tự xưng làm vương, lập ra nhà Triệu. Như thế là Triệu-Đà tự-chủ đối với chính nước mình và là một vị vua người Trung-quốc chứ không phải người Việt-Nam. Đến năm Ất-tị 196 trước tây-lịch, sau khi Lưu-Bang trừ nhà Tần, diệt nước Sở, lên làm vua, tức là Hán-Cao-tổ, thì Triệu-Đà thần phục nhà Hán và được phong vương. Đám dân mà Triệu-Đà chinh-phục được ở lưu-vực sông Nhị, theo sử sách chép thì

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

là một dân chuyên chài lưới, vẽ mình để giống giao-long khỏi làm hại. Đó là những phong-tục mà bốn trăm năm về trước, đã thấy ở dân Việt vùng Triết-giang, đó là chứng cớ rằng sau khi bị tan rã vào năm 334, dân Việt đã phải từ Triết-giang đi xuống miền Nam, và Triệu-Đà lúc sang cai-trị, đã gặp dòng giống của dân đó ở lưu-vực sông Nhị. Cuộc di-dân đó, sử sách đã có chép. Dòng giống dân Việt đó, là tổ-tiên dân Việt-nam ngày nay, như ta đã thấy, vẫn còn ưa làm nghề chài lưới, ưa ở bờ bể bờ sông và không ưa đi sâu vào nội địa, còn tục vẽ mình thì cứ như sử chép mãi đến đời vua Trần-Anh-Tôn mới bỏ (1293—1314).

Dĩ-vãng của người Việt-nam, trong thời-gian xa-xăm ấy, có thể tin được là như thế. Nhưng xem các tục-truyền ghi trong ngoại-kỷ sử ta, về Kinh-dương-vương về họ Hồng-Bàng, về lãnh-thổ nước Văn-lang rộng tới Động-đình-hồ, ta thấy không liên-quan gì đến nước Việt vùng Triết-giang cả. Vậy người ta hỏi rằng, nếu dân Việt là dòng-dõi những dân ở bờ bể, tại sao những truyện cổ-tích chép troug sử của dân đó lại xảy ra ở đất Hồ-Nam được. Câu hỏi ấy, ta có thể trả lời được bằng một thuyết nữa. Như trên ta vừa thấy, Nhâm-Ngao, rồi Triệu-Đà, đều là người Trung-quốc, đem quân từ vùng sông Hà xuống phía Nam mà thôn-tính các đất phương Nam cho đến miền Bắc Việt-nam hiện nay. Rồi đến nhà Hán diệt họ Triệu vào năm Canh-ngọ 111 trước tây-lịch, và sáp-nhập nước Nam-việt vào lãnh thổ Trung-quốc, chia làm quận huyện cai-trị như đất Trung-quốc. Mỗi lần đi đánh miền Nam, nhà Tần, nhà Triệu cũng như nhà Hán mang quân từ trung-nguyên qua vùng Động-đình-hồ. Quân đó, lấy ở Trung-nguyên cũng có và ở các đất đi qua cũng có. Khi Triệu-Đà và người Hán cai-trị miền Bắc Việt-Nam hiện nay, dân Việt phải ở dưới quyền một nhóm thống-trị gồm các Thái-thú, các quan-lại, quân lính đi từ vùng Bắc hay vùng giữa Trung-quốc sang. Tỉnh Hồ-Nam, là nơi có đường đi được xuống miền Nam, là quê-quán của một số nhiều trong đám người thống-trị. Nhiều người Trung-quốc ấy, sang miền Bắc Việt-Nam, theo sau các Thái-thú hay ở trong quân ngũ, dần dần ở lại nơi họ đóng, sinh-cơ lập nghiệp, rồi lâu dần, lẫn-lộn, hộn-chủng với người bản-xứ. Họ là giai-cấp có học hơn. Và vài trăm năm sau, khi các tục-truyền ghi trong ngoại-kỷ được ghi chép, chắc là do tay họ. Những ký-ức xa-xôi của họ tuy được chép ra, nhưng vì đã quá lâu đời rồi nên họ không còn nhớ rõ và cũng muốn tỏ ra họ thuộc vào dòng giống vẻ-vang nên họ đã vá-víu các truyện cổ-tích của họ vào lịch-sử Trung-quốc. Họ đã quên mất nơi quê-quán nguyên-thủy của họ, và tự-nhiên họ liền đặt vào khung cảnh lưu-vực sông Nhị là nơi họ đang sống, các câu truyện hoang-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đường đó. Tóm lại, các tục-truyền chép trong ngoại-kỷ sử ta, không phải là của dân Việt, tuy người ta đem gán cho, và không phải đã diễn ra ở miền bắc nước ta. Vây căn-nguyên dân Việt không nên tìm ở miền bắc Việt-Nam bây giờ mà thôi, mà lại phải tìm xa lên phía bắc, mãi đến hạ-lưu sông Trường-giang.

Dân Việt ngày nay, không còn thấy ở Trung-quốc nữa. Họ đã kéo nhiều về miền Nam, sang đến lưu-vực sông Nhị và trong hai nghìn năm, lại từ lưu-vực sông Nhị di-chuyển vào đến Vịnh Xiêm-la. Bị Trung-quốc cai-trị trong một nghìn năm, dân-tộc ấy hưởng nền văn-hóa của Trung-quốc, nhưng không bị đồng-hóa, rồi lại lấy được quyền tự-chủ đối với Trung-quốc, và vẫn giữ được những đặc-tính của lai-lịch xa xôi.

NGUYỄN - TOẠI

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

MỘT TRANG THẢM-SỬ TRIỀU NGUYỄN

Từ việc Hồng - Bảo bị truất ngôi đến việc phản-nghịch ở Kinh-thành

của BỬU - KẾ

VỀ các thời-đại quân-chủ, những việc tranh-giành ngôi thứ là việc thường xảy ra. Tôi tranh ngôi của vua, anh em chú cháu họ-hàng tranh ngôi nhau v. v... Không cần phải đem lịch-sử Âu-châu hay Trung-quốc ra để đối chứng, chỉ giở lại những trang sử cũ nước nhà, ta cũng đủ thấy bao nhiêu việc rắc-rối thúc-đẩy bởi lòng tham, gây nên những cảnh nồi da xáo thịt.

Về thượng-cổ thời-đại, vì tính-cách hoang-đường của nó, về các thời-đại Bắc-thuộc (111 tr. Tây lịch — 931 sau Tây lịch) vì chưa có qui-củ, chưa có trật-tự, nên ta hãy tạm gác lại một bên và chỉ bắt đầu xét từ thời-kỳ tự-chủ, tức từ nhà Ngô trở về sau.

Đinh-Tiên-Hoàng (968—979) bỏ con trưởng lập con út là Hạng-Lang làm thái-tử. Người con trưởng, tức Việt-Nam Vương, đã từng theo cha đi đánh giặc từ hồi còn hàn-vi, nay bỗng-nhiên bị truất, tức giận khiến người giết chết Hạng-Lang.

Lê Đại-Hành (980—1009) cho người con thứ ba là Long-Việt làm thái-tử. Sau khi vua Đại-Hành mất, các hoàng-tử tranh ngôi đánh nhau trong 7 tháng. Long-Việt lên ngôi được 3 ngày thì bị em là Long-Đĩnh sai người ám-sát.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Lý-Thái-Tổ (1010-1028) vừa mất chưa an-táng, các hoàng-tử đã đem quân vây thành để tranh ngôi thiên-tử.

Lê Nhân-Tông (1443-1458) có một người anh là Lạng-sơn-Vương Nghi-Dân, trước đã làm thái-tử, sau vì người mẹ phải tội cho nên bị phế. Đến năm Kỷ-mão (1459) Nghi-Dân đồng-mưu với bọn Lê-Đắc-Ninh, Phạm-Đồn, Phạm-Ban, Trần-Lăng nửa đêm vào thành giết chết Nhân-Tông và Hoàng-thái-hậu rồi tự lên làm vua.

Về ngôi chúa, họ Trịnh cũng gây ra lắm việc rắc-rối trong cung cấm :

Năm 1572, lúc Trịnh-Kiểm mất, trao quyền lại cho con trưởng là Trịnh-Cối. Em Cối là Tùng có ý muốn cướp quyền của anh, hợp lực với bọn Lê-Cập-Đệ, Trịnh-Bách để chống với Trịnh-Cối. Cối liệu thế không địch nổi đem binh về hàng họ Mạc.

Trịnh-Tùng, năm 1623, trao quyền cho con trưởng là Trịnh-Tráng. Trịnh-Xuân muốn tranh ngôi với anh, đem binh làm loạn, đốt phá Kinh-thành.

Trịnh-Sâm say-đắm Đặng-thị-Huệ, bỏ con trưởng là Trịnh-Khải để lập con của Thị-Huệ là Trịnh-Cán làm thế-tử. Trong triều tự-nhiên thành ra hai phe, lập bè đảng chống nhau. Người theo Trịnh-Khải, kẻ về phe Trịnh-Cán và Thị-Huệ.

Sở-dĩ có những việc tranh giành như ta đã thấy một phần lớn chỉ vì việc phong hoàng-tử, cũng như việc lên ngôi vua không có một luật-lệ gì qui-định rõ-rệt. Theo thói thường, con trưởng là người được thừa-kế, nhưng vua cha vẫn có quyền phế đi để lập hoàng-tử khác. Việc phế lập tuy là việc « biến », nhưng việc « biến » ấy lại được lập đi lập lại nhiều lần trong lịch-sử thành thử không còn khiến ai ngạc-nhiên nữa.

Dựa theo những sự-kiện đã xảy ra từ trước, ta có thể kết-luận : Không cần phải con trưởng mới được lên ngôi vua, cũng không cần phải là con Hoàng-hậu mới được phong Thái-tử (Đặng-thị-Huệ chỉ là một cô gái bán chè lá, Ỷ-Lan Thái-Phi, mẹ vua Lý Nhân-Tông, một cô gái hái dâu, đều được tuyển vào cung sau khi vua đã sách-phong Hoàng-hậu).

*

Giờ đây ta hãy xét đến trường-hợp của vua Tự-Đức, con thứ hai được lên ngôi thay vì An-phong-Công Hồng-Bảo, con trưởng. Việc phế lập này đã gây thành một trang thảm-sử triều Nguyễn, khởi đầu từ năm 1851,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tức năm An-phong-Công mưu-mô để chiếm-đoạt lại ngôi báu và chấm dứt vào năm 1866, năm Giặc chày vôi bộc phát và vua Tự-Đức suýt bị mưu hại.

Về đoạn sử này, trong quyển *Việt-Nam Sử-Lược*, Trần-trọng-Kim chép :

« Việc ngoài Bắc mới hơi nguôi nguôi, thì Kinh-Đô lại có việc làm cho náo-động lòng người.

« Nguyên vua Dực-Tông là con thứ mà được nối ngôi là vì người anh ngài là Hồng-Bảo phóng-đãng, không chịu học-hành cho nên không được lập. Ông ấy lấy điều đó làm tức giận, bèn đồ-mưu với một nước ngoại-quốc để tranh ngôi vua. Chẳng may sự lộ ra, ông ấy phải bỏ ngục, rồi uống thuốc độc mà chết. Còn con ông ấy thì được tha mà phải đổi tên là Đinh-Đạo.

« Đến năm Bính-dần (1866) là năm Tự-Đức 19, nhà vua đang xây Vạn-niên-cơ tức là Khiêm-lăng bây giờ, quân sĩ phải làm lụng khổ sở, có nhiều người oán-giận. Bấy giờ ở Kinh có Đoàn-Trưng cùng với em là Đoàn-hữu-Ái, Đoàn-tư-Trực và bọn Trương-trọng-Hòa, Phạm-Lương kết làm Sơn-đông thi-hội để mưu việc lập Đinh-Đạo lên làm vua. Bọn tên Trưng mới chiêu-dụ những lính làm ở Vạn-niên-Cơ và cùng với quan Hữu-quân Tôn-thất-Cúc làm nội-ứng, định ngày khởi sự.

« Đến đêm hôm mồng 8 tháng 8, bọn tên Trưng đem quân vào cửa Tả-Dịch, chực xông vào điện giết vua Dực-Tông. May nhờ có quan Chưởng-Vệ Hồ-Oai đóng cửa điện lại, hô quân bắt được tên Trưng, tên Trực và cả bọn đồng-đảng.

«Đinh-Đạo phải tội giảo, Tôn-thất-Cúc thì tự-vẫn chết, còn các quan có trách-nhiệm đều phải chiếu tội nặng nhẹ, hoặc phải giáng, hoặc phải cách».

Đọc đoạn trên này, ta thấy có nhiều điểm chưa được rõ-ràng để cho ta thỏa-mãn. Nhưng ta không nên trách điều đó. Vì chỉ trong một quyển sách mà phải bao trùm tất cả các triều-đại thì bảo làm sao đưa vào những chi-tiết được.

Chúng ta nên để ý rằng triều Nguyễn khác các triều kia ở chỗ, trừ vua Gia-Long và vua Khải-Định, các ông vua ở giữa đều không lập thái-tử.

An-phong-Công, tuy không được lập thái-tử, nhưng vẫn có nhiều yếu-tố để hy-vọng cho mãi đến ngày bị truất.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Công tuy sức học kém vua Tự-Đức, nhưng vẫn là người có học, lại khỏe mạnh và có lẽ đẹp hơn vua Tự-Đức. Lại còn một điều này nữa : Năm 1847, Thiệu-Trị thứ bảy, nhân dịp An-phong-Công sinh Ung-Đạo (sau đổi theo họ Đinh), vua Thiệu-Trị mừng lắm, thân tự bồng cháu qua trình trước mặt Thuận-Thiên Thái Hoàng-thái-hậu vợ vua Gia-Long.

Thế rồi đột-nhiên, đến ngày vua Thiệu-Trị sắp thăng-hà là ngày Hồng-Bảo nghe được tin sét đánh, mình bị truất để nhường ngôi lại cho em là Hồng-Nhậm.

Quốc-triều chánh-biên toát-yếu chép : « Ngài sai đòi Cố-mạng lương-thần Trương-đăng-Quế và Đại-thần Võ-văn-Giải, Nguyễn-tri-Phương, Lâm-duy-Thiệp vào chầu : Ngài truyền đuổi mấy người tả-hữu rồi ban rằng :

« Ta nối nghiệp lớn đã 7 năm nay, ngày đêm lo-lắng không dám thong-thả vui chơi ; mấy lần se mình hôm nay mệt lắm. Ta lo nghiệp lớn tổ-tôn phó-thác cho ta, nên ta phải lựa người nối-nghiệp để yên xã-tắc. Trong mấy người con ta, Hồng-Bảo tuy lớn, nhưng vì thứ-xuất, mà lại ngu-độn ít học, chỉ ham vui chơi nối-nghiệp không đặng ; con thứ hai là Phước-tuy-Công, thông-minh ham học, giống in như ta, đáng nối ngôi làm vua; hôm trước ta đã phê vào tờ di-chiếu để tại trong long-đồng. Các ngươi phải kính nơi đó, đừng trái mạng ta ! Các đại-thần đều khóc lạy vâng mạng, rồi lui ra.

« Đến ngày quí-mão, bệnh nặng lắm, Ngài băng tại cung Càn-thành ! Ngài có 64 Hoàng-tử và Hoàng-nữ. Liền ngày ấy các hoàng-thân, và các quan văn-võ hội-đồng tuyên-độc tờ di-chiếu tại đền Cần-chánh. Hoàng-tử thứ hai là Ngài Phước-tuy-Công khóc lạy vâng mạng. »

Việc Hồng-Bảo bị truất một cách bất ngờ đã tạo nên những luồng dư-luận không hay cho Trương-đăng-Quế.

Có kẻ cho rằng : Trương phu-nhân được tự-do ra vào nơi cung-cấm đã lợi-dụng tình-thế để đánh tráo con. Vua Tự-Đức chính là con của Trương, còn Trương-đăng-Đảng về sau làm đến chức Phụ-chánh đại-thần lại chính là con của vua Thiệu-Trị. (Trong khi tôi viết bài này vì không đủ thì-giờ để tìm xem có phải Trương-đăng-Đảng sanh trùng một ngày tháng với vua Tự-Đức không? Nếu phải thì lời nói trên sẽ có được đôi phần căn-cứ. Tôi nói chỉ đôi phần thôi vì trùng ngày tháng chưa phải là một bằng-cớ đích-xác trong việc tráo đổi).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Một dư luận nữa, tàn-nhẫn hơn, có thể do những kẻ có ác-tâm, độc mồm độc miệng phao ra : Trương-đăng-Quế đã tư-thông với bà Từ Dũ và sinh ra vua Tự-Đức. Câu chuyện không phải không thể xảy ra được, nhưng khó xảy ra lắm, nhất là đối với bà chánh-phi suốt đời ở trong cung-cấm, vua Thiệu-Trị lại không phải luôn luôn đi đánh đông giẹp bắc, để viên Đại-thần họ Trương ở nhà muốn làm gì thì làm. Vả lại nếu Vua Thiệu-Trị vốn hiếm-hoi không thể sanh con được thì ta còn tin lời nói ấy một phần nào, đằng nầy ông vua Nhà Nguyễn đến những ngoài sáu chục người con chứ không ít.

Còn việc Trương-đăng-Quế cố-tâm ủng-hộ Hồng-Nhậm lên ngôi tưởng cũng chẳng có gì đáng cho ta ngạc-nhiên. Trong khi các hoàng-thân một số lớn theo phò Hồng-Bảo, người mà họ nghĩ thế nào cũng sẽ lên kế-vị, thì Trương-đăng-Quế muốn gây dựng một người để về sau quyền-hành của mình, chỉ có tăng chứ không giảm, thì việc ông mưu-mô (nếu có) để vua Tự-Đức lên ngôi cũng chỉ là tâm-trạng chung của nhiều người.

Trường hợp Tô-hiến-Thành ta thấy có chỗ giống với Trương-đăng-Quế. Khi vua Anh-Tông mất, Thái-tử Long-Cán chưa đầy 3 tuổi, bà Chiêu-Linh Thái-hậu muốn lập người con trưởng là con mình là Long-Xưởng lên làm vua, đút lót tiền bạc nhưng ông nhất thiết không chịu, cứ theo di-chiếu mà lập Long-Cán là con thứ.

Không lẽ ta cũng lại nghi-ngờ Tô-hiến-Thành như đã nghi-ngờ Trương-đăng-Quế ?

Nếu quả có những mưu-mô sửa soạn từ trước, thì những mưu-mô đó cũng chỉ hành-động đâu trong bóng tối mà thôi. Chí như khi truất phế Hồng-Bảo thì rõ ràng lắm. Lúc vua Thiệu-Trị mệt nặng đâu có phải Ngài chỉ gọi một mình Trương-đăng-Quế vào mà dặn dò, lại còn có Võ-văn-Giải, Nguyễn-tri-Phương, Lâm-duy-Hiệp và khi tuyên độc di-chiếu có quan lớn quan nhỏ, hoàng-thân quốc-thích. Bưng mắt thì chỉ bưng mắt một vài người chứ bưng mắt cả triều-đình sao được ?

Về đoạn lịch-sử này, trong quyển Tuy-Lý-Vương, Trần-thanh-Mại viết : « Cập kỳ vua Hiến-tổ thăng-hà, bỗng-nhiên, như một tiếng sét đánh bên tai, Công được tin mình bị phế lập để nhường cho em là Hồng-Nhậm lên ngôi. Hồng-Nhậm là một người tàn-tật, xấu-xí mà cái sợ tuyệt-tự về sau có lẽ đã chính đáng lắm rồi. An-Phong cho rằng đấy là một thủ-đoạn của Tuy-Thạnh Quận-Công Trương-đăng-Quế, người thế-lực nhất trong triều thủa ấy ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bảo rằng vua Tự-Đức xấu-xí ta có thể tin được vì nó lộ ra ngoài còn nếu chắc-chắn Ngài sẽ tuyệt-tự thì tôi không đồng-ý. Vì Vua lên ngôi năm 18 tuổi, lúc bấy giờ có cái chuyện khám bác-sĩ đâu mà biết có con với không ? Nếu vua có kém sút mọi người về chỗ đó đi nữa, Ngài cũng dấu kín dễ ai mà biết được ! Huống hồ đọc thi-văn của Ngài ta vẫn thấy Ngài luôn luôn hy-vọng có con để thừa-tự.

Ông Mại không thuật rõ về chỗ vua Thiệu-Trị để di-chiếu, việc dặn dò các quan đại-thần, nói bức ngang một cách khiến ta có cảm-tưởng Trương-đăng-Quế oai-quyền to lắm muốn làm trời làm đất gì đó thì làm không ai ngăn cản được.

Đến đây ta thử nhắc lại tiểu-sử của Trương-đăng-Quế tưởng cũng không phải một điều vô-ích.

Trương người làng Mỹ-khê, huyện Bình-Sơn, tỉnh Quảng-ngãi. Đỗ cử-nhân năm Gia-Long thứ 18 (1819), sơ-bổ hành-tẩu ở Kinh rồi sung vào chức Giảng-tập tức là một trong những thầy dạy cho vua Thiệu-Trị lúc còn là Hoàng-tử. Ông thăng lần lên Thị-lang bộ-binh, Tham-tri Tài-chánh, Thượng-thơ Bộ-binh rồi sung Nội-các. Ông có công trong việc dẹp giặc Lê-văn-Khôi, giặc Mường, tổ-chức nền hành-chánh, quan lại tại Nam-Việt. Năm 1839 được phong tước Tuy-thạnh-Nam. Triều Thiệu-Trị ông được thăng Văn-minh-Điện Đại-học-sĩ, triều Tự-Đức thăng lên Phụ-Chánh Đại-thần Cần-chánh-Điện Đại-học-sĩ, tức là đứng đầu cả triều-đình hồi đó. Lúc mất Trương-đăng-Quế được thờ vào Hữu-Tùng-tự trong Thế-miếu cùng với các vị công-thần khác. Tác-giả *Quảng-Khê thi-tập*.

Theo trong quyển *Tùng-thiện-vương*, cụ Ưng-Trình, tác-giả lại còn cho ta biết thêm :

« Tiên-sinh thực là một vị khai sáng cho quan-trường, tiên-sinh làm đến Cố-mạng lương-thần, giữ chức Tể-tướng hơn 20 năm, điện-hàm đến Cần-chánh, cung-hàm đến Thái-sư, tước phong đến Quận-công, *thế mà ngày tiên-sinh về hưu, cả cơ-đồ của tiên-sinh, chỉ có một nóc nhà tranh và vài bộ ngựa gỗ* ».

Xem qua tiểu-sử của Tuy-thạnh-Công ta thấy ông chỉ là một vị quan lớn, đầu triều, chứ không có uy-quyền gì để cho những kẻ khác phải khiếp-sợ, và cũng không thấy một hành-động độc-tài nào được thi-thố.

Ta có thể kết-luận rằng việc Hồng-Bảo bị phế do vua Thiệu-Trị quyết-định. Trương-đăng-Quế nếu có nhúng tay vào, cũng chỉ là dùng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ảnh-hưởng của một vị Đại-thần để nói với vua, chứ không phải dùng uy-quyền của mình để tự-tiện thay đổi ngôi cửu-ngũ.

Ta lại nên nhớ đến điều này nữa, trong khi nói về Hồng-Bảo, vua Thiệu-Trị có dùng hai chữ « thứ-xuất » xem đó là một điểm xấu, tỏ ra rằng ngài thích « chánh-xuất », và chánh đây không ai khác hơn là bà Từ-Dũ, mẹ vua Tự-Đức. Như muốn kể đến những người đã dự vào việc truất-phế Hồng-Bảo thì ta không thể nào không kể đến bà Từ-Dũ được.

★

Sau khi bị truất-phế, Hồng-Bảo đã phản-ứng bằng cách tranh-giành lại ngôi-báu. Cái luồng dư-luận đưa ra bảo rằng Hồng-Nhậm không phải con vua Thiệu-Trị đã giúp một phần nào vào việc mưu-phản và Hồng-Bảo có thể dựa vào cái dư-luận ấy để tránh tiếng « huynh-đệ tương-tàn ».

Việc An-Phong mưu nghịch, về năm Tự-Đức năm thứ 7 (1854), *Quốc-Triều chánh-biên toát-yếu* chép vỏn-vẹn có 3 hàng, trong *Chánh-biên Đệ-tứ-kỷ* chép nhiều hơn, nhưng cũng không lấy gì làm rõ-ràng cho lắm : « An-phong-Công Hồng-Bảo mưu nghịch tầm tự-ải vu mi sở, tử nữ tịnh dự mưu, cố viên Tôn-thất-Bật đồng tước tôn-tịch, cách viên Đào-trí-Phú lăng trì xử tử các tịch nã thân sản. Tiên thị Hồng-Bảo dĩ bất đắc lập, tâm mưu, tiềm thông Tây-dương sự giác. Đế phả ưu dung chi. Khứ niên âm sử hoài dị Phủ thuộc, Trần-tuấn-Đức thông ước Cao-Man phiến biến. Kinh-lược Đại-sứ Nguyễn-tri-Phương nã giải Kinh tra quả. Bảo ư cầu sở tự tận. Cải tánh Đinh, Bật cải tánh Phan, giai mẫu tánh».

Dịch nghĩa : An-phong-Công Hồng-Bảo mưu-nghịch rồi thắt cổ chết trong nhà giam, con trai, con gái đều dự vào mưu phản-nghịch ấy. Viên Tôn-thất-Bật đã quá cố, xóa gạch họ Tôn-thất, viên Đào-trí-Phú trước đây bị cách nay lăng trì xử-tử. Gia-sản thân thuộc đều bị tịch-thâu. Trước đó Hồng-Bảo vì không được lập, lòng âm-mưu lạ, lén thông đồng với người Tây bị phát-giác. Vua thương tình dung thứ cho. Năm ngoái (1853) lén sai tên thuộc-hạ trong Phủ là Trần-tuấn-Đức, qua thông-ước với Cao-Mên để gây việc phiến-biến. Kinh-lược Đại-sứ Nguyễn-tri-Phương bắt được giải về Kinh tra xét quả đúng như vậy. Bảo trong nhà giam tự-tử, cải qua họ Đinh, Bật cải qua họ Phan, đều là họ mẹ cả.

Tiểu-sử của Hồng-Bảo trong *Liệt-truyện chánh-biên* chép rất vắn tắt. Hồng-Bảo con trưởng, vua Tự-Đức con thứ hai. Hồng-Bảo bị tội cải qua họ mẹ...

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ông Orban, trong bài Lăng-tẩm nhà Nguyễn đăng trong B.E.F.E.O. (Kỷ-yếu Viễn-Đông Bác-Cổ) có cho biết Hồng-Bảo sinh ngày 29 tháng 4 năm 1825, có 9 trai, 1 người con nuôi và 8 gái.

Cứ theo Giám-mục Pellerin, thì sau khi vua Tự-Đức lên ngôi được 1 năm, An-phong-Công đã tìm cách lật đổ. Trong một bức thư ngày 26 tháng 11 năm 1848 in trong Annales Propagation Foi, cố Pellerin viết :

«Việc anh trưởng của vua Tự-Đức tên An-Phong bị truất-phế, hoặc do di-chiếu của vua Thiệu-Trị, hoặc do Hội-đồng Cơ-mật. Người ta bảo rằng việc truất ngôi nầy do Hồng-Bảo ít học chữ Hán và tánh xấu mà ra. Dầu thế nào, theo chỗ tôi biết thì Hồng-Bảo đã nhiều lần tìm phương-sách lấy lại ngôi báu mà mình sanh trước nên đáng được thừa hưởng. Ông muốn lôi cuốn những người công-giáo về phe mình và hứa hẹn, không những để cho tín-đồ được tự-do mà còn được thế-lực của mình để biến cả nước thành Thiên-chúa-giáo. Tôi cũng không rõ những lời hứa hẹn đó thành-thực đến mực nào, nhưng các con chiên nhiều lần đến hỏi ý-kiến tôi về vấn-đề này thì tôi trả lời rằng chỉ nên tin-tưởng vào Chúa Trời và Đức Mẹ mà thôi và tôi cấm họ không được xen vào chánh-trị».

Giám-mục Retord cũng trong một bức thư đăng ở Annales Propagation Foi, đã nhắc lại bức thư của cố Pellerin như sau :

« Một bức thư của cố Pellerin đề ngày 23-2-1851, đã khiến cho chúng ta lo-lắng nhiều. Vị giám-mục nầy tin cho chúng ta biết anh trưởng của Vua là Hoàng-tử Hồng-Bảo, nghĩ mình đáng được chính-thức thừa hưởng ngôi báu, một lần đầu đã cố kiếm cách trốn đi nhưng vô hiệu. Người ta không rõ là đi đâu, nhưng chắc hẳn là đi cầu-viện để đoạt lại ngôi-báu. Lần thứ hai này lại trốn thoát được. Vua nghi chính người công-giáo đã giúp-đỡ trong việc đào thoát này ».

Ông Galy cũng cho chúng ta biết nhiều điều lý-thú về câu chuyện của Hồng-Bảo :

«Cuối tháng giêng năm 1850, Long-hoang-Bao cũng còn gọi là An-Phong, với tư-cách con trưởng của vua Thiệu-Trị, đáng được kế vị. Nhưng ông Cái-chanh, thường gọi là Ông Qui, một vị Đại-thần có thế-lực trong triều đã mưu-mô để đoạt ngôi-báu cho vua Tự-Đức, rể mình (?). Từ đó, Long-hoang-Bao luôn luôn bí-mật vận-động để đoạt lại địa-vị. Ông đã nhiều lần tiếp-xúc với những người công-giáo ở Kinh-Đô, hứa sẽ cho họ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

được hoàn-toàn tự-do về mặt tôn-giáo và nhiều quyền-lợi khác nếu họ làm thế nào giúp đỡ để ông trở lại ngôi báu. Các tín-đồ Thiên-chúa-giáo luôn luôn hỏi ý-kiến Giám-mục Pellerin, cố đã trả lời rằng Tôn-giáo ngăn cấm việc truất ngôi vua. Những người trung-thành với vua chính là những người công-giáo. Nếu bằng một cách nào khác, mà ông Hồng-Bảo lại lên ngôi, chính họ sẽ là những người dân trung-thành của ông ấy. Không thể dựa vào những người công - giáo được, Long-hoang-Bao xoay qua hướng khác. Cuối tháng giêng năm 1851, nhân Tết âm-lịch, Ông bị bắt trong khi sửa-soạn một cuộc đi trốn. Ông có ý định sang Tân-gia-Ba cầu-viện người Anh. Một chiếc tầu nhỏ đỗ ở dòng sông chảy ngang ngoài Kinh-thành. Còn chiếc tầu lớn sẽ chở ông qua Tân-gia-Ba thì đậu ở một cửa bể lân-cận. Tầu và ghe thuyền bị tịch-thu, khí-giới và các thức cần-dùng đã tích trữ khiến người ta không thể nào không nghi-ngờ về ý-định của Ông được. Dưới triều Minh-Mạng thì bị xử tội lăng-trì rồi đấy, nhưng tôi không hiểu tại sao, lính chỉ được lệnh phải coi chừng mà thôi. Trong khi cơ-mưu bại lộ, ông định tự-tử, nhưng mấy người đầy tớ ngăn-cản kịp, ông phải quyết-định nhờ sự khoan-dung của nhà vua. Mình mặc áo chế, tóc rối đầu bù, tay ẵm đứa con trưởng chừng 6, 7 tuổi, Ông đi vào Đại-Nội, khóc-lóc thảm-thiết. Khi được đưa đến trước mặt Vua Tự-Đức, ông thú nhận dự định trốn ra khỏi Hoàng-thành, nhưng không phải như lời người ta đã tố-cáo ông muốn kêu gọi người ngoại-quốc đến để gây giặc-giã trong nước. Bây giờ ông nghèo khó, bị khinh - khi, bạn bè tôi tớ ngày một xa lánh, không thể nào giữ thể-diện như xưa được nữa, nên nguyện-vọng độc-nhất của ông là xin sang Pháp để sống như một kẻ thường dân. Không hẳn là vua Tự-Đức tin theo những lời nói ấy, nhưng cảm-động vì thấy anh quì xuống dưới chân để cầu xin. Vua mới tỏ những lời an-ủi, vỗ-về nói cho Ông biết vua không bao giờ tin theo những lời vu-khống đổ tội cho Hồng-Bảo, nhà Vua lại cho Hồng-Bảo được trả thù những kẻ phản-bội đã hèn-hạ tố-cáo mình. Muốn cho ông anh yên tâm hơn nữa, Vua Tự-Đức bảo rằng không cần phải đi đến nước người cho xa xôi, vua tự đùm bọc để ông anh được sung-túc. Ngoài ra Vua quyết-định nuôi con Hồng-Bảo làm con nuôi. Ngay trong khi đó Vua Tự-Đức lại ban cho ông anh 100 thoi bạc và 1 thoi vàng».

Galy viết tiếp : « Cử-chỉ khoan-hồng nầy đã làm vinh-diệu cho vua Tự-Đức nhiều lắm. Ông Qui, người đã mưu-mô trong việc thoán-vị không lấy làm bằng lòng lượng khoan-hồng nầy. Người ta cho rằng việc âm-mưu đào-vong bị thất-bại ấy, do cạm bẫy của ông đặt ra để đánh lừa Hồng-Bảo, bắt cho được quả-tang để tiện xử trảm. Hồng-Bảo đã từng nói — ai

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

muốn tin đó thì tin — rằng ông đã bị cướp ngôi thì thà về tay em hơn là về tay kẻ khác, nhưng ông muốn làm vua để một ngày kia moi gan ông Quí».

Những điều Galy viết về cử-chỉ khoan-hồng của vua Tự-Đức đối với anh khiến ta có thể tin lắm. Lúc bấy giờ, người Pháp không ưa gì nhà vua, có thể đem những điều xấu ra để bình-phẩm hơn là những điều tốt. Ta có thể đem so sánh đoạn trên nầy với đoạn nói về đức-độ của vua Dực-Tông trong con mắt của Thân-trọng-Huề và những lời phê-bình của nhà sử-học Trần-trọng-Kim :

ĐỨC-ĐỘ VUA DỰC-TÔNG.— ...Quan Tổng-Đốc Thân-trọng-Huề đã được trông thấy dung-nhan của Ngài và đã tả rõ chân-tượng của Ngài ra như sau nầy:...

Tính Ngài thật là hiền lành. Những người được hầu gần Ngài nói chuyện rằng : Một hôm ngài ngự triều tại điện Văn-Minh, ngài cầm cái hoa-mai (sợi dây làm bằng chỉ để thắp lửa mà hút thuốc) sắp hút thuốc, tên thái-giám đứng quạt hầu, vô ý quạt mạnh quá, lửa hoa-mai bay vào Ngài. Tên thái - giám sợ xanh mặt lại, mà Ngài chỉ xoa tay chứ không nói gì cả.

. . . . . .

Một hôm rảnh việc nước, Ngài ngự bắn tại rừng Thuận-Trực gặp phải khi nước lụt. Còn hai ngày nữa thì có kị đức Hiến Tổ, mà Ngài chưa ngự về. Đức Từ-Dũ nóng ruột, sai quan đại-thần là Nguyễn-tri-Phương đi rước. Nguyễn-tri-Phương đi nửa đường, vừa gặp thuyền ngự đương chèo lên, mà nước thì chảy mạnh, thuyền không đi mau được. Gần tối thuyền ngự mới tới bến. Khi ấy trời đang mưa, mà Ngài vội vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung, lạy xin chịu tội. Đức Từ-Dũ ngồi xay mặt vào màn, chẳng nói chẳng rằng chi cả. Ngài lấy một cây roi mây, dâng lên để trên ghế trát-kỷ rồi ngài nằm xuống xin chịu đòn. Cách một hồi lâu, đức Từ-Dũ xoay mặt ra lấy tay hất cái roi mà ban rằng :

— Thôi tha cho ! Đi chơi để cho quan quân cực-khổ thì phải ban thưởng cho người ta, rồi sớm mai đi hầu kị...

Về đoạn nầy, sử-gia Trần-trọng-Kim phê-bình : Xem cái chân tượng của vua Dực-Tông như thế, thì Ngài không phải là người to béo vạm-vỡ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mà cũng không phải là ông vua tàn ác bạo ngược như người ta thường nói. Chỉ vì Ngài làm vua về một thời đại khó-khăn.

★

Tuy được đối xử tử-tế, nhưng Hồng-Bảo vẫn không quên được ngai vàng. Trong một bức thư khác, viết vào năm 1855, Giám-Mục Pellerin đã nói rõ từ việc Hồng-Bảo hội họp đồng đảng uống máu ăn thề đến việc Hồng-Bảo tự vẫn :

« Hẳn bạn cũng biết Tự-Đức chỉ là con thứ hai của vua Thiệu-Trị, ông ta có một người anh tên Hoàng-Bảo, và được phong tước An-phong. Vị hoàng-tử nầy bị giành ngôi do những cuộc âm-mưu của mấy ông quan, nhất là vị Đại-thần đầu triều ông Quí. Ông nầy muốn có một vị vua do mình lập lên để được uy-quyền hơn trước. An-Phong không chịu an-phận, cứ luôn luôn kiếm cách để giành ngôi lại với em. Bạn có biết là đã nhiều lần ông ấy tìm cách điều-đình với tôi, nhưng tôi trả lời rằng, những người công-giáo không phải là kẻ dự vào các cuộc âm-mưu. Hồng-Bảo xây qua mặt khác. Ông quyến rũ những kẻ bất-đắc-chí, những kẻ tham - lam mà ông đưa ra nhiều hứa-hẹn. Một hôm ông nhóm những người trong đảng lại bắt uống máu ăn thề. Đó là một buổi lễ thông thường trong xứ nầy, giữa những kẻ muốn tham-dự vào một hội bí-mật và thề cùng sống chết. Người ta giết một con thú, thường thường là một con lợn : lấy huyết đựng đầy một chén, đưa quanh để mỗi người uống một hớp. Trong những trường-hợp quan-yếu hơn, mỗi đồng-chí tự lấy dao rạch cho chảy máu để hòa với huyết lợn mà uống. Sau đó người ta cùng nhau đánh chén con lợn ấy.

Buổi lễ nói trên cử-hành xong, năm bảy người trong nhóm đã ra ngoại-quốc, có lẽ là để kêu gọi thêm đồng-chí. Một người trong bọn đã đo con đường Xiêm và Cao-Mên để trở về nước, đem theo một nhà sư đã tuyển mộ được. Nhưng dọc đường đối-đãi với đồng-chí nầy không tử-tế, nên lúc qua đến biên-cảnh Việt-Nam, nhà sư liền tố-giác với quan-lại của vua Tự-Đức. Vì thế mà kẻ tay chân của Hồng-Bảo trong khi đang ngon giấc liền bị bắt trói, bỏ vào cũi như một con thú dữ để giải về Kinh. Bị tra tấn đau, y đã khai cả. Hình như trong lời cung, y có nói đến một chiếc tầu sẽ đến. Mà quả đúng như vậy, vào khoảng đầu tháng ba, một chiếc tầu nhỏ, tôi cũng không rõ thuộc về quốc-tịch nào nữa, đậu ở cửa bể trước Kinh-thành, súng ống hẳn-hòi ra vẻ một chiếc tầu chiến, trên tầu người khá đông nào là Xiêm, Trung - Hoa, Nam-kỳ, người ta bảo có cả

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

người Âu-châu nữa. Đoàn người trong thuyền đợi mãi vẫn không thấy ai đến bầy mưu tính kế gì, nên vội-vàng chạy thẳng ra bể. Việc chiến tầu nầy xuất-hiện đã gây một xúc-động lớn cho cả Kinh-thành. Những người giàu có lo chôn của, lại có những kẻ rang cơm để làm lương khô đem theo lên núi. Cơn lo sợ đã qua, các quan liền treo bản yết-thị nếu có kẻ nào hoang-mang lo sợ thì sẽ bị tử tội.

...Đình-nghị kết án Hồng-Bảo phải tội lăng-trì. Nhưng vua Tự-Đức đã tha tội chết và đổi thành tù chung thân, giam vào ngục-thất làm riêng cho Hồng-Bảo. Người ta định đưa Hồng-Bảo qua nhà giam mới vừa xây cất xong, nhưng ông không chịu, và nhân khi một mình, đã dùng vải trải giường để thắt cổ.

(Còn một kỳ nữa)

BỬU-KẾ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT-NAM

TỪ VÀ NGỮ (a)
(tiếp theo)

TIẾT IV

Ngữ

132.— Ngôn ngữ của bất cứ một dân tộc nào, lúc khởi thủy cũng chỉ có một số tiếng gốc dùng để diễn tả tư tưởng còn chất phác. Về sau, trí thức mở mang, sinh hoạt phức tạp, cần phải đặt thêm tiếng mới, để cung ứng cho nhu cầu của tiến hóa.

Tiếng ta là thứ tiếng đơn âm, số âm tố và số vần có hạn, vậy thì từ đặt thêm cũng chỉ có hạn. Vì thế ta phải ghép nhiều từ để chỉ *một* sự vật hay sự trạng. Tỉ dụ :

---

a) *Đại Học* số 4|5 đã đăng ba tiết đầu, chương *Từ và ngữ* rút trong cuốn *Khảo luận về ngữ pháp Việt-nam* : Tiết I : *Từ*, Tiết II : *Từ đơn và từ kép*, Tiết III : *Cách cấu tạo từ kép*.

Số báo này chúng tôi cho đăng nốt bốn tiết cùng chương *Từ và ngữ*.
Số báo trước, thợ nhà in xếp lộn : dòng 22, 23 và 24 trang 220, và 5 dòng đầu trang 221, chính là tiếp vào lời chú 2 trang 220. Ngoài ra, còn nhiều chữ xếp lầm, như :

tr. 191,	dòng 11,	*để làm cho*	xếp lầm là :	*đã làm cho,*
—	— 21,	*dị nghĩa*	—	*bị nghĩa,*
tr. 194,	— 20,	*mỗi tiếng*	—	*nỗi tiếng,*
tr. 205,	— 16,	*biến thinh*	—	*biến thành,*

vân vân...

Bản báo xin độc giả thứ lỗi cho, và chắc rằng các bạn cũng đã tự đính chính rồi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

— **a)** *thợ* là người làm việc bằng chân tay. Xưa kia, đời sống giản dị, một người thợ kiêm nhiều nghề, mà có lẽ kiêm tất cả các việc lao động. Về sau, sinh hoạt phức tạp, có sự phân công trong xã hội, lại có thêm nhiều nghề mới, nên muốn phân biệt các nghề ta phải đặt ra ; *thợ mộc, thợ nề, thợ ngõa, thợ rèn, thợ máy, thợ cạo, thợ động hồ,* v. v...

— **b)** *tàu* vốn là cái thuyền lớn, vậy thì trước kia tàu dùng để chỉ một phương tiện giao thông trên mặt nước. Sau này tiếp xúc với người phương Tây, ta mới đặt ra : *tàu hỏa, tàu điện, tàu bay, tàu lặn, tàu, bò* v. v... và phân biệt với những hạng « tàu » mới này, ta gọi tàu theo nghĩa cũ là *tàu thủy.*

— **c)** *đi* là ở chỗ này dời ra chỗ khác ; tùy phương hướng ta đi mà ta phân biệt : *đi ra, đi vào, đi lên, đi xuống, đi qua, đi lại,* v. v...

Thợ chỉ một sự vật, *thợ mộc* cũng chỉ có một sự vật, nhưng *thợ mộc* diễn tả ý phức tạp : ý *thợ mộc* gồm có hai ý *thợ* và *mộc* (gỗ). *Tàu* chỏ một sự vật ; *tàu bay* cũng chỏ một sự vật nhưng gồm hai ý *tàu* và *bay. Đi* chỏ một sự trạng ; *đi ra* cũng chỏ có một sự trạng, nhưng sự trạng phức tạp gồm hai ý *đi* và *ra.*

Thợ mộc, tàu bay, đi ra, v. v... do nhiều từ ghép với nhau, ta gọi là *ngữ.*

Vậy, ngữ là nhiều từ họp với nhau (hay một tổ hợp tiếng) chưa thành câu, dùng để diễn tả ý phức tạp, ý phức tạp ấy là một sự vật hay sự trạng (1). Nhưng, ngữ còn dùng để chỉ một tổ họp tiếng cùng giữ một chức vụ ngữ pháp, hay cùng là một thành phần trong câu, ta sẽ nói ở điều 195.

133.— Cách cấu tạo ngữ.

Trong một ngữ, mỗi từ diễn tả một ý, mỗi từ có một nghĩa riêng. Hội ý nghĩa tất cả các từ lại, thành ý nghĩa của ngữ. Tỉ dụ :

— *chủ nhà, độc giả, người đánh cá, vợ chồng, khinh trọng, thị phi* là ngữ. Hội hai ý *chủ* và *nhà,* thành ý *chủ nhà* ; hội hai ý *độc* (đọc) và *giả*

(1) Câu là tổ hợp tiếng diễn tả ý phức tạp, ý phức tạp ấy là một việc (xem điều 165).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

(người), thành ý *độc giả* (người đọc); hội ba ý *người, đánh* và *cá* thành ý *người đánh cá*; hội hai ý *vợ* và *chồng* thành ý *vợ chồng*; v. v.

Nhưng, ta đặt ra ngữ, thường rút ngắn cho gọn lời nói, và bỏ bớt ý nào cho là không quan trọng, chỉ giữ lại hai, ba ý coi là cần thiết. Vì thế mà *thợ mộc* không phải chỉ gồm có hai ý *thợ* và *mộc* (gỗ) như đã nói ở điều trên, chính ra gồm bốn ý: *thợ, làm, đồ*, và *mộc*. Ta giữ lại có hai ý quan trọng hơn cả, còn hai ý *làm* và *đồ* tỉnh lược bớt đi cho gọn.

Tỉ dụ khác:

— *bàn thờ* là bàn bày đồ thờ;

— *ghế bành tượng* (còn nói gọn hơn nữa là *ghế bành*) là ghế làm hình cái bành để trên lưng voi (tượng);

— *quần áo* không chỉ riêng cái quần và cái áo, nhưng chỉ tổng hợp tất cả đồ mặc vào người, gồm có quần, áo, khăn, giầy, v. v...

134. — Ngữ dùng theo nghĩa đen hay nghĩa bóng. Những ngữ dẫn ở điều trên (*thợ mộc, chủ nhà, độc giả, vợ chồng, thị phi*, v. v.) dùng theo nghĩa đen; nhưng mấy ngữ lấy làm tỉ dụ dưới đây dùng theo nghĩa bóng:

— *mâu thuẫn*: mâu là cái giáo, thuẫn là cái mộc để đỡ giáo; ngữ *mâu thuẫn* dùng để chỉ hai cái gì trái ngược nhau như cái mâu và cái thuẫn;

— *đen bạc* không dùng để chỉ sắc đen và sắc trắng, nhưng có nghĩa là tráo trở, phản trắc, tức như đổi trắng thay đen;

— *đá vàng, son sắt*: hai ngữ này có nghĩa là bền vững như đá, như vàng, như son, như sắt;

— *mát mặt* có nghĩa là dễ chịu, qua khỏi hồi quẫn bách;

— *xấu tay* có nghĩa là làm việc gì không được may mắn;

— *ba bị* chỉ giống quái lạ người ta bịa ra để dọa trẻ con (1).

135. — Ngữ của ta, phần nhiều gồm có hai từ đơn. Hai từ đơn ấy hoặc cùng là tiếng Nôm (như *tàu bay*), hoặc cùng là tiếng Hán Việt (như *chiến thuyền*), hoặc một là tiếng Nôm, một là tiếng Hán Việt (như *tàu chiến*).

(1) Dã sử chép rằng những người theo Nguyễn Hoàng vào khai thác Ô châu, mỗi người có mang ba cái bị vác trên vai: trong hai bị ngồi hai trẻ em, còn một cái chứa đồ lương thực. Đến đâu cũng nghe tiếng khóc trong bị, nên người ta đồn rằng: « Các ông ba bị đi bắt trẻ em. » (Theo Ưng Trình, *Việt Nam ngoại giao sử*, Tri Đức thư xã, Hà-nội, 1953).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hai từ đơn ghép thành ngữ: a) hoặc giá trị ngữ pháp ngang nhau; b) hoặc một tiếng là tiếng chính, một tiếng là tiếng phụ thêm nghĩa cho tiếng chính.

136.— A) Ngữ gồm có hai từ ngang giá trị ngữ pháp.

Hai từ ngang giá trị ngữ pháp, tức là không có tiếng nào là chính, tiếng nào là phụ, vậy thì tiếng nào đặt trước, tiếng nào đặt sau, không có hại gì về ngữ pháp cũng như về ý nghĩa. Vì thế:

— *nước non, quần áo, mày râu, buôn bán, tha thiết,*

có thể nói:

— *non nước, áo quần, râu mày, bán buôn* (1), *thiết tha.*

chỉ cốt sao cho lời nói cả câu thuận miệng.

Nhưng thường thì tiếng nào đặt trước, tiếng nào đặt sau, dùng đã quen rồi, ta không thể tùy tiện mà thay đổi được. Tỉ dụ:

— *cha con* (2), *đất nước, non sông, khâu vá, cảnh sát,*

không thể nói ngược lại.

Có ngữ như *nhà cửa*, nói lộn lại, nghĩa thay đổi đi. Tỉ dụ:

— Làng Giáp *nhà cửa* làm chen chúc như bát úp.

nhà cửa chỉ chung các nhà ở. Nhưng ta nói:

— *Cửa nhà* tan tác, chiếc thân lạc loài. (N. D.)

thì *cửa nhà* chỉ việc gia đình.

137.— Có những ngữ tuy rằng gồm hai từ ngang giá trị ngữ pháp, nhưng hai từ ấy phải đặt theo thứ tự về ý; tỉ dụ:

— *giám đốc, khán hộ, vãn cứu.*

giám rồi mới *đốc*, nên *giám* đặt trước *đốc*; *khán* rồi mới *hộ*, nên *khán* đặt trước *hộ*; *vãn* (kéo lại) rồi mới *cứu*, nên *vãn* đặt trước *cứu*.

---

(1) Tỉ dụ:

— Mừng thầm được mối *bán buôn* có lời. (N D.)

bán buôn có nghĩa như *buôn bán*. Nhưng, *bán buôn* còn có nghĩa là bán cho người mua buôn, và theo nghĩa này không thể nói lộn lại là *buôn bán*. *Bán buôn* dùng theo nghĩa sau, là ngữ gồm một tiếng chính *(bán)* và một tiếng phụ nghĩa *(buôn)*.

(2) Những ngữ như: *vua tôi, cha con, anh em, con cháu*, có lẽ vì theo trật tự trên dưới trong xã hội và trong gia đình, nên không thể nói lộn ngược lại.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng, như đã nói ở điều trên, hai từ ngang giá trị ngữ pháp thì tiếng nào đặt trước, tiếng nào đặt sau không có hại gì về ngữ pháp cả. Có lẽ vì thế chăng mà có ngữ như *văn cứu* đáng lý ra phải nói theo thứ tự các ý diễn tả trong ngữ, ta lại nói đảo lộn lại là *cứu văn*, và lâu rồi cũng hóa quen tai.

138.— B) Ngữ gồm có hai từ giá trị không ngang nhau.

Hai từ giá trị ngữ pháp không ngang nhau, tiếng nào đặt trước, tiếng nào đặt sau, phải hợp với ngữ pháp Việt Nam hay ngữ pháp Trung Hoa, tùy theo hai từ đều là tiếng Nôm hoặc đều là tiếng Hán Việt, hoặc một tiếng là Nôm, một tiếng là Hán Việt.

1) Hai từ đều là tiếng Nôm, hay một tiếng Nôm một tiếng Hán Việt.— Ngữ cấu tạo theo ngữ pháp Việt Nam, tiếng phụ là hạn từ thì đặt trước tiếng chính, là túc từ thì đặt sau tiếng chính. Tỉ dụ:

a) hai từ đều là tiếng Nôm:

— tiếng phụ là hạn từ: ba *bị* (1);

— tiếng phụ là túc từ: *tàu* bay, *ghế* bành;

b) một từ Nôm một từ Hán Việt:

— tiếng phụ là hạn từ: bốn *phương*;

— tiếng phụ là túc từ: *thợ* mộc, *chủ* nhà, *ong* mật, *mật* ong.

2) Hai từ đều là tiếng Hán Việt.— Ngữ cấu tạo theo ngữ pháp Trung Hoa; tiếng phụ là khách từ thì đặt sau tiếng chính; còn thì đặt trước tiếng chính cả. Tỉ dụ:

a) tiếng phụ đặt sau: *chủ* tịch, *tư* pháp, *tạ* thế;

b) tiếng phụ đặt trước: phi *cơ*, quốc *dân*, độc *giả*, bàng *quan*, cửu *trùng*.

139.— Tuy nhiên, ngữ Hán Việt có đủ hai điều kiện dưới đây, có thể cấu tạo theo ngữ pháp Việt Nam:

(1) Tiếng chính in chữ ngả, tiếng phụ in chữ đứng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

a) hai từ đứng một mình quen dùng trong ngôn ngữ của ta theo nghĩa dùng trong ngữ ;

b) thay đổi vị trí hai từ, nghĩa ngữ không đổi.

Tỉ dụ :

— *quan thuế, điền chủ, đông phương,*

cấu tạo theo ngữ pháp Trung hoa, có thể nói :

— *thuế quan, chủ điền, phương đông.*

cấu tạo theo ngữ pháp Việt nam.

Trái lại :

— *hình pháp* (theo ngữ pháp Tàu) không thể nói « pháp hình » (theo ngữ pháp Việt), vì rằng *pháp* không quen dùng một mình trong tiếng ta theo nghĩa là luật pháp ; cấu tạo theo ngữ pháp ta, phải nói *luật hình* ;

— *dân luật* không thể nói « luật dân », vì *dân* đứng một mình không quen dùng có nghĩa là dân sự ; muốn cấu tạo theo ngữ pháp ta, phải nói *luật dân sự ;*

— *sử học* nghĩa khác *học sử*, vậy ta không thể nói *học sử* thay cho *sử học ;* cấu tạo theo ngữ pháp ta, phải nói *môn sử*.

140. – Ngữ gồm có trên hai từ đơn.

Ngữ dù có bao nhiêu từ đơn ghép lại, ta cũng có thể chia ra hai phần : hoặc ngang giá trị ngữ pháp, hoặc có một phần chính và một phần phụ nghĩa.

Tỉ dụ :

a) hai phần ngang giá trị :

lòng chim / dạ cá,
xôi kinh / nấu sử,
bảy nổi / ba chìm,
cách vật / trí tri,
thiên ma / bách chiết ;

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

b) có phần chính và phần phụ :

Ngữ	*Phần chính*	*Phần phụ*
thợ đồng hồ	thợ	đồng hồ
lúa ba trăng	lúa	ba trắng
đánh trống lấp	đánh trống	lấp
nồi da nấu thịt	nồi da	nấu thịt
thực vật học	học	thực vật
tinh thần dân tộc	tinh thần	dân tộc
phổ thông đầu phiếu	đầu phiếu	phổ thông
chính sách bảo hộ mậu dịch	chính sách	bảo hộ mậu dịch

Ta lại có thể phân tích mỗi phần gồm có hai từ trở lên như phân tích một ngữ. Tỉ dụ :

a) *lòng chim dạ cá* : ta đã chia ra hai phần ngang giá trị : *lòng chim* và *dạ cá*. Ta có thể chia *lòng chim* ra : *lòng* là tiếng chính, *chim* là tiếng phụ; và chia *dạ cá* ra : *dạ* là tiếng chính và *cá* là tiếng phụ ;

b) *nồi da nấu thịt* : đã chia ra hai phần *nồi da* và *nấu thịt*. *Nồi da* lại chia ra : *nồi* là tiếng chính, *da* là tiếng phụ ; *nấu thịt* chia ra : *nấu* là tiếng chính, *thịt* là tiếng phụ ;

c) *chính sách bảo hộ mậu dịch :* đã chia ra hai phần : *chính sách* là phần chính, *bảo hộ mậu dịch* là phần phụ. *Chính sách* chia ra : *sách* là tiếng chính, *chính* là tiếng phụ. *Bảo hộ mậu dịch* chia ra *bảo hộ* (phần chính) và *mậu-dịch* (phần phụ). *Bảo hộ* gồm có hai từ ngang giá trị ngữ pháp ; *mậu dịch* cũng gồm hai từ ngang giá trị ngữ pháp.

Ta có thể nói rằng *lòng chim dạ cá*, cũng như *nồi da nấu thịt*, gồm có hai ngữ, và *chính sách bảo hộ mậu dịch* gồm có ba ngữ kết hợp với nhau. Vậy thì quan niệm về ngữ rất mềm dẻo, không chặt chẽ như quan niệm về từ. Cũng vì thế mà chúng tôi còn dùng ngữ để gọi nhiều từ kết hợp

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

với nhau để *cùng giữ một chức vụ ngữ pháp*, chúng tôi sẽ nói rõ ở chương sau, điều 195 (1).

141.— Ngữ rút ngắn.

Nhiều ngữ Hán Việt gồm có trên hai từ đơn, rút ngắn lại thành ngữ chỉ còn hai từ. Tỉ dụ :

— *cách vật trí tri* rút thành *cách trí.*
— *quốc dân hội nghị* — *quốc hội.*
— *kinh bang tế thế* — *kinh tế.*

(1) Có những ngữ ta không thể phân tích như trên được ; tỉ dụ :

— đỏ gay đỏ gắt, làm mình làm mẩy, kiết xác kiết xơ, bỏ lăn bỏ lóc, bóp mồm bóp miệng, (kể) con cà con kê, thu chầy thu cối, đen thủi đen thui, đi thì đi thiếc.

Những ngữ này cấu tạo giống như tiếng tự điệp âm lót (điều 109) hay tiếng tự điệp vần (điều 108/3). Ngữ gồm tiếng chính là từ đơn và tiếng phụ là từ kép. Tách rời hai âm của từ kép ra, lắp lại tiếng chính, thành ra tiếng chính đặt trước mỗi âm của từ kép phụ.

Còn có những ngữ như *tai bay vạ gió, phượng chạ loan chung*, ta không thể phân tích như trên được. Những ngữ ấy nguyên là *tai vạ gió bay, phượng loan chung chạ*, người sau nói lộn đi. Muốn phân tích, ta phải lập lại nguyên thể đã

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

TIẾT V

So sánh từ kép và ngữ của ta với « mot composé » của Pháp

142.— Các sách ngữ pháp trước đây không phân biệt **từ kép** với **ngữ**, và gọi chung là *tiếng ghép* hay *chữ kép* cả.

Việt-Nam văn phạm (1) viết về « tiếng ghép » như sau :

> ***Tiếng Việt** là tiếng đan âm, nghĩa là mỗi vần là một tiếng.*
> ***Thí dụ :*** nhà, bé, ăn.
>
> *Có khi hai tiếng hợp lại với nhau, thành một tiếng có nghĩa khác, gọi là **tiếng ghép**.*
>
> *Ví như : tiếng* nhà *hợp với tiếng* cửa *thành một tiếng ghép :* nhà-cửa. *nói chung về các nhà ở.*
>
> *Tiếng* lò *hợp với tiếng* rượu, *thành ra một tiếng ghép :* lò-rượu, *nói nơi nấu rượu.*
>
> *Tiếng* tàu *hợp với tiếng* bay, *thành ra một tiếng ghép :* tàu bay, *nói cái phi-cơ.*
>
> *Trong những tiếng ghép, có tiếng có một tiếng đệm. Tiếng đệm ấy tự nó không có nghĩa gì cả, nhưng dùng đặt trước hay đặt sau một tiếng chính thì nó làm cho cái nghĩa tiếng chính ấy biến khác đi.* (V.N.V.P. *tr. 17*)

Những tiếng ghép tác giả nói ở đoạn dưới, gồm một tiếng chính và một tiếng đệm, tức là từ kép đơn ý nói ở điều 86 trong sách này (như *nết-na, dễ-dàng, làm-lụng, giấy-má*) ; tiếng đệm chúng tôi gọi là âm lót.

Văn-phạm mới (2) viết về « chữ kép » như sau :

> *Chữ kép là một chữ gồm hai hay ba chữ đơn, phát sinh ra nhiều tiếng nhưng cũng chỉ tả một ý niệm, một sự vật như một chữ đơn.*
>
> *Ví dụ :* tài giai. *Tuy gồm hai tiếng, hai chữ đơn,* tài *và* giai, *nhưng chữ kép* tài giai *chỉ ăn nhập với một quan niệm trong ý-nghĩ của ta : ấy là một người đàn ông có tài, chứ không phải hai quan niệm, hai hình ảnh : một* người đàn ông *và một thứ khác gọi là* tài *tách riêng ra.*

---

(1) Tân Việt, Sài Gòn, xuất bản ; tác giả : Trần trọng Kim, Bùi Kỷ và Phạm Duy Khiêm.

(2) Liên Hiệp, Sài Gòn, 1956, tác giả : Nguyễn Trúc Thanh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sự quan niệm về chữ kép rõ rệt nhất khi chữ kép gồm hai chữ đơn vô nghĩa.

Ví dụ : cù nhầy.

Mỗi chữ đơn kết thành chữ kép « cù nhầy » chẳng hợp với một ý-niệm nào của ta cả. Hợp hai chữ đơn lại, ta có một chữ kép ăn nhập với một ý-niệm rõ rệt. (V.P.M. tr. 99)

143.— Chúng tôi đã cho rằng *từ* (đơn hay kép) dùng để diễn tả một ý đơn giản nhất, không thể phân tích ra được, nên chúng tôi mới phân biệt *từ* và *ngữ*. Vì phân biệt từ và ngữ, chúng tôi mới gọi *nết-na, dễ-dàng, làm-lụng, cù-nhầy* là từ kép, và *nhà cửa, lò rượu, tàu bay, tài giai* là ngữ.

Nết-na, dễ-dàng, làm-lụng, tuy rằng có hai âm, nhưng hai âm họp lại cũng chỉ diễn tả có một ý : ý *nết*, ý *dễ*, ý *làm*, vậy thì *nết-na, dễ-dàng, làm lụng* là từ.

Nhà cửa, lò rượu, tàu bay, cũng có hai âm, nhưng mỗi âm là một từ, mỗi âm diễn tả một ý khác nhau, hai ý hội lại mới thành ý « *nhà cửa* » (ý tổng hợp chỉ chung các nhà để ở), ý « *lò rượu* » (lò nấu rượu) hay ý « *tàu bay* » (tàu có thể bay trên không được) (xem điều 133). Vậy thì *nhà cửa, lò rượu, tàu bay,* không thể coi là từ như *nết-na, dễ-dàng, làm-lụng* được, và chúng tôi gọi là ngữ.

144.— Tác giả *Việt-Nam văn phạm* và *Văn-phạm mới* quan niệm « tiếng ghép » hay « chữ kép » như trên, có chịu ảnh hưởng ngữ pháp Pháp về « *mot* » và « *mot composé* » không ? (Dưới này chúng tôi tạm dịch « *mot* » là tiếng đơn, và « *mot composé* » là tiếng ghép.)

Ở trên, điều 69, chúng tôi đã nói về tiếng đơn trong Pháp ngữ nay nói về tiếng ghép (mot composé).

Tiếng Pháp là tiếng đa âm. Muốn đặt thêm tiếng mới có hai cách :

1) thêm tiếp âm (affixes) vào một tiếng gốc, tiếng gốc và tiếp âm viết liền với nhau thành một tiếng mới có nhiều âm hơn tiếng gốc, nhưng *tiếng mới vẫn là tiếng đơn* ; tỉ-dụ : *infortune, joueur, illégal, réarmement ;*

2) họp nhiều tiếng đơn với nhau, hoặc viết liền, hoặc viết rời có gạch nối hay không. *Tiếng viết liền vẫn chỉ là một tiếng đơn* như : *gendarme, Portemanteau, bonjour.* Tiếng viết rời mới gọi là tiếng ghép (mot composé), như : *amour-propre, sauve-qui-peut, pomme de terre, ver à soie.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Xem vậy thì người Pháp phân biệt tiếng đơn (mot) và tiếng ghép (mot composé) theo hình thức chứ không theo ý nghĩa, mà chúng tôi phân biệt từ đơn, từ kép và ngữ theo ý nghĩa chứ không theo hình thức.

145.— Mấy cuốn ngữ pháp Pháp chúng tôi dùng làm tài liệu, duy có quyển *Précis de grammaire historique de la langue française* (1) có định nghĩa tiếng ghép như sau :

> *En français moderne, tout groupe de mots qui n'évoque dans notre esprit qu'une seule image conceptuelle, constitue au point de vue psychologique, un mot composé.*
>
> (Đại ý : *Trong Pháp-ngữ ngày nay nhiều tiếng đơn hợp lại mà chỉ gợi trong óc ta một hình ảnh duy nhất, gọi là tiếng ghép .*

Đoạn khác, cũng sách ấy viết :

> *Le mot composé (...) représente au point de vue psychologique, un concept nouveau, sans aucun rapport avec le sens primitif de ses composants.*
>
> (Đại ý : *Tiếng ghép diễn tả một quan niệm mới không liên quan gì đến nguyên nghĩa mỗi tiếng đơn).*

Ta có thể tổng hợp ý cả hai câu trên như sau : tiếng ghép là nhiều tiếng đơn hợp lại để diễn tả một ý niệm, và có nghĩa mới không dính dáng đến nghĩa của mỗi tiếng đơn.

Ta thấy rằng định nghĩa trong *Việt-Nam văn phạm* : « hai tiếng hợp lại với nhau thành một tiếng có nghĩa khác gọi là tiếng ghép », tương tự như trên.

146.— Chúng tôi không bàn về định nghĩa « mot composé » của Pháp, vì mỗi ngôn ngữ có cách cấu tạo riêng. Nhưng, chúng tôi thấy rằng định nghĩa tiếng ghép trong *Việt-Nam văn phạm* chưa đủ cho ta một quan niệm chắc chắn.

Ngôn ngữ của ta, mà có lẽ ngôn ngữ của bất cứ dân tộc nào cũng thế, hai hay nhiều từ đơn họp lại với nhau, tất nhiên phải có nghĩa khác nghĩa của mỗi từ đơn (trừ từ kép điệp ý không kể), nhưng « nghĩa khác » ấy là nghĩa của các từ đơn hội lại. Như :

— *lò rượu* có nghĩa khác hai từ *lò* và *rượu*, nhưng tựu trung trong *lò rượu* hai từ *lò* và *rượu* vẫn giữ nguyên nghĩa. Hai ý *lò* và *rượu* hội lại

(1) Tác giả : F. Brunot và Ch. Bruneau ; Masson et Cie, Paris, xuất bản.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thành ý *lò rượu*. Chẳng qua như chúng tôi đã nói ở điều 133, ta đặt ra ngữ thường bỏ bớt ý nào coi là không quan trọng lắm, chỉ giữ lại hai ba ý cho là cần thiết. Đáng lẽ nói « lò nấu rượu », ta bỏ bớt ý « nấu » không cần bằng ý *lò* và *rượu*. Cũng vì thế mà « tàu bay trên không được » ta gọi tắt là *tàu bay* ;

— *nhà cửa* có nghĩa khác hai từ *nhà* và *cửa*, nhưng trong ngữ *nhà cửa* hai từ *nhà* và *cửa* vẫn giữ nguyên nghĩa. Đấy là lối hợp hai từ ngang giá trị ngữ pháp để diễn tả ý tập hợp cũng như *quần áo, bát đĩa, đất nước*. *Nhà cửa* chỉ chung các nhà để ở, mà nhà ở tất phải có cửa ra vào.

« Nghĩa khác » nói trên kia, có khi là nghĩa bóng, nhưng dù là nghĩa bóng cũng do nghĩa gốc chuyển ra, tỉ dụ như *mâu thuẫn, đen bạc, đá vàng, son sắt, mát mặt, xấu tay, ba bị* đã dẫn làm tỉ dụ ở điều 134.

147.— Từ điển *Larousse* định nghĩa « danh từ ghép » (nom composé) là nhiều tiếng họp lại để diễn tả một vật duy nhất ta nghĩ trong óc (*nom formé de plusieurs mots mais répondant à un objet unique dans la pensée*).

Định-nghĩa « chữ kép » trong *Văn-phạm mới* có phần tương tự với định nghĩa trong từ điển *Larousse*.

Nhưng, nếu « chỉ tả một sự vật » mà coi là tiếng ghép, thì ta phải cho *người đánh cá, người bán hàng rong, tinh thần dân tộc, chính sách bảo hộ mậu dịch*, mà có lẽ cả *nhà của tôi, con trai ông Giáp*, đều là tiếng ghép hết, vì *người đánh cá* hay *con trai ông Giáp* cũng dùng để chỉ một sự vật. Như vậy, tiếng ghép của ta sẽ không có bờ bến nào để định giới hạn. Như vậy, ta có nói :

— *Người đội mũ trắng đang đi bên kia đường* là ông Giáp.

thì tất cả nhóm « người đội mũ trắng đang đi bên kia đường » dùng để chỉ một người, cũng là một tiếng ghép sao ? (1)

Mỗi ngôn ngữ có cách cấu tạo riêng, tưởng rằng ta không thể đem quan niệm về *mot* và *mot composé* của tiếng Pháp (là thứ tiếng đa âm) áp dụng vào từ của tiếng ta là thứ tiếng đơn âm.

(1) Chính vì quan niệm về « tiếng ghép » như vậy, nên có người đã chủ trương dùng gạch nối để nối hết thảy những từ trong một nhóm hay một tổ hợp tiếng mà chúng tôi gọi là ngữ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

148. — Khác với *Việt-Nam văn phạm* và *Văn-phạm mới*, Lê Văn Lý căn cứ vào chức vụ ngữ pháp nhiều hơn là vào ý nghĩa để định nghĩa « tiếng ghép » (mot composé). Tác giả cuốn *Le parler viêtnamien* cho rằng định nghĩa chúng tôi dẫn ra ở điều 66, chỉ áp dụng cho tiếng đơn (mot simple), và ngoài tiếng đơn còn có tiếng ghép.

> *Les mots simples ou monosyllabiques (forment) la majorité des mots en vietnamien. Mais nous constatons aussi l'existence de certains éléments signifiants qui, isolés, ne peuvent remplir leur fonction grammaticale ; ils ne peuvent le faire que réunis ensemble. Ces groupes* d'éléments signifiants juxtaposés *ne remplissent qu'une* même fonction grammaticale, *nous les appelons « mots composés » ; ils comportent toujours plus d'une syllable. Ces mots composés évoquent* un concept unique *et ils sont des « touts phoniques indissociables ».* (L V.P. *tr. 133).*
>
> *(Đại ý : Đa số tiếng ta là tiếng đơn hay đơn âm. Nhưng còn có những tiếng đơn có nghĩa hẳn hoi, đứng một mình không thể giữ chức vụ ngữ pháp nào ; chỉ có hợp nhiều tiếng với nhau mới có thể có chức vụ ngữ pháp.* Những nhóm tiếng đơn có nghĩa hẳn hoi kết hợp với nhau, cùng giữ một chức vụ ngữ pháp, *gọi là « tiếng ghép ». Tiếng ghép có trên một âm và diễn tả một* quan niệm duy nhất. *Tiếng ghép là « toàn bộ không thể tách rời ra được »).*

Chứng minh định nghĩa trên, tác giả *Le parler vietnamien* cho tỉ dụ :

— *Nhà* có khách.

— *Hàng* có khách.

Nhà và *hàng* là tiếng đơn giữ chức vụ ngữ pháp giống nhau. Nhưng, nói :

— *Ông lý trưởng* có khách,

— *Người làm vườn* có khách,

— *Hôm nay* có khách,

— *Ngày mai* có khách,

thì « *ông lý trưởng* », « *người làm vườn* », « *hôm nay* », « *ngày mai* », mỗi bộ giữ chung *một* chức vụ ngữ pháp, chức vụ ấy giống chức vụ của *nhà, hàng*. Vậy những bộ : *ông lý-trưởng, người làm vườn,* v.v.., có công dụng như tiếng đơn, nên gọi là tiếng ghép.

Ông lý trưởng, người làm vườn, chúng tôi gọi là ngữ. Chương này, chúng tôi mới định nghĩa ngữ theo ý nghĩa (nhiều từ hợp lại để chỉ một sự vật hay sự trạng), nhưng chúng tôi cũng đã nói qua ở điều 132 và 140 rằng chúng tôi còn gọi là ngữ nhiều từ hợp lại để cùng giữ một chức vụ ngữ pháp hay cùng là một thành phần trong câu. Định nghĩa ngữ về phương diện chức vụ ngữ pháp, chúng tôi sẽ nói rõ ở chương sau, điều 195.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

149. — Tác giả *Le parler vietnamien* chia tiếng ghép ra hai loại :

1) tiếng ghép tổ hợp (mots composés par combinaison) (1), tỉ dụ :

— *thợ mộc, vợ chồng, xe đạp, gà mái, yêu mến, đi lại, ngã lòng, sáng trí, nhưng mà, giật mình, nói xấu, người đánh cá ;*

2) tiếng ghép điệp (mots composés par redoublement), loại này lại chia ra bảy hạng :

a) điệp tự (redoublement complet), như *ba-ba, đùng-đùng ;*

b) điệp tự biến thinh (redoublement complet avec changement du ton), như *bong-bóng, đu-đủ ;*

c) điệp vần (redoublement du vocalisme et du consonnantisme final), như *chơi-bời, bình-tĩnh ;*

d) điệp vần và thinh (redoublement du vocalisme, du consonnantisme final et du ton), như *bối-rối, lờ-mờ ;*

đ) điệp âm đầu (redoublement du consonnantisme initial) như *khao-khát, ngổn-ngang ;*

e) điệp âm đầu và thinh (redoublement du consonnantisme initial et du ton) như *cặm-cụi, thỉnh-thoảng ;*

g) điệp thinh (redoublement du ton) như *bẩn thỉu, vững-chãi.*

Vậy thì «tiếng ghép» (mot composé) trong *Le Parler vietnamien*, cũng như trong *Việt-Nam văn-phạm* và *Văn-phạm mới* gồm cả từ kép và ngữ trong sách này.

(1) Tiếng Pháp chua trong dấu ngoặc là của tác giả *Le parler vietnamien ;* những tỉ dụ dẫn ra cũng lấy ở sách ấy.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

TIẾT VI

Tiếng ta đơn âm hay đa âm ?

151. — Vấn-đề này, cũng như nhiều vấn đề thuộc về ngôn ngữ của ta, hiện nay chưa giải quyết, nên vẫn có hai chủ trương : người thì coi tiếng ta là tiếng đơn âm, người thì coi là đa âm (hay phức âm).

Chúng tôi tưởng : muốn giải quyết rõ ràng vấn đề đơn âm hay đa âm, ta cần phân biệt ngôn ngữ đơn âm và đa âm, với tiếng (từ) đơn âm và đa âm. Như Pháp-ngữ là ngôn ngữ đa âm, nhưng tiếng *(mot)* Pháp có tiếng đa âm (tỉ dụ : *grammaire, regarder*), có tiếng đơn âm (tỉ dụ : *nom, voir*).

Những nhà chủ trương tiếng Việt đa âm thường căn cứ vào « tiếng ghép » hay « chữ kép », mà theo các nhà ấy quan niệm thì « tiếng ghép » hay « chữ kép » gồm cả hai loại từ kép và ngữ nói trong sách này.

Tác-giả *Le parler vietnamien* cho « tiếng ghép » *(mot composé)* là tiếng đa âm, không thấy nói Việt ngữ là ngôn ngữ đa âm hay đơn âm.

Tác giả *Việt Nam văn phạm* viết : « Tiếng Việt là tiếng đan âm, nghĩa là mỗi vần là một tiếng », và ông lại nói đến «tiếng ghép», vậy ông đã chủ-trương Việt ngữ là ngôn ngữ đơn âm.

Tác-giả *Lịch-sử văn-chương Việt-Nam* (1) cho Việt-ngữ là ngôn ngữ đa âm nhưng có một số tiếng (từ) đơn âm. Lấy từ kép đơn ý làm một luận chứng, *L.S.V.C.V.N.* không những căn cứ vào ý nghĩa từ kép ấy, mà còn nại ra « bản năng » người Việt ưa dùng tiếng đôi.

> *Chẳng những tiếng Việt có những tiếng hai âm, những tiếng ba âm mới có nghĩa, mà ta còn thấy thêm một hiện tượng này rất quan hệ. Ấy là mỗi khi người Việt dùng một tiếng một âm, thì thấy chừng như có gì là lạ, ngượng ngùng, trơ trẽn, nên hay thêm một tiếng đệm. Tiếng đệm này không có nghĩa gì cả, mà chỉ dùng để đa âm hóa tiếng lẻ loi kia thôi. Như dễ, nhẹ, nặng... đều có nghĩa, nhưng người ta hay nói dễ dàng, nhẹ nhàng, nặng nề. Hình như trong bản năng của người Việt, đùng lối sau này thì có vẻ thuần là Việt Nam hơn (L.S.V.C.V.N. tr. 28)*

Chúng tôi đã nói vì sao ta đặt ra nhiều từ kép, chúng tôi cũng đã nói trường hợp nào ta dùng từ kép, và trường hợp nào ta dùng từ đơn chứ không dùng từ kép (điều 72/74). Không hẳn rằng **mỗi khi** người Việt dùng từ đơn thì thấy « chừng như là lạ, ngượng ngùng, trơ trẽn », cũng không hẳn rằng cứ dùng từ kép mới « có vẻ thuần là Việt Nam hơn ».

---

(1) Lê Lợi, Paris, 1949, tác giả : Hồ Hữu Tường.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ta *hay* dùng từ kép, điều đó không ai chối cãi. Nhưng, thực ra ta lại *hay* dùng từ đơn *hơn*. Ta hãy dở *Việt-Nam từ-điển*, đến tiếng *dễ, nhẹ, nặng*. Ta thử lấy từ kép *dễ dàng* hay *dễ dãi, nhẹ nhàng* hay *nhẹ nhõm* và *nặng nề*, thay vào từ đơn trong các ngữ hay câu dùng làm tỉ dụ trong từ điển, xem có được không ?

Vả lại, chúng tôi đã nói rằng từ kép và từ đơn tuy rằng diễn tả cùng một *ý*, nhưng thêm âm lót (hay tiếng đệm) từ kép thường *nghĩa* có khác từ đơn (điều 110/116). Chúng tôi cũng đã nói rằng chưa hẳn âm lót hoàn toàn vô nghĩa, chẳng qua căn cứ vào hiện trạng khoa từ nguyên học của ta mà « tạm » coi âm lót là không có nghĩa gì đấy thôi (điều 129/131). Khi nào ta tìm ra được đủ các tiếng biến âm đầu, biến vần, biến thinh, khi nào ta tìm ra được các « vần gốc », khi ấy có lẽ không còn nói đến âm lót nữa.

Dẫu sao thì cứ hiện trạng khoa ngôn ngữ học của ta, chúng ta tạm coi từ kép là tiếng (từ) đa âm. Nhưng từ kép trong ngôn-ngữ của ta chỉ là thiểu số, mà chính tác giả *L.S.V.C.V.N.* cũng nhận như vậy :

> *Trong tiếng Việt ngày nay, phần nhiều là tiếng mượn của Tàu, hoặc là tiếng Hán Việt vừa đơn, vừa kép* (1), *hoặc là tiếng đã Việt hóa. Những tiếng về loại này thì mỗi âm riêng đều có nghĩa.*
>
> *Còn một phần ít hơn, song cũng quan trọng, là những tiếng hoàn toàn nôm. Xét về phần này, người khảo cứu có thể đặt một câu hỏi vô cùng quan hệ. Ấy là,* tiếng Việt là một thứ tiếng đơn âm hay là một thứ tiếng phức âm.
>
> *(L.S.V.C.V.N. tr. 28)*

152. — Cho rằng tiếng Nôm giữ phần ít, còn cho rằng «trong tiếng thuần Nôm, có lắm tiếng một âm một mà có đủ nghĩa rồi », vậy thì từ kép Nôm đối với từ đơn Nôm còn ít hơn nữa. Chẳng lẽ một nhà có tiếng là « biện chứng » chặt chẽ như tác giả *L.S.V.C.V.N.* lại vì một ít tiếng đa âm mà cho cả ngôn ngữ Việt Nam là ngôn ngữ đa âm sao ?

Sở dĩ Hồ Hữu Tường chủ trương Việt ngữ đa âm là vì cũng như nhiều nhà học giả khác, ông cho ngữ vào loại « tiếng ghép » cả.

> *Nhưng mà muốn giải quyết cho hẳn hoi câu hỏi : Tiếng Việt là đơn âm hay phức âm, chúng ta không thể chỉ dựa vào những tiếng đã được ghi trong các từ điển. Về chỗ này, ai nghiên cứu tiếng Việt đều phải chủ ý. Những người dùng từ điển phải chủ ý hơn. Mà những người làm từ điển, viết văn phạm càng nên chú ý hơn nữa. Ấy là những từ điển hiện nay không chép đủ các tiếng được dân Việt Nam dùng.*

(1) Tiếng kép nói đây là ngữ Hán Việt

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Thí dụ : Ta hãy lấy cái ý niệm mà người Anh gọi là fisher, *người Pháp gọi là* pêcheur. *Trong tất cả từ điển của họ đều có những chữ ấy. Bây giờ ta hãy hỏi bất cứ người Việt Nam nào, dầu ít học đến đâu, họ cũng có thể đáp rằng ý niệm ấy là* người đánh cá. *Thế mà tiếng* người đánh cá *lại không có chép sẵn trong một bộ từ điển nào cả. Và những thí dụ như vậy, ta kể không biết bao nhiêu cho hết.*

Người đánh cá không phải là một câu, dầu là một câu lép, bởi vì nó không phải tả sự hoạt động của một người, mà toàn thể ba âm ấy chỉ có một ý niệm không khác nào tiếng pêcheur *hay* fisher. *Thế thì nó cũng là một tiếng cũng như hai tiếng sau này. Và nó là tiếng ba âm, vì phải đủ ba âm mới tỏ được cái ý niệm.* (L.S.V.C.V.N. *tr.* 29).

L.S.V.C.V.N. coi *người đánh cá* là tiếng ba âm, chúng tôi coi những « tổ hợp tiếng » như vậy là ngữ chứ không phải là từ (điều 132), vậy chúng tôi tưởng không cần bàn luận thêm nữa để nói rằng chúng tôi chủ-trương : **Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm có một số từ đa âm** (tức là từ kép), cũng như tiếng Pháp, tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm có một số tiếng đơn âm.

153.— Chúng tôi nói « một số từ đa âm », ấy là theo định nghĩa về từ đơn (điều 66) và từ kép (điều 71), và căn cứ vào hiện trạng khoa từ nguyên học của ta như chúng tôi đã nói ở trên. Căn cứ vào lối viết và lối phát âm, chưa hẳn đã có thể nói được rằng từ kép của ta đa âm.

Từ kép và ngữ, ta không viết liền các âm, mà ta phải viết rời từng âm một. Tỉ dụ :

— từ kép : *dễ dàng, nặng nề, tơ lơ mơ, ba lăng nhăng, kì cà kì cạch, líu lo líu lưỡng, cà khẳng cà kheo ;*

— ngữ : *nhà cửa, thợ mộc, tàu bay, người đánh cá, lúa ba trăng, tinh thần dân tộc, chính sách bảo hộ mậu dịch.*

Lối viết có đủ chứng minh rằng tiếng ta đơn âm không ? Tác giả *L.S.V.C.V.N.* không dùng gạch nối nối liền các âm trong cùng một từ kép hay ngữ, nhưng có lẽ cho rằng lối viết hiện tại chỉ là theo lối viết cũ, và tuy rằng hồi xưa mỗi âm viết một chữ, nhưng

ta há quên rằng chữ nôm chỉ là một thứ chữ tạm bợ để phiên âm mà thôi ? (L.S.V.C.V.N. *tr.* 28).

Tác giả *Văn-phạm Việt-Nam* (1) cũng chủ trương tiếng ta đa âm, còn quyết đoán hơn về lối viết :

(1) P. Văn Tươi, Sài-Gòn, 1952 ; tác-giả : Bùi Đức Tịnh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

(...) Chữ viết không chỉ huy được ngôn ngữ mà chính ngôn ngữ mới có thể quyết định hình thức cho chữ viết. Sở dĩ lối « chữ quốc ngữ » ta dùng các mẫu tự La tanh mà không viết dính các ngữ tố như những ngôn tự Tây phương, là tại vì những người bày ra « chữ quốc ngữ » cũng như dân ta đều quen với cách viết chữ nôm, chữ Hán : mỗi vần dầu là tự ngữ hay là ngữ tố đều được ghi lại bằng một chữ (1).

(...) Không thể dựa vào văn tự mà bảo rằng một tự ngữ đơn vận *hay* đa vận. *Phải dựa vào cách phát âm (...)* (V.P.V.N. *tr. 82-83*).

Dựa vào cách phát âm, lại càng rõ ràng là tiếng ta đơn âm. Mấy từ kép và ngữ lấy làm tỉ dụ trên viết rời, nói cũng phải nói tách từng âm một. Ta thử tưởng tượng một người ngâm hai câu thơ dưới đây của Tú Xương :

— Chí cha chí chát khua giầy dép,

Đen thủi đen thui cũng lượt là.

mà đọc liền những từ kép hay ngữ : *chí cha chí chát, giầy dép, đen thủi đen thui, lượt là*, thì người nghe nghĩ sao ?

Vả lại, những tiếng đa âm như tiếng Anh, tiếng Pháp, không những các âm trong cùng một tiếng (mot) phải phát âm liền nhau, mà thường còn có một âm làm chủ. Khi nói thì chủ âm (tonique) nói mạnh hơn những âm khác (2). Tỉ dụ ;

---

(1) Chúng tôi tưởng cần phải chép lại mấy định nghĩa của tác giả để độc giả hiểu rõ ý đoạn trích trên.

Ngữ-tố : *một tiếng đơn-vận phối-hợp với một hoặc nhiều tiếng đơn-vận khác để tạo nên một tiếng có tự-loại nhất-định.*

Ví-dụ : hai ngữ-tố học *và* sinh *phối hợp lại làm danh-từ* học-sinh. *Ba ngữ-tố* người, thợ *và* may *hợp lại làm danh-từ* người-thợ-may.

Từ ngữ : *nhiều ngữ-tố phối-hợp lại hoặc một tiếng đơn-vận, thuộc về một tự-loại nhất-định.*

Ví-dụ : cha, bô-lão, chị-hàng rong, đi ra, đi vào *là những tự-ngữ :* cha, bô-lão, chị hàng-rong *là những danh-từ ;* đi ra, đi vào *là những động-từ.*

Tự-ngữ : *nhiều tự-ngữ đứng chung với nhau nhưng không giải trọn một ý mà chỉ có thể làm một bộ-phận của một mệnh-đề.*

Ví-dụ : Bồi dưỡng tiếng mẹ là một nhiệm-vụ công-dân.

Tự-ngữ Bồi-dưỡng tiếng-mẹ *gồm có hai tự-ngữ : một động từ* (bồi-dưỡng) *và một danh-từ* (tiếng mẹ). *Tự-ngữ* Nhiệm-vụ công dân *gồm có hai tự-ngữ : danh-từ* nhiệm vụ *và danh-từ* công-dân ; *danh-từ thứ nhì bổ-túc cho danh-từ thứ nhất.* (V.P.V.N. ; *tr. 107 và 108*).

(2) Chúng tôi không biết các ngôn ngữ đa âm khác có chủ âm không, nhưng một bạn nghiên cứu về ngoại ngữ có cho chúng tôi hay rằng tiếng Ý, Y-pha-nho, Đức, Nga và cả thế giới ngữ đều có chủ âm. Tiếng Ý, Y-pha nho và thế-giới ngữ, chủ âm phần nhiều ở âm áp chót, khi nói kéo dài âm ấy ra. Tiếng Đức thường âm gốc (radical) là chủ âm. Còn tiếng Nga, tuy có chủ âm, nhưng không nhất định ở âm nào.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Pháp	— *accepter* :	chủ âm là	*ter*,
	— *j'accepte* :	—	*cep*,
Anh	— *physician* :	—	*si*,
	— *physic* :	—	*phy*.

Tiếng ta, dù là từ kép (như *nặng nề, kì cà kì cạch*), dù là ngữ (như *tàu bay, người đánh cá, chính sách bảo hộ mậu dịch*), giọng các âm cao hay thấp, bổng hay trầm là tùy ở thinh (điều 81) chứ không phải là người nói phải nhấn mạnh vào âm nào hơn âm nào, như nói tiếng Anh, tiếng Pháp phải nhấn mạnh vào chủ âm.

154. — Tiếng ta còn có một đặc điểm khác nữa. Ta đặt ra tiếng đôi để kéo dài hơi nói (điều 73) ; trái lại, có khi hai tiếng đọc mau, rút ngắn thành một tiếng mới, Lê Ngọc Trụ gọi là *tiếng riu*. Tỉ dụ :

— *hai mươi*	thành	*hăm*,
— *bằng ấy*	—	*bấy*,
— *ông ấy*	—	*ổng*,
— *bọn mày*	—	*bay*.

Tiếng Pháp, tiếng Anh cũng có lối nói riu như vậy. Tỉ dụ : *tu as* nói mau thành *t'as*, *he is* nói mau *he's*, nhưng người Pháp, người Anh không cho *t'as*, *he's* là tiếng mới. Ngữ biến thành từ đơn, liệu đấy có phải là vì tính cách đơn âm của tiếng ta không ?

155.— Tóm lại, chúng tôi chủ-trương tiếng Việt đơn âm, mặc dầu tác giả *Văn phạm Việt Nam* đã cho rằng nhiều người Việt-Nam

> *có lẽ vì kính-nể uy tín của các nhà bác-học Âu-châu đã lặp đi lặp lại một cách gọn-lỏn rằng : « Tiếng Việt là một thứ tiếng đơn-âm ». Khổ một nỗi là cái quan-niệm « tiếng đơn-âm » kia lại có thể tạo nên một sự miệt-thị về năng lực văn-hóa của ngôn-ngữ ! Trong Bách-khoa đại tự-điển Pháp (Grande encyclopédie inventaire raisonnée des sciences, des lettres et des arts) chúng tôi đã đọc : « Các thứ tiếng ấy thấy hiển-nhiên là giản-dị hơn cả, khiếm-khuyết hơn cả, thô-sơ hơn cả trong các thứ tiếng, đã được mệnh-danh là ngôn-ngữ đơn-tự hay đúng hơn đơn-âm.* (1) *(V.P.V.N. tr. 337, 338).*

(1) *Khiếm-khuyết, thô-sơ, đơn-âm*, in chữ đậm trong sách.

Nhà ngữ học Claude Augé định nghĩa ngôn ngữ đơn âm là ngôn ngữ gồm có tiếng đơn âm và không thay đổi tự dạng ; chính vị trí mỗi tiếng trong câu định chức-vụ của nó. Thuộc loại ngôn ngữ đơn âm : tiếng Trung-Hoa, tiếng Xiêm, tiếng Tây-Tạng, v.v. (Les langues isolantes ou monosyllabiques se composent d'éléments monosyllabiques et invariables. C'est la place des mots dans la phrase qui indique leur fonction. A ce groupe appartiennent : le *chinois*, le *siamois*, le *tibétain*, etc. — *G.C.*)

Nếu chẳng e mang tiếng là « kính nể uy tín các nhà bác học Âu châu », ta có thể nói rằng tiếng ta có đủ những đặc điểm theo định nghĩa trên để xếp vào loại ngôn ngữ đơn âm : tiếng (từ) đơn-âm, tiếng không thay đổi tự dạng, — và vị trí trong câu định chức vụ của mỗi tiếng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Uy tín bộ bách khoa đại từ điển kia không đủ đánh đổ chủ trương của chúng tôi — chủ trương chứ không phải « thành kiến ». Chúng tôi nghĩ : kẻ biên tập bộ bách khoa từ điển dẫn trên, có lẽ chưa khảo cứu đến nơi đến chốn những ngôn ngữ đơn âm như tiếng Trung Hoa, tiếng Việt Nam, nên mới hạ bút viết rằng những ngôn ngữ đơn âm « khiếm khuyết » và « thô sơ » đấy thôi. Ví thử nhà học giả ấy có được sở kiến như nhà ngôn ngữ học Vendryes, thì chắc rằng đã phê bình khác hẳn về ngôn ngữ đơn âm.

Theo thiển kiến của chúng tôi, tất cả những cuộc tranh luận về vấn đề : tiếng ta đơn âm hay đa âm, chỉ tại ta đem quan niệm về « mot composé » (tiếng ghép) của Pháp vào ngôn ngữ của ta, nên ta mới không phân biệt từ đơn, từ kép và ngữ, và mới cho ngữ là « tiếng đa âm ».

156.— Gạch nối.

Đã bàn đến vấn đề « đa âm hay đơn âm », tất phải nói đến vấn đề « gạch nối » vì nhường như nhiều nhà viết sách của ta muốn đặt sự tương quan cho hai vấn đề ấy.

Chúng tôi đã chủ trương tiếng ta là ngôn ngữ đơn âm, chúng tôi đã chủ trương từ kép tuy rằng về mặt ý nghĩa có thể tạm coi là tiếng đa âm, nhưng khi phát âm ta phải nói tách ra từng âm một, vậy thì chúng tôi chủ trương *không dùng gạch nối* để nối liền các âm trong cùng một từ kép, càng không dùng gạch nối nối liền các từ trong một ngữ.

Hoặc có người cho rằng dùng gạch nối nối liền « tiếng ghép » (từ kép và ngữ), lời lẽ được minh bạch hơn, người đọc đỡ mất thì giờ suy nghĩ, và không thể hiểu lầm ý người viết.

Nhưng, ta có thể dùng gạch nối khi ta viết, mà hàng ngày chúng ta nói nhiều hơn viết, vậy thì lấy gì thay gạch nối ? Chẳng lẽ nói liền mấy âm với nhau, như vậy thì không là tiếng Việt-Nam nữa. Chúng ta nói, từ kép và ngữ chúng ta vẫn nói rời từng âm, thế mà có bao giờ chúng ta không hiểu nhau không ?

Sợ người đọc mất thì giờ suy nghĩ, trường hợp ấy có thể có, nhưng cũng là hãn hữu. Có văn tự nước nào đủ tinh xác đến đâu chăng nữa, mà thỉnh thoảng chẳng có chỗ cần phải suy nghĩ mới hiểu. Việt-văn, dù có trường hợp phải suy nghĩ một chút mới hiểu, có gì là lạ : người đọc phải suy nghĩ, vì nhiều duyên cớ khác, không phải vì không có gạch nối.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vả lại, bỏ gạch nối, nếu có hại thì hại không mấy, mà lợi rất nhiều: lợi công học, lợi công viết. Chúng tôi đã nghiên cứu nhiều cách đặt gạch nối, chưa thấy có cách nào giản tiện, hoàn toàn hợp lí và có thể làm cho trẻ em dễ hiểu được. Gạch nối cũng như chữ viết, chỉ là một « công thức ». Đặt ra công thức để nó bó buộc ta một cách không ích lợi gì mấy, thì chi cho bằng bỏ quách nó đi.

Vậy, chúng tôi chủ trương : trừ những tiếng phiên âm tiếng ngoại quốc, gạch nối nên để tùy tiện các nhà viết, có sợ người đọc hiểu lầm thì hãy dùng, mà có dùng cũng đừng lạm dụng, đến biến tiếng Việt-Nam thành một thứ ngôn ngữ đơn âm chẳng ra đơn âm, mà đa âm cũng không ra đa âm. Có dùng gạch nối, chúng tôi tưởng chỉ nên dùng ở trường hợp này :

1) từ kép thuần túy và từ kép đơn ý,

2) ngữ Hán Việt cấu tạo trái với ngữ pháp ta, nghĩa là tiếng thêm nghĩa (túc từ) đặt trước tiếng chính.

Dẫu sao thì dùng gạch nối cũng nên dè dặt và đừng bắt lỗi trẻ em học sinh vì thiếu gạch nối. Chính ra, các trẻ em viết không có gạch nối, thật là đúng với tinh thần tiếng ta. Nói sao viết vậy, thì nói rời từng tiếng tất nhiên cũng phải viết rời từng chữ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

TIẾT VII

Phân từ loại

157.— Ta nói, phải sắp đặt tiếng lẻ cho thành câu mới diễn tả được tư tưởng cho người khác hiểu mình. Vậy thì trong ngôn ngữ câu quan trọng cũng như tiếng lẻ. Nhưng câu là gì ? Câu là nhiều từ họp lại với nhau. Trong một câu không những mỗi từ có ý nghĩa riêng, mà mỗi từ còn có một chức vụ riêng.

Học về từ, chúng tôi đã định nghĩa thế nào là từ, phân biệt từ đơn và từ kép, xét cách cấu tạo từ kép. Chúng tôi cũng đã nói đến ngữ, tức là nhiều từ hợp lại để chỉ một sự vật hay sự trạng, và cách cấu tạo ngữ thế nào. Chúng tôi vừa nói đến *sự vật* và *sự trạng*. Chính vì muốn phân biệt tiếng chỉ sự vật với tiếng chỉ sự trạng, mà chúng ta còn phân từ loại. Tỉ dụ ta nói :

— Chim bay,

chim là tiếng chỉ sự vật, chúng tôi gọi là *thể từ* ; *bay* là tiếng chỉ sự trạng, chúng tôi gọi là *trạng từ*.

Nhưng phân biệt như trên, ta mới phân loại theo bản chất về ý nghĩa của từ, hay là phân biệt *từ tính* (1), mà phân biệt từ tính không phải là phần chính trong ngữ pháp, vì mục đích ngữ pháp là xếp đặt nhiều từ thành câu theo đúng thứ tự và quy tắc nhất định nào. Ta đã nói trong câu mỗi từ có một chức vụ : chức vụ ấy định theo ngữ pháp, tức là định theo thứ tự, theo vị trí của từ trong câu. Ta cũng có thể nói ngược lại rằng vị trí trong câu định chức vụ ngữ pháp cho một từ.

Vậy, ta còn phải phân biệt từ theo chức vụ ngữ pháp, hay là phân-biệt *từ vụ*. Tỉ dụ :

(1) Chúng tôi dùng từ tính theo *Vương Văn Ngũ đại từ điển*. Người Pháp gọi là *nature des mots*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

— Chim bay,

thì *chim* là tiếng chỉ sự vật cốt yếu, sự vật đứng chủ trong câu, chúng tôi gọi là *chủ từ* ; *bay* là tiếng chỉ chủ từ làm gì, ta gọi là *thuật từ*.

Tóm lại, tiếng *chim* theo từ tính là thể từ, theo từ vụ là chủ từ ; tiếng *bay* theo từ tính là trạng từ, theo từ vụ là thuật từ.

158.— Phân biệt từ tính, chúng tôi chia ra :

1) thể từ,

2) trạng từ, và

3) trợ từ.

Phân biệt từ vụ, chúng tôi chia ra :

1) chủ đề,

2) chủ từ,

3) thuật từ,

4) hạn từ, và

5) túc từ.

Hai tiếng khác từ tính có thể dùng vào cùng một từ vụ. Tỉ dụ :

— Chim bay.

— Mai tết.

bay là trạng từ, *tết* là thể từ, nhưng trong hai câu trên *bay* và *tết* cùng là thuật từ.

Trái lại, một thể từ hay một trạng từ có thể giữ nhiều từ vụ khác nhau. Tỉ dụ :

— *Trong* ấm, ngoài êm. (A)

— Tôi vào *trong* nhà. (B)

— Tôi vào nhà *trong*. (C)

Trong ở câu A là chủ từ, ở câu B là hạn từ, ở câu C là túc từ, nhưng nói về từ tính thì cả ba câu, *trong* là thể từ.

— Chim *bay*. (D)

— Tôi vẽ con chim *bay*. (Đ)

trạng từ *bay* ở câu D là thuật từ, ở câu Đ là túc từ.

Phân biệt từ tính và từ vụ như trên, cũng như *cùng một người*, trong

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

gia đình đối với cha mẹ thì là *con*, đối với vợ thì là *chồng*, đối với con cái thì là *cha*; ngoài xã hội người ấy là *dân*. Làm con, làm chồng, làm cha, làm dân, là « chức vụ » của người ấy đối với gia đình và xã hội, nhưng « bản chất » người ấy vẫn là một người. Lại như loài bò, loài trâu, loài ngựa, ba loài « bản chất » khác nhau, nhưng có thể dùng vào cùng một việc là kéo cày.

159.— Phân biệt từ đơn, từ kép và ngữ, chúng tôi đã có chủ trương khác các nhà viết ngữ pháp trước. Phân biệt từ loại theo hai phương diện, một mặt căn cứ vào ý nghĩa (từ tính), một mặt căn cứ vào chức vụ ngữ pháp (từ vụ), cũng lại là một chủ trương khác nữa.

Các sách ngữ pháp hiện hữu, phần nhiều phân từ loại chia ra : danh từ, đại danh từ, loại từ, chỉ định từ, động từ, tĩnh từ, trạng từ, giới từ, liên từ. Nhưng các sách ấy không có tiêu chuẩn nhất định để phân loại : khi thì căn cứ vào ý nghĩa (như danh từ, động từ, tĩnh từ), khi thì căn cứ vào chức vụ ngữ pháp (như đại danh từ, loại từ, chỉ định từ, trạng từ, giới từ, liên từ). Cách phân từ loại như vậy, là phỏng theo ngữ pháp Pháp, nên không hợp với tinh thần tiếng ta. Vì thế mà tác giả *Lịch sử văn chương Việt Nam* đã cho rằng :

> *Tiếng Việt cơ cấu theo lối khác hẳn với các ngôn ngữ phương tây, nên không có « tự loại ». Gần đây, một vài người toan bắt chước theo Âu châu mà phân biệt tự loại. Nhưng kết quả rất kỳ quặc.*
>
> *Ta hãy lấy câu sau đây mà xét thử :* Nếu cây *viết* máy của anh đã hư à, thì lấy cây *viết* mực này mà *viết* cho hết bài thi *viết* đi ! *Trong câu có bốn chữ* viết. *Chữ đầu không thể tách riêng được : nó phải đi chung trong một khối* cây viết máy *vì ba âm này chỉ trỏ một vật mà thôi. Chữ thứ hai cũng vậy : nó ở trong khối* cây viết mực. *Chữ thứ ba lại tả một hành động và lãnh chức vụ của một động từ theo lối Âu. Còn chữ thứ tư chỉ dùng để thêm nghĩa cho* bài thi.
>
> *Vậy thì chữ* viết *ở đây không thể sắp theo một tự loại nào, và trong từ-điển cũng không thể chua bên cạnh tự loại nào.* (L.S V.C.V.N., *tr. 35*).

« Tự loại » nói trong đoạn văn trên, không hiểu như chúng tôi, nghĩa là gồm cả từ tính và từ vụ, nhưng chỉ hiểu theo nghĩa từ trước đến giờ là các loại tiếng xếp theo ngữ pháp Pháp. Nên chi, Hồ Hữu Tường đã chủ trương tiếng Việt không có từ loại, lại chủ trương cần phân từ vụ và chỉ phân từ vụ thôi :

> *Tùy theo ngôi thứ của tiếng nằm trong câu mà nó có một chức vụ rõ rệt. Chức vụ nầy bắt buộc nó có một ý nghĩa đương xứng.*
>
> *Người ta có thể so sánh mỗi tiếng trong tiếng Việt như là một người trong một phường hát, mỗi câu như là một vở kịch. Tùy theo vở kịch mà người ta phải chọn đào kép thích ứng để đóng tuồng. Rồi tùy theo một vai trò mà các tiếng phải đến ngôi thứ của nó theo những quy cả rành rẽ. Lắm khi, một tiếng*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lại được dùng nhiều lần, mỗi lần với một vai trò, một ý nghĩa khác, thì cũng như có vở kịch mà một người có thể đóng vai nầy rồi đóng vai khác vậy.

Thế thì nguyên tắc căn bản của mẹo luật tiếng Việt là nguyên tắc chức vụ dựa theo ý mà định vai trò và chọn lời để diễn tả, chớ không theo nguyên tắc thể dạng của các thứ tiếng khác.

Nguyên tắc nầy đi thẳng từ ý đến lời, khỏi phải bị những phạm trù rắc rối, ràng buộc. Vì vậy mà tiếng Việt có những mẹo luật dễ dàng, rõ ràng, hợp lý. Đó là một lẽ làm cho tiếng Việt dầu có biến đổi, không đến nỗi quá chừng như các tiếng nói khác. Và cũng là cái lý của sự trường tồn của nó, mặc dầu bị ảnh hưởng đồng-hóa của tiếng Tàu, đại diện cho một quyền lực mạnh mẽ và một văn hóa cao đẹp hơn. (L.S.V.C.V.N., *tr. 44*)

Chúng tôi cho rằng phân từ loại mà chỉ chú trọng đến từ vụ, bỏ phần từ tính, e không được đầy đủ. Phân từ vụ, chúng ta vẫn có thể phân từ tính được. Như câu tỉ dụ trên kia của Hồ Hữu Tường, ta định từ loại cho tiếng *viết* ra sao ? **Về từ tính**, thì cả bốn tiếng *viết* đều là trạng từ : ngữ *cây viết* tức là « cây dùng để viết », ngữ *bài thi viết* tức là « bài thi anh viết », còn tiếng *viết* đứng một mình dĩ nhiên là trạng từ rồi. **Về từ vụ**, ba ngữ *cây viết máy*, *cây viết mực*, và *bài thi viết*, đem phân tích ra từng từ một, thì *viết* đều là túc từ của *cây* hay của *bài thi*. Tiếng *viết* đứng lẻ cũng là túc từ của *lấy cây viết mực nầy*.

Vả lại, định từ tính là theo bản chất ý nghĩa của từ, chứ không phải là theo tự dạng. Ngay như tiếng Pháp, tuy rằng rất nhiều tiếng có thể trông tự dạng mà biết được là thuộc từ loại nào : *nom, verbe, adjectif* hay *adverbe*, ... ; nhưng định nghĩa mỗi loại tiếng, người Pháp có căn cứ vào tự dạng đâu, vẫn phải căn cứ hoặc vào bản chất ý nghĩa, hoặc vào chức vụ ngữ pháp.

160.— Nói tóm lại, phân từ loại chúng tôi căn cứ vào :

1) bản chất về ý nghĩa của từ để định *từ tính*, và

2) chức vụ ngữ pháp của từ trong câu để định *từ vụ*.

Từ tính sẽ nói ở chương sau, từ vụ ở chương V. Chương VI, chúng tôi so sánh cách phân từ loại trong sách này với cách phân từ loại theo ngữ pháp « cổ điển » của người Pháp.

Nhưng, tiếng ta là tiếng đơn âm, trong câu nói có khi dùng nhiều ngữ hơn từ. Ngữ, về ý nghĩa cũng như về chức vụ ngữ pháp, có công dụng như từ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vậy, ở các chương sau, mỗi lần nói đến « tiếng », xin độc giả hiểu là *từ* hay *ngữ* (1). Tỉ dụ : chúng tôi nói :

— Thể-từ là tiếng dùng để chỉ sự vật.

hay :

-- Chủ từ là tiếng dùng để chỉ sự vật cốt yếu, sự vật đứng chủ trong câu.

xin hiểu là :

— Thể từ là từ hay ngữ dùng để...

— Chủ từ là từ hay ngữ dùng để...

Chúng tôi viết như vậy là cốt cho lời nói được gọn. Sở dĩ chúng tôi dùng thể từ, chủ từ, v.v. để gọi cả từ lẫn ngữ, mà không nói thể từ và thể ngữ, hay chủ từ và chủ ngữ, là vì chúng tôi coi *từ* là chính, còn *ngữ* coi là tương đương với từ hoặc về từ tính hay về từ vụ. Vả lại, nếu muốn cho rõ ràng mà nói thể từ, thể ngữ, chủ từ, chủ ngữ, v.v., e rằng chỉ thêm phức tạp mà không ích lợi gì mấy.

(1) Vả lại, có dùng *tiếng* để chỉ *ngữ*, cũng không trái với ngôn ngữ của ta. Tỉ dụ : trong câu ca dao dưới đây ngữ *anh hùng* coi là « một tiếng » :

— Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

PHỤ - LỤC

Theo chủ trương trong K.L.V.N.P.V.N., *thì quan niệm về* ngữ *rất « mềm dẻo, co rãn », không chặt chẽ như quan niệm về* từ *và* câu. *Ngữ là tổ hợp tiếng không phải là từ kép mà cũng chưa đủ điều kiện thành câu. Nói cách khác, thì ở quãng giữa* từ *và* câu, *chỉ có* ngữ. *Những điều 132 đến 141 mới chỉ cho ta biết định nghĩa thế nào là* ngữ *về một phương diện : phương diện ý nghĩa hay từ tính.* K.L.V.N.P.V.N. *còn định nghĩa* ngữ *về phương diện chức vụ ngữ pháp hay từ vụ. Muốn để độc giả* Đại Học *có ý niệm đầy đủ về* ngữ, *chúng tôi lục đăng thêm dưới đây đoạn trong sách nói về* ngữ *theo phương diện từ vụ.* (L.T.S.)

192.— Lại nói đến ngữ.

Ta đã nói : mỗi câu dùng để diễn tả một việc, và một câu ít ra có hai tiếng : hoặc một là thể từ, một là trạng từ ; hoặc cả hai đều là thể từ (điều 165 và 166). Tỉ dụ :

— Chim bay.

— Bé ngoan.

— Mai tết.

Nhưng, hàng ngày ta nói, câu nói ít khi chỉ có hai tiếng, mà thường dài hơn nhiều, vì thuật lại một việc, ta phải nói đủ chi tiết cho người nghe cũng biết được như ta.

Như nói : « Chim bay », chỉ diễn tả một ý tổng quát, một sự đương nhiên. Nhưng kể lại một việc ta vừa mới chứng kiến, ta phải cho người nghe biết có bao nhiêu con chim, chim gì hay chim thế nào ; bay thì ta thấy chim bay lúc nào, bay thế nào, bay ở đâu. Vậy thuật lại một việc, ta không thể nói cụt ngủn : « Chim bay », mà ta phải thêm chi tiết trên và nói câu dài hơn, tỉ dụ như :

— Hai con chim non đang bay là là ngoài sân.

Câu này, chủ từ không phải là một tiếng *chim*, mà cả tổ hợp *hai con chim non*. Hai con chim non làm gì ? — đang bay là là ngoài sân. Vậy, thuật từ không phải chỉ có một tiếng *bay*, mà gồm cả tổ hợp *đang bay là là ngoài sân*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tổ hợp tiếng « hai con chim non » và « đang bay là là ngoài sân » ta gọi là *ngữ*.

Chúng ta đã nói ngữ là nhiều tiếng họp lại để diễn tả ý phức tạp, ý phức tạp ấy là một sự vật hay một sự trạng (điều 132). Nhưng, chúng ta cũng đã nói quan niệm về ngữ mềm dẻo chứ không chặt chẽ như quan niệm về từ (điều 140 và 148), nên chúng tôi cũng gọi là ngữ, nhiều từ kết hợp với nhau để cùng giữ một chức vụ ngữ pháp hay cùng là một thành phần trong câu. Định nghĩa ngữ ở điều 132 mới chỉ nói về phương diện từ tinh ; định nghĩa ngữ như vừa nói trên là nói về phương diện từ vụ.

Muốn cho chuyên ngữ trong khoa học ngôn ngữ của ta được tinh xác, chúng ta đặt ra danh từ riêng để gọi từ theo từ tính hay theo từ vụ, vậy ta có nên tìm ra hai danh từ khác nhau để gọi ngữ theo ý nghĩa, và ngữ theo chức vụ ngữ pháp không ?

Điều ấy rất nên, nhưng chúng tôi thú thực là chưa tìm ra danh từ nào coi là xứng hợp. Kể ra nói :

— Thợ mộc đợi anh trong nhà.

— Thợ mộc nhà bác Giáp đợi anh trong nhà.

đã gọi *thợ mộc* là ngữ, lại gọi *thợ mộc nhà bác Giáp*, cũng là ngữ, thì thật không được rành rẽ, nếu chẳng nói là « luộm thuộm ».

Chính vì chưa tìm được danh từ đúng, nên chúng tôi chỉ chia ra : từ, ngữ, câu. Từ và câu là hai quan niệm chặt chẽ, có phạm vi nhất định. (Ta đã định nghĩa từ đơn ở điều 66, từ kép ở điều 71. Ta sẽ định nghĩa câu ở chương VII). Ở quãng giữa từ và câu, chỉ có ngữ, tức là tổ hợp tiếng không phải là từ kép nhưng không đủ điều kiện thành một câu. Vì thế mà chúng tôi nói rằng ngữ là quan niệm mềm dẻo, co rãn. Tỉ dụ như về phương diện ý nghĩa, chúng tôi đã nói ở điều 140 : *chính sách bảo hộ mậu dịch* là một ngữ, ngữ ấy có thể chia ra hai ngữ ngắn hơn : *chính sách* và *bảo hộ mậu dịch* ; ngữ *bảo hộ mậu-dịch* lại có thể phân ra hai ngữ nữa : *bảo hộ* và *mậu dịch*.

Về phương diện chức vụ, thì như câu :

— Hai con chim non đang bay là là ngoài sân.

hai con chim non là ngữ dùng làm chủ từ, *đang bay là là ngoài sân* là ngữ dùng làm thuật từ. Nhưng ta còn có thể phân chia : *non* là từ đơn phụ nghĩa cho ngữ *hai con chim*, *hai* là từ đơn phụ nghĩa cho ngữ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

con chim ; là là là từ kép phụ nghĩa cho ngữ *đang bay, ngoài sân* là ngữ cũng phụ nghĩa cho ngữ *đang bay là là.*

193.— Tuy nhiên, ta cũng cứ cố tìm xem có thấy một danh từ nào khác, ngoài danh từ « ngữ » không ? Liệu ta có thể gọi « thợ mộc » là *thành ngữ,* và « thợ mộc nhà bác Giáp » là *ngữ* không ?

Phần nhiều các từ điển của ta và của Tàu giải nghĩa thành ngữ là « lời nói thường lưu hành trong xã hội », hoặc « lời nói người ta đã dùng quen ». Nguyễn Giang định nghĩa trong *Cách đặt câu* : « thành ngữ là kiểu nói đặc biệt trong một ngôn-ngữ do những tập quán lâu đời kết nên ».

Những ngữ như *thợ mộc, tàu bay, mâu thuẫn, đen bạc, mát mặt, xấu tay* chẳng là những lời nói « dùng quen » và « do tập quán lâu đời kết nên » ư ? Ta đặt ra ngữ mới, có được nhiều người quen dùng, mới có thể chấp nhận vào ngôn ngữ được. Đã quen dùng và được chấp nhận, tức là *thành ngữ* rồi.

Hoặc giả, ta không thể gọi *thợ mộc, tàu bay,* v.v. là thành ngữ được, vào theo một văn đoàn :

> *Thành ngữ là một chuỗi tiếng (thường là bốn tiếng), đã thành một khuôn sẵn, dùng như một ngữ từ để chỉ một ý-niệm.*
>
> *Thí dụ* : sôi kinh nấu sử, cầu-toàn trách-bị, cốt nhục tương tàn, nồi da xáo thịt, đầu đường xó chợ, hoa tường liễu ngõ, chân nam đá chân chiêu,... (Chương-trình biên soạn – phần ngôn-ngữ — từ-điển bách-khoa Việt-Nam, *tr. 3*) (1)

Không gọi *thợ mộc, tàu bay,* v.v. là thành ngữ được, thì phải coi là ngữ, và ta phải tìm một danh từ khác để gọi « *hai con chim non* », « *đang bay là là ngoài sân* », « *thợ mộc nhà bác Giáp* », « *đợi anh trong nhà* ».

194.— Trong *Ngữ văn pháp giảng thoại,* Triệu Thông nghiên cứu về từ có nói rằng nhiều tiếng « phối hợp » với nhau, trừ trường hợp từ đơn cấu tạo thành phức từ (2), có thể phát sinh ra ba thứ quan hệ : liên hợp, tổ hợp hay kết hợp.

---

(1) Văn đoàn này thành lập năm 1956, do Đào Văn Tập chủ trương, để soạn một bộ từ điển bách khoa Việt Nam. Chẳng may đầu năm sau Đào quân tạ thế, công việc soạn thảo bộ từ điển bỏ dở.

(2) Triệu Thông coi là phức từ (tức như từ ghép) : *lãnh tụ, cốt nhục, phi cơ, thành thị, văn chương, thân thích, phương diện, y sư, trà lâu, hí viện,* v.v. Chúng tôi coi là ngữ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hai tiếng « phân lượng bằng nhau, không phân biệt nặng nhẹ, chủ tòng », tức như chúng tôi nói ngang giá trị ngữ pháp (điều 137) đi với nhau, gọi là có quan hệ liên hợp.

Nhưng, mấy tiếng giá trị ngữ pháp không ngang nhau, nghĩa là có tiếng chính, tiếng phụ, hợp với nhau, gọi là có quan hệ tổ hợp hay quan hệ kết hợp : có quan hệ tổ hợp thì gọi là *từ tổ*, có quan hệ kết hợp thì gọi là *từ kết*. Từ kết khác từ tổ là từ kết có « hình thức một câu », mà từ tổ không có hình thức một câu (1). Tỉ dụ :

— *Nhà anh Giáp* ở phố Trần Hưng Đạo.

— Anh Giáp *giỏi toán lắm*.

thì « *nhà anh Giáp* », « *giỏi toán lắm* » là từ tổ.

— *Người mặc áo trắng* là ông Giáp.

— Chuyện *nó kể lại* không đúng.

thì « *người mặc áo trắng* », « *nó kể lại* » có hình thức câu là từ kết.

Chúng tôi tưởng không cần phân biệt như Triệu Thông, từ tổ với từ kết, và có mượn của tác giả *Ngữ văn pháp giảng thoại*, ta chỉ cần mượn một danh từ, hoặc từ tổ, hoặc từ kết.

Vậy, nếu không thể dùng *thành ngữ* và *ngữ*, ta có nên dùng *ngữ* và *từ tổ* (hay *từ kết*) không ?

195.— Kể ra, phân biệt được một tổ hợp tiếng chưa thành câu về hai phương diện khác nhau : ý nghĩa và chức vụ, thì thật là rành rẽ. Ta sẽ gọi : hoặc một bên là thành ngữ (ý nghĩa) một bên là ngữ (chức vụ), hoặc một bên là ngữ (ý nghĩa) một bên là từ tổ hay từ kết (chức vụ), và ta có thể định nghĩa :

1) *ngữ* (hoặc *thành ngữ*) là nhiều tiếng hợp lại để cùng chỉ một sự vật hay sự trạng ;

2) *từ tổ* hay *từ kết* (hoặc *ngữ* nếu trên ta dùng *thành ngữ*) là nhiều tiếng hợp lại để cùng giữ một chức vụ ngữ pháp.

Nhưng, ta thử xét lại xem phân biệt và định nghĩa như trên đã thật ổn chưa ? Theo trên thì *thợ mộc* là ngữ (ý nghĩa), mà *thợ mộc nhà bác Giáp* là từ tổ hay từ kết, nhưng không khỏi có người sẽ bẻ lại ta rằng

(1) Có lẽ tác giả *N.V.P.G.T.* muốn phân biệt như *phrase* và *clause* của Anh, hay *terme de la proposition* và *proposition* của Pháp.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thợ mộc hay *thợ mộc nhà bác Giáp* cũng vẫn diễn tả có một sự vật, chẳng qua nói *thợ mộc nhà bác Giáp* thì sự vật ấy được ta chỉ định rõ hơn là nói *thợ mộc*. Đã dùng để diễn tả một sự vật thì *thợ mộc nhà bác Giáp* cũng là ngữ như *thợ mộc*, ta có còn cần phân biệt ngữ với từ tổ (hay từ kết) nữa chăng ?

Nói tóm lại, chúng tôi cũng cảm thấy *thợ mộc* và *thợ mộc nhà bác Giáp* là hai quan niệm khác nhau, nhưng chưa tìm ra được hai danh từ, nhất là hai định nghĩa để phân biệt hai quan niệm khác nhau ấy. Chúng tôi xin đặt vấn đề, mong có nhà thức giả giải quyết cho. Trong khi chờ đợi, chúng tôi đành gọi là ngữ những tổ hợp tiếng như :

— *thợ mộc, tàu bay,...*

— *thợ mộc nhà bác Giáp, tàu bay của công ti hàng không Việt-Nam...*

Vậy, ngữ là tổ hợp tiếng chưa thành câu, cùng diễn tả một sự vật hay sự trạng, hoặc cùng giữ một chức vụ ngữ pháp hay cùng là một thành phần trong câu. Và chúng tôi xin nhắc lại điều 160 : mỗi lần nói đến *tiếng* ở chương này, xin hiểu là *từ* hay *ngữ*, ngữ theo nghĩa vừa định ở trên.

TRƯƠNG VĂN CHÌNH

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bàn về vài điểm âm thinh tiếng Việt

của TRẦN VĂN TOÀN và LÊ NGỌC TRỤ

SAU khi báo Đại Học *trích đăng một đoạn trong cuốn* Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam *chúng tôi đang soạn dở, chúng tôi có nhận được thư ông TRẦN VĂN TOÀN, hiện ở Đức, viết về.*

Trong thư, ông Toàn có nêu ra mấy vấn đề về âm và thinh tiếng Việt, chúng tôi thấy có nhiều điểm rất hay, đáng để các nhà nghiên cứu ngữ âm học và âm nhạc chú ý. Được ông Toàn cho phép, chúng tôi yêu cầu tòa soạn báo Đại Học *cho đăng thư của ông, để vấn đề ông nêu ra được thảo luận kĩ càng thêm.*

Chúng tôi cũng đã yêu cầu ông LÊ NGỌC TRỤ góp thêm ý kiến. Ông Trụ là một vị trong số rất ít nhà chuyên môn về khoa ngữ âm học Việt Nam. Ông là tác giả cuốn Chánh tả Việt-ngữ, *xuất bản từ 1951, sách nghiên cứu rất công phu về âm và thinh. Hiện nay ông là giảng viên môn chánh tả Việt Nam tại trường đại học văn khoa Sài-Gòn.*

Trước khi đăng thư của ông Toàn và bài của ông Trụ, chúng tôi xin phép giải thích mấy điểm dưới đây :

1) Những đoạn nói về âm thinh, trong cuốn K.L.V.N.P.V.N., *đã đăng trọn ở số báo* Đại Học *trước. Những đoạn ấy, phần nhiều rút trong cuốn* Chánh tả Việt-ngữ *(chúng tôi có biên xuất xứ). Chúng tôi đã mượn rất nhiều của ông Trụ, không những để chứng minh lối cấu tạo từ kép theo thanh âm, mà còn để đặt nhiều điều nghi vấn, mong có nhà chuyên môn về ngữ âm học giải quyết cho. Vậy, « luật bổng trầm » không phải là của chúng tôi, mà chính của ông Trụ định ra. « Liên lạc ngang-hỏi-sắc và huyền-ngã-nặng » cũng không phải của chúng tôi « khám phá ra ». Trước cuốn* Chính-tả Việt-ngữ, *ông TRẦN TRỌNG KIM cũng đã nhận thấy liên lạc ấy (xem* Việt-Nam văn phạm, *trang 143,144), có khác là ông Kim nhận ra như vậy là theo kinh nghiệm, mà ông Trụ thì giải thích theo lối khoa học.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

2) *Trong* Chánh tả Việt-ngữ, *ông Trụ cũng chia ra thinh đơn và thinh kép, và gọi là* giọng chánh *và* giọng kẽ giữa :

> *Trong các giọng tiếng Việt thật ra có ba giọng chánh :* ngang, huyền, sắc. *Ba giọng* hỏi, ngã, nặng *chỉ là giọng kẽ giữa, do mấy giọng chánh tổ-hợp tạo nên*
>
> *Vì nếu phân tích ra :*
>
> **Hỏi** : huyền + sắc ;
>
> **Ngã** : (huyền) nặng + sắc ;
>
> **Nặng** : huyền + ngang ;
>
> *Nghĩa là, thay vì đọc những tiếng* Hỏi, Ngã, Nặng, *chúng ta đọc mau những tiếng* Hỏi-ói, Ngà-ạ-ạ-á, Nằng-ăng *thì sẽ nghe ra mấy tiếng đó.* (C.T.V.N., II, *tr. 53*.

Sở dĩ chúng tôi không trích dẫn đoạn trên vào cuốn K.L.V.N.P.V.N. *ta vì không quan hệ đến cách cấu tạo từ kép, và chúng tôi đã viết ở điều 120 rằng sách chúng tôi soạn chỉ nghiên cứu về ngữ pháp, chứ không nghiên cứu về ngữ âm.*

3) *Về* vần bằng *và* vần trắc, *chúng tôi còn nhớ là thuở nhỏ, bắt đầu đi học quốc âm, các sách dạy vỡ lòng đều chia ra hai phần : vần bằng và vần trắc. Các vần có phụ âm cuối M, N, NG, NH, xếp vào vần bằng ; các vần có phụ âm cuối C, CH, P, T, là vần trắc. Sau này, được dạy rằng hai thinh ngang và huyền gọi là thinh bằng, còn những thinh hỏi, ngã, sắc, nặng, là thinh trắc, và tiếng có thinh bằng là tiếng bằng, tiếng có thinh trắc là tiếng trắc. Như vậy thì không những tiếng trắc gồm có tiếng có vần trắc, mà gồm cả tiếng có vần bằng mang thinh trắc.*

Vì thấy trong ngôn ngữ của ta, những danh từ vần bằng, vần trắc, thinh bằng, thinh trắc, tiếng bằng, tiếng trắc, *hai từ* bằng *và* trắc *dễ làm cho người muốn học hỏi lần lộn (1), nên chúng tôi đã viết cuối điều 78: «Đừng lẫn vần « bằng và vần trắc với thinh bằng và thinh trắc ». Cuối điều 84 nói về* tiếng bằng và tiếng trắc, *chúng tôi cũng đã viết : « Muốn tránh cho khỏi lẫn vần bằng với «tiếng bằng, hay vần trắc với tiếng trắc, ta có nên tìm tiếng khác để gọi vần bằng «và vần trắc không? Tỉ dụ như vần trắc có thể gọi là* vần nhập *vì vần trắc chỉ «có hai giọng là sắc nhập và nặng nhập. Đó là vấn đề chúng tôi muốn đặt ra cùng «các nhà phát âm học ». Vậy thì danh từ* vần nhập *mới chỉ là tiếng chúng tôi đề nghị mà thôi.*

---

(1) Chính ô. Trần Trọng Kim đã lẫn như vầy : Theo *Việt-nam văn-phạm*, tr. 15, thì giọng ngang và huyền là thinh bằng, các giọng khác là thinh trắc. Nhưng, trang 158, lại nói rằng tiếng bằng có đủ sáu thinh, và tiếng trắc là « những tiếng ở cuối cùng có chữ *c, ch, p, t* » chỉ có hai thinh. Vậy *V. N. V. P.* đã lẫn tiếng bằng với tiếng có vần bằng, và tiếng trắc với tiếng có vần trắc.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Khi chúng tôi viết điều 84 nói trên, chúng tôi chưa biết rằng ông NGUYỄN BẠT TỤY, *cũng là một nhà nghiên cứu về ngữ âm có tiếng của ta, có viết bài nhan đề* Bàn về « tiếng bằng » và « tiếng trắc » *đăng trên* Tập kỷ yếu Hội khuyến học Nam-Việt, *tháng 1-1952. Ông Tụy gọi các âm phụ cuối M, N, NG, NH, là* âm-mũi, *và các âm phụ cuối C, CH, P, T, là* âm-miệng. « *Tiếng tận cùng bằng một âm-mũi cuối* » *ông gọi là* tiếng mũi cuối. « *Tiếng tận cùng bằng một âm-miệng cuối* » *ông gọi là* tiếng miệng cuối.

Nhưng, những vần có âm-mũi cuối và những vần có âm-miệng cuối, ta sẽ gọi là gì ? Có thể gọi là vần mũi cuối *và* vần miệng cuối *được không ? Và ta có nên dùng hai danh từ ấy để thay cho* vần bằng *và* vần trắc *không ?*

4) Vì sao vần bằng (hay vần mũi cuối) có đủ sáu thinh, mà vần trắc (hay vần miệng cuối) lại chỉ có hai thinh ? Chủ trương của hai ông Toàn và Tụy khác nhau. (Chủ trương của ông Tụy có dẫn trong bài của ông Trụ ở dưới).

Theo ông Toàn, vần bằng và vần trắc đều là âm-kín (sons fermés, *tức là* âm-cản *trong* Chánh tả Việt-ngữ). « *Muốn có âm-thanh kín phải hãm không cho «hơi ra qua miệng (chỉ để cho qua mũi)». Âm phụ cuối đều cắt cụt âm chính, nhưng bốn âm M, N, NG, NH, « vẫn còn để cho thanh âm kín ra ngoài được, (...) vì thế « thanh âm vẫn còn dài đủ để uấn éo theo những thinh kép (hỏi, ngã, nặng) », và « vần có âm phụ cuối ấy vẫn có thể có sáu thinh như các vần đơn và vần trơn ». Trái lại, bốn âm P, T, CH, C, « cắt cụt hẳn âm chính mà không để lại một ít dư «âm nào cả », nên thanh âm « không thể uấn éo theo những thinh kép », và vần có phụ âm cuối ấy « chỉ có thể có những thinh đơn ».*

Theo ông Tụy, thì « trong sáu thanh có ba thanh huyền, hỏi, ngã, *có hơi « nối đưa lên mũi nhiều nhất». Khi ta phát âm một vần trắc « màng cúa nâng lên «và bịt kín lối thông giữa miệng và mũi ». Vì thế mà « ba thanh-mũi* huyền, hỏi, «ngã, *gặp phải màng cúa cản lại mà khó phát ra ». Trái lại phát âm một vần bằng, « màng cúa hạ xuống cho miệng thông với mũi », nên không thinh nào bị cản trở cả.*

Hai chủ trương trên, chủ trương nào đúng, chúng tôi xin chất chính các vị uỷyiên cứu về ngành phát âm học.

TRƯƠNG VĂN CHÌNH

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

I

THƯ CỦA ÔNG TRẦN VĂN TOÀN (a)

Mainz/Rhein
Augustinesrtrasse 34

12 - 9 - 1958

Kính thưa ông,

Tôi vừa được đọc bài « Khảo-luận về ngữ-pháp Việt-Nam » của ông trong tạp-chí Đại-học số 4-5, mà ông Nguyễn-văn-Trung vừa đưa sang. Tuy không phải là chuyên-gia về ngôn-ngữ, nhưng tôi rất băn khoăn về ngành đó và đã tìm học hỏi ít nhiều, và thực tôi chưa được đọc một bài nào có tính cách khoa-học và đầy triển vọng như bài của ông. Trước tôi đã đọc cuốn «Le parler vietnamien» của ông Lê-văn-Lý, và cho là khá hơn phương-pháp của ông Trần-trọng-Kim đi lấy ngữ pháp của tiếng Pháp và đòi ghép vào tiếng Việt. Phương-pháp phân - loại các yếu tố từ của ông Lê-văn-Lý có cái hay là tựa vào vị-trí khách-quan của từng tiếng. Nhưng thực ra cũng chưa đưa chúng ta đi xa là bao nhiêu, vì vẫn theo khuôn khổ các ngôn-ngữ Âu-châu. Có cái đặc điểm của mình là các tiếng điệp, thì lại không bàn đến. Cách phân - loại các âm chính của ông Lý có lẽ cũng chưa có mạch-lạc hẳn : thí-dụ ông cho **ia** hay **iê** là một âm, rồi đặt thuyết rằng trong tiếng Việt không bao giờ có quá hai âm chính ở liền nhau. Nhưng ai cũng biết rằng **iê** không phải là một âm đơn, dù trong ngôn-ngữ khác người ta viết âm kép ấy bằng một tự (chữ), như tiếng Nga e, ꙗ. Thành thử thuyết của ông Lý không có nền tảng lắm. Về vấn-đề **thinh**, ông Lý có đưa ra mấy bức họa-đồ, nhưng cũng chưa làm cho độc-giả thỏa mãn hẳn.

Tôi rất tiếc là chưa được đọc hết cả cuốn sách của ông trước khi viết thư này. Rất có thể là tôi chưa hiểu hết ý hay hiểu lầm ông.

Đọc bài của ông, tôi thích nhất là tiết III, vì giả-thuyết của ông rất hay. Phân-loại một cách có hệ-thống đến như thế là cùng. Tuy nhiên ông vẫn không phải là không thấy vấn-đề phiền phức (xem số 91, 96, 99), và ông đã mạnh bạo đặt các nghi-vấn, và các giả-thuyết rất hay (số 72, 118/b, 128, 130) để cho công việc tìm tòi tới được một kết-quả vững chắc.

(a) Chúng tôi bỏ mấy đoạn có tính cách riêng (T.V.C).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Viết thư này cho ông, tôi không dám chỉ trích hay là **lên mặt dạy đời** (như người ta thường nói) gì cả, vì tôi biết ông (...) hiểu biết giá trị công việc của mình, và biết rằng còn rất nhiều câu hỏi mà mình chưa trả lời được.

Có nhiều câu hỏi, ông đã xin nhờ các chuyên-gia về phát-âm-học trả lời hộ. Tôi không phải là chuyên-gia đó, và không có tư cách gì để giải-quyết vấn-đề đó cho ông. Trái lại, tôi gặp khó khăn khi đọc bài của ông. Có lẽ vì tôi có thành kiến sẵn. Giá được ở Việt-Nam mà tiếp truyện ông thì rất là hay. Nhưng tôi chắc ông cũng vui lòng đọc những cái khó khăn này(. . .).

Cái khó khăn của tôi gặp là thế này :

Một đàng, cách phân-loại thành 8 thinh trong tiếng Việt của ông, tựa vào 4 thinh chính của chữ tàu (bình, thượng, khứ, nhập), mỗi loại có **phù** (nổi, bổng), và **trầm** (chìm, thấp). Như thế thật là có cơ sở. Hơn nữa luật bổng trầm của ông cũng tựa vào nền tảng chắc chắn là sự **liên-hệ giữa những dấu mà ông gọi là bổng** (ngang, hỏi, sắc) **và giữa những dấu trầm** (huyền, ngã, nặng). **Luật ấy đã cắt nghĩa được đa số các tiếng điệp** (trừ số 91, 96, 99), hay nói thế khác : sự khảo sát tỉ mỉ các tiếng điệp đã đưa ta đến sự liên hệ giữa các dấu bổng với nhau, trầm với nhau.

Đàng khác là cái thành kiến của tôi, mà tôi chưa có cách phá đổ đi. Nó như thế này :

1.— Tôi cho rằng tiếng Việt có 6 dấu, 6 **thinh** : 3 thinh đơn, 3 thinh kép.

Ba thinh đơn là ; sắc, ngang, huyền. Vì những thinh đó ăn vào một dấu (note) trong âm-giai. Đọc những câu như : **Nó tây máy lắm, Anh đi chơi không, Về nhà mà nằm,** ta thấy mỗi câu đều có thể đọc theo một dấu nhạc, vì mỗi từ trong mỗi câu tùy theo có một dấu nhạc.

Ba thinh kép là : ngã, hỏi, nặng. Vì mỗi thinh phải được đọc theo nhiều dấu nhạc lên hay xuống. Nghĩa là không thể đọc một câu có nhiều dấu hỏi, ngã, nặng, theo một dấu nhạc. Vì thế khi các nhạc-sĩ dệt từ vào bản nhạc mà không biết luật đó, thì khi hát lên, bài hát sẽ mất tự nhiên, ví-dụ khi họ bắt một thinh đơn cõng hai ba dấu nhạc, hay chỉ cho một thinh kép có một dấu nhạc, hay là cho thinh kép cõng nhiều dấu nhạc lên xuống không hợp với thinh ấy (như khi dòng nhạc ăn lên cao

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mà lại vào dấu nặng, hay khi dòng nhạc ăn xuống mà lại gặp dấu hỏi, dấu ngã).

Tôi, đến, là hai thinh đơn *ngang* và *sắc*,. đọc : *Tôi* **đã** *đến* thì ta thấy thinh *ngã* ăn **từ thinh** *ngang* **và lèo lên trên cao, gần tới thinh** *sắc*.

Về nhà **ngủ** *đi* : đọc như thế thì rõ-ràng thinh của dấu hỏi, đi **từ dấu** *huyền* **và ăn lên bên trên dấu** *ngang* **một ít.**

Đi **lại** *bây giờ* : đọc như thế thì thấy thinh của dấu nặng đi **từ dấu** *ngang* **xuống trầm một chút** đồng thời làm cho vần có dấu nặng ấy phải **cụt ngủn**, đàng khác dấu nặng **không lèo xuống trầm như dấu huyền.** (Ở đây tôi không nói đến **trầm nhập thanh** nghĩa là vần trắc hay vần nhập.)

Theo như nhận xét trên đây, tôi vẽ bức họa-đồ thế này ;

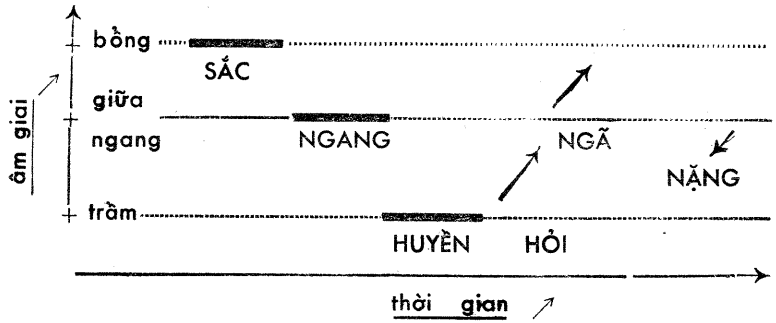

Theo như thế, tôi khó có thể nhận rằng dấu hỏi là bổng và dấu ngã là trầm, cho dù dấu hỏi vẫn có liên-lạc với dấu ngang và dấu sắc, và dấu ngã vẫn hay đi với dấu huyền và dấu nặng.

Vì thế tôi cho lối chia thành ra **phù** và **trầm** của người Tàu là hơi đơn sơ. **Nhưng có** lẽ các dấu các thinh trong tiếng Tàu khác tiếng ta.

Cái liên lạc ngang-hỏi-sắc và huyền-ngã-nặng mà ông khám-phá ra vẫn còn giá trị như cũ. Nhưng có lẽ dùng tiếng *bổng, trầm* mà chỉ hai loại đó là hơi hàm hồ, vì như tôi nghĩ, tiếng Việt có 3 thinh đơn và 3 thinh kép.

2.— **Vần nhập** hay vần trắc.

Tôi không hiểu vì lý-do gì người Tàu lại phân-loại ra cho có nhập-thanh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vì rằng : Phù-nhập-thanh trong tiếng ta cũng đọc ở một dấu nhạc (nghĩa là là một thinh đơn) như phù-khứ-thanh. Thí-dụ : **Nó biết nó chết.** Và tôi nghĩ khi các đạo-trưởng âu-châu viết tiếng ta chỉ dùng có một dấu sắc có phù-khứ và phù-nhập-thanh, thì đó chưa chắc đã là vô cớ. Dấu **sắc nhập** phải chăng cũng chỉ là dấu **sắc ?**

Đọc câu : *Một vài bà cày ruộng* ta thấy : dấu nặng nhập của chữ **một** không cùng một dấu nhạc như dấu nặng của **chữ ruộng**, nhưng lại ở một dấu nhạc như dấu huyền. Phân biệt **nặng** và **nặng nhập** là phải. Nhưng sao lại không đánh dấu **huyền** thay vào dấu nặng nhập : **mòt** vài bà ?

Ai cũng biết rằng âm phụ cuối cắt cụt âm chính đi. Tiếng Ý nghe vang, là vì thường **không** có âm phụ ở cuối mỗi vần. Tiếng Đức nghe cụt hơn, là vì hay có phụ âm cuối cắt cụt **âm chính** (1). Một **điều đáng chú-ý** là tiếng Việt có 8 âm phụ cuối, chia làm 4 hạng do 4 chỗ phát âm. 8 âm phụ cuối ấy lại chia làm hai loại, vì chúng có thể làm thành vần trắc (nhập) và vần bằng :

	môi	răng	cửa	họng
trắc (nhập)	P	T	CH	C
bằng	M	N	NH	NG

Trong ngành hát về khoa âm-nhạc, ta biết rằng ta có thể phát-sinh ra âm-thanh (son) theo hai loại. Âm-thanh hở (sons ouverts) là những âm-thanh, mà khi phát-sinh ra nó, ta phải để hơi ra qua miệng, miệng sẽ phải rộng hẹp tròn dẹp, để những âm-thanh hở có mầu sắc, thành a, è, i, v.v... Khi chuyển từ âm-thanh hở này sang âm-thanh hở khác, ta vẫn để hơi ra qua miệng và chỉ uấn miệng theo hình-thức khác đi thôi. Âm-thanh hở là tất cả những âm chính mà ta có thể đọc được.

Ngoài ra còn có loại âm-thanh kín (sons fermés). Khi ta hát một điệu nhạc mà không mở miệng hay là không cho hơi ra qua miệng, tức là ta phát-sinh ra thanh-âm kín. Thanh-âm kín không có mầu sắc (coloré !) như **âm chính**. Ta không thể nói rằng khi hát ngậm miệng thì âm-thanh kín đó giống như âm chính nào đó. Muốn có âm-thanh kín, phải hãm không cho hơi ra qua miệng (chỉ để cho qua mũi) : mím **môi** mà hãm,

(1) Thí dụ : «Tôi có thể nói» : Ý : Io posso parlare. Đức : Ich kann sprechen.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tức là dùng chữ M ; hãm bằng cách đưa lưỡi lên chân **răng** hàm trên, tức là dùng chữ N ; hãm hơi ở cửa, tức là dùng chữ NH ; hãm hơi ngay ở cửa **họng**, tức là dùng chữ NG.

Theo đó thì 4 âm phụ cuối M, N, NH và NG cắt cụt âm chính (thanh-âm hở), nhưng vẫn còn để cho thanh-âm kín ra ngoài được. Hết âm hở thì còn âm kín : vì thế thanh-âm vẫn còn dài để uấn éo theo những thinh kép (hỏi, ngã, nặng). Vì thế những vần có các âm phụ cuối ấy vẫn có thể có 6 thinh như các vần đơn và vần trơn. **Tất cả những vần có thể có 6 thinh như thế gọi là vần bằng.**

Trái lại, P, T, CH, C, cắt cụt hẳn âm chính mà không để lại một ít dư-âm nào cả (nếu muốn có âm kín tiếp theo đó, thì lại phải làm như sắp đọc những chữ M, N, NH, NG như trên kia). Những âm chính bị cắt cụt hẳn như thế nên không thể uấn éo theo những thinh kép (hỏi, ngã, nặng): vì thinh kép đòi nhiều thời-gian hơn để lèo lên lèo xuống. **Có lẽ** vì thế mà các vần ấy chỉ có thể có những thinh đơn (phù-bình-thanh, trầm-bình-thanh và phù-khứ-thanh). Trong âm-giai thì dấu sắc-nhập cũng đọc cao như dấu sắc, dấu nặng-nhập cũng đọc như dấu huyền. Có lẽ ta có thể nói : **Tất cả những** vần nào chỉ có thể có những thinh đơn (vì bị cắt cụt hẳn) thì là vần trắc hay vần nhập. Thế nghĩa là **không có thinh nhập**, nhưng chỉ có vần nhập, định-nghĩa như trên kia.

Quan-niệm như thế ta vẫn chưa cắt nghĩa nổi vì sao vần trắc hay vần nhập lại không có phù-bình-thanh là một thinh đơn. Đang khi tìm tòi, ta có thể tựa vào sự tách - biệt giữa âm và từ, và nói rằng : Không phải âm nào cũng có thể đeo 6 thinh để thành 6 từ, rồi ra thí-dụ : có âm **đăt**, nhưng âm ấy không có nghĩa, nếu không mang dấu sắc (đắt) hay dấu huyền (đắt).

Hơn nữa ta cũng chưa hiểu được vì sao khi làm thơ, cổ nhân lại chỉ cho phù-bình-thanh và trầm-bình-thanh là **bằng**, còn tất cả các thinh khác là trắc, tuy rằng trầm-nhập-thanh cũng đọc thấp (trầm) như trầm-bình thanh (hai thứ ấy có khác nhau, thì là vì một cái vần trắc và cái kia là vần bằng, chứ không khác thinh !) Nhưng có lẽ cổ - nhân không theo âm-nhạc khi đặt luật bằng trắc trong thơ phú và trong khi phân-biệt các thinh ? Vậy khi phân-biệt các thinh (thành 4 đôi thinh), và khi phân-biệt bằng trắc trong thơ phú, cổ-nhân đã theo luật nào ?

Vâng, cái khó là thế. Và như ông nói ở cuối số 80, tôi cũng theo ông Trần-trọng-Kim, và không phân-biệt dọng *phù* và dọng *trầm*, và cũng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

không phân-biệt được *sắc, nặng* với *sắc nhập* và *nặng nhập*. Nhưng cái lý-do của tôi về hai khoản đó, như tôi đã viết, có thể tóm thế này : 1) thay vì chia các thinh làm phù và trầm, thì tôi chia theo âm-nhạc thành thinh đơn và thinh kép, mỗi thinh trong mỗi loại lại có một vị-trí trong âm-giai ; — 2) tôi cho là có vần nhập (trắc) vì nó chỉ có thể có thinh đơn, nhưng không có thinh nhập.

Nhưng không phải vì thế mà tôi đồng ý với ông Kim. Cách gọi các dọng của ông Kim về *trắc* thì có thể nhận được : vì nếu lấy thinh ngang là trung-tâm, thì dấu sắc là ở trên (thượng), dấu nặng là ở dưới (hạ), dấu hỏi đi từ dưới về trung-tâm (hồi), dấu ngã bỏ trung-tâm mà đi (khứ) lên, Nhưng tôi không thấy có lý-do gì để gọi dấu ngang và dấu huyền là bình thanh, rồi cho một cái là vắn (đoản) một cái là dài (tràng). Nghĩa là ông Kim cũng chưa phân-biệt rõ vị-trí của thinh trong âm-giai, và chưa có lẽ gì để biện bác cho cách phân-loại và cách xướng-danh các thinh.

Cái thư này là của một kẻ không chuyên-môn về phát-âm-học, về âm-nhạc, hay về khoa ngôn-ngữ. Và vì thế không động gì đến công-trình kiến-thiết của ông cả. Giá trị khoa-học của sự sưu-tầm của ông vẫn còn đó. Cái khó khăn là khó-khăn của tôi khi đọc bài của ông. Có khi chỉ là vì tôi đặt vấn-đề sai và cái khó khăn ấy không có thực. Nhưng tôi nghĩ dù sao cũng nên viết thư cho ông. Vì cái buồn của nhà bác-học là nói mà không có ai nghe, hỏi mà không có ai thưa. Và cái nguy của nhà bác-học cũng là ở chỗ đó.

Xin kính chào ông, (...)

TRẦN-VĂN-TOÀN

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

II

BÀI CỦA ÔNG LÊ-NGỌC-TRỤ

TÔI cảm-động mà được thấy mấy bạn thanh-niên tân-học, nơi phương trời xa-xăm, đã để tâm khảo-cứu ngôn-ngữ nước nhà. Với kiến-văn quảng-bác, áp-dụng lề-lối nghiên-cứu khoa-học, nhờ thêm được máy-móc tinh-vi của mấy viện khảo-cứu Tây-phương, các bạn ắt sẽ rọi sáng được thêm cho ngành ngữ-học mới thành-lập của Việt-Nam, và nhờ đó, nâng cao tinh-thần dân-tộc, xuyên qua ngôn-ngữ văn-tự. Nên chi, khi ông Trương-Văn-Chình có nhã-ý cho tôi xem bức thư của ông Trần-Văn-Toàn, và đồng thời nhờ tôi góp ý-kiến, tôi không quản tài hèn, hăm-hở nhận lãnh. Không phải nhà ngữ-học chuyên-môn, và cũng chẳng rành khoa âm-nhạc, về thực-tế, vì gốc người miền Nam, tôi vẫn phát-âm sai be-bét, vì thế, tôi không thể vin vào kinh-nghiệm riêng mình để chứng-minh lời giải-thích, tôi xin dựa vào những khảo-cứu của các bậc tiền-bối mà góp ý-kiến, may ra sẽ giúp-ích được ông Toàn phần nào.

*
* *

Ông Toàn có sáng-kiến nêu ra một khía-cạnh mới là vịn vào dấu-nhạc để khảo-sát các thinh tiếng Việt. Khác với mấy nhà ngữ-học tiền-bối cũng đã vịn vào sáu giọng đờn Tây-phương để đối-chiếu với các thinh Việt, ông theo âm-nhạc-học mà định tánh-chất các loại thinh «đơn» và thinh «kép», rồi dựa vào vị-trí âm-giai và những điều-kiện tất-yếu của mỗi thành-phần thinh kép để sắp lại các giọng của tiếng mẹ-đẻ. Tiếng Việt, theo ông, có **sáu thinh**, trong lúc phần đông cho đến **tám thinh**, bởi tiếng Việt có *vần nhập*, chớ không có *thinh nhập*. Sáu thinh sắp theo đơn, kép chớ không sắp theo bổng, trầm. Thinh mà phần đông gọi **nặng nhập**, không cùng một dấu-nhạc như dấu **nặng**, nhưng lại ở một dấu-nhạc như dấu **huyền**, vì thế, thí-dụ chữ **một**, thay vì viết với dấu **nặng** như xưa nay, ông thấy nên viết với dấu **huyền** : **mòt**.

Suốt lập-luận mạch-lạc của ông, tôi thấy ông chỉ đứng có một phương-diện âm-nhạc để khảo-sát và lập hệ-thống cho các thinh Việt.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nếu chỉ theo rỏng một phương-diện âm-nhạc, thì ai cũng biết, tiếng nước nào cũng phổ ra nhạc được hết, dẫu rằng không có âm-điệu bổng, trầm như tiếng Việt. Những thinh Việt ngoài tánh-chất nhạc còn có giá-trị tác-dụng, tác-dụng từ-ngữ, tác-dụng theo niêm-luật, và tác-dụng theo thuận-thinh-âm.

Về ngữ-học, mỗi âm-thể đều được xét theo phương-diện miêu-tả, phương-diện tác-dụng và phương-diện tiến-hoá.

Trong hai tiếng **át** và **tá**, hai giọng sắc đó, theo ông Toàn, chỉ cùng ở một dấu-nhạc, dấu sắc-nhập cũng đọc cao như dấu sắc ; nhưng, về phương-diện thầm-âm, ta nghe tiếng **át** với **á** của tiếng **tá** khác nhau : một thinh cao mà bị chận thối vô (nhập) và một thinh cao mà tủa đi lên (khứ).

Trong tiếng **atta** hai phụ-âm **t** (của **at** và của **ta**), theo phương-diện phát-âm-học thì cũng đều đồng cách phát-âm (tắc-âm : occlusive) và đồng **chỗ phát-âm** (âm **nướu** hoặc **răng** : alvéolaire ou dentale), và cũng đồng **loại phụ-âm thanh** (consonne *sourde* đối với phụ-âm **trọc**, consonne *sonore*). Nhưng các nhà ngữ-học Tây-phương còn vịn theo luồng-âm bị chận thối vô hoặc bị chận tạm rồi thoát ra mà gọi **t** của **at** là **implosive** (tôi tạm dịch là **nhập tắc-âm**, occlusive implosive) và **t** của **ta** là **explosive** (tôi tạm dịch là **thoát tắc-âm**, occlusive explosive). Những nhập-tắc-âm của người Tây-phương tức là những vận **nhập** của tiếng ta.

Trong vận nhập vì luồng-âm bị chận thối trở vô nên thinh sắc của nó có muốn lên cao như thinh **sắc khứ** cũng không thể được, có lẽ vì vậy mà người ta phải đặt thêm giọng **sắc nhập** (nhập thinh), và như thế, tiếng Việt có được tám thinh (1) thay vì sáu.

Đứng về phương-diện nhạc, cố Alexandre de Rhodes cũng đã viết : « Tiếng Annam có sáu giọng ăn với giọng đờn của ta lắm. » (... celle de l'Annam en a six, fort correspondants aux tons de notre musique...). Và sau khi giải-thích tánh-chất phát-âm của sáu thinh, ba thinh phát-âm dễ-dàng : **huyền, ngang, sắc** ; ba thinh phát-âm hơi khó-khăn phải rán từ trong ngực : **nặng, ngã, hỏi**, nên Cố đã lựa những tiếng thí-dụ thế nào cho sắp thành âm-giai : **do, ré, mi, fa, sol, la**. Các tiếng ấy là : **dò** (cái bẫy), **rệ**

(1) Về loại thinh «*nhập*», tiếng Quảng-Đông lại có tới ba giọng : *thượng nhập* (tương đối với *sắc nhập* của ta : *át*), *trung nhập* (với *ngang* của ta : *at*) và *hạ nhập* (với *nặng nhập* của ta : *ạt*) nên tiếng Quảng-Đông có tới *chín giọng*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

(rễ cây), **mĩ**, **pha** (pha trộn), **sổ** (1) (cuốn sổ), **lá** (lá cây). (Et ainsi ces six accents peuvent répondre aux six tons de notre musique : **dò, rẹ, mĩ, pha, sỏ, lá.**)

Ông Phan-Văn-Hùm khi dẫn tài-liệu của cố Alexandre de Rhodes để viết bài **Dấu hỏi, dấu ngã** *(Phụ-nữ tân-văn, số 251, ngày 26-7-1934)* còn cẩn-thận nhờ ông Lê-Quang-Tỉnh, sinh-viên trường âm-nhạc ở Paris, vẽ cho cái biểu như sau ;

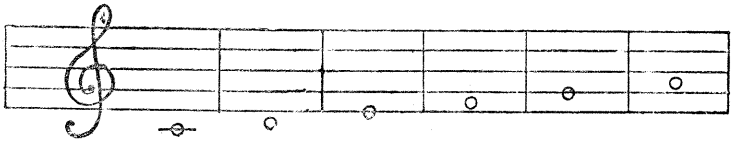

do	ré	mi	fa	sol	la
dò	rẹ	mĩ	pha	sổ	lá

Rồi ông Hùm giải nghĩa thêm : « Ở trong cái âm-giai vẽ trên đây, người ta thấy giọng **ngã** thấp hơn giọng **hỏi** hai bực (giai), còn giọng **ngã** với giọng **nặng** thấy gần kề nhau».

Trong ba giọng khó nói kể trên, hai giọng **hỏi** và **ngã** lại đồng tánh-cách «uỷ-khúc». Trong bài **Để cho người Việt phương Nam phân-biệt hỏi ngã**, đăng trong tuần-báo *Thanh-niên* số 38, ngày 26-8-1944, ông Phan-Văn-Hùm có trích dịch lời giải-thích của cố Alexandre de Rhodes : «Giọng thứ ba là giọng gãy chìm mà họ phát ra có hơi đè xuống rồi đỡ lên, và rán đưa hơi từ trong ngực ra, chúng tôi ghi giọng ấy với dấu *gãy* của người Hy-Lạp». (Le troisième est le circonflexe grave, qu'ils expriment avec quelque inflexion de voix, et un peu d'effort de poitrine, et nous le marquons avec l'accent circonflexe des Grecs). « Giọng thứ năm cũng là giọng gãy, nhưng dịu hơn, mà họ phát ra cũng như ta lên giọng hỏi. Chúng tôi cũng ghi giọng ấy với dấu chấm-hỏi của người Latin.» (Le cinquième est encore circonflexe, mais plus doux, qu'ils expriment comme nous faisons l'interrogation ; et nous le marquons aussi avec le point d'interrogation des Latins).

(1) Bản dịch đăng trong *Revue indochinoise* năm 1908 *(Histoire du Royaume du Tun quin)* thì viết *rẹ, sỏ,* như tôi đã dẫn câu tiếng Pháp.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hai giọng **hỏi** với **ngã** khác nhau như thế. Ông Nguyễn-Trọng-Thuyết, giáo-sư ở trường trung-học Nam-Vang, trong một bài báo, có dạy đọc như vầy : «Giọng **ngã** là **nặng** với **sắc** ghép lại ; giọng **hỏi** là **huyền** với **sắc** ghép lại.»

Ông Hồ-Hữu-Tường lại chỉ cách đọc khác hơn một chút trong quyển **Phép nói và viết hỏi ngã** (1) ; ông cho tiếng Việt có bốn thanh **thuần** và hai thanh **biến**.

«Thanh *thuần* là những thanh có tính-cách đơn thuần, và giữ **mãi tính-cách** từ đầu đến cuối :

1) Những tiếng luôn luôn giọng ngang nhau (không dấu) ;

2) Những tiếng luôn luôn giọng cất cao lên mà ta có thể viết không dấu *(cach ơi)* hoặc phải viết với dấu *sắc* ;

3) Những tiếng luôn luôn giọng kéo dài xuống (dấu huyền) ;

4) Những tiếng giọng rớt xuống rồi dừng liền, (dấu nặng) ;

« Ở khắp cõi Việt-Nam ai cũng nói được bốn thanh nầy.

«Những thanh *biến* không giữ mãi một tính-cách. Khi phát tiếng ra thì **ban đầu** theo tính-cách nầy, rồi liền sang tính-cách khác.

1) Hoặc mới phát ra, giọng đưa lên, rồi biến thành đưa xuống ; ấy là những tiếng phải đánh dấu *hỏi* ;

2) Hoặc mới phát ra, giọng cho xuống rồi biến thành cho lên ; ấy là những tiếng phải đánh dấu *ngã*.

«Những người từ Thanh-Hoá trở ra đều phân-biệt được như vậy. Bởi vì, khi nói họ để luồng hơi ra lâu, có thời-giờ mà biến thanh rõ-ràng được. Những người từ Nghệ-Tịnh trở vào, đều nói không được. Bởi vì, khi nói, họ cho luồng hơi qua mau quá, không có thời-giờ mà biến thanh cho kịp.

«Tuy người đàng ngoài nói đúng hỏi, ngã song không phải địa-phương nào cũng nói y như nhau. Ví-dụ về giọng *hỏi*. Có nơi thì nói phần đưa giọng lên nhiều, phần đưa giọng xuống ít. Có nơi thì trái lại, đưa giọng lên ít, đưa giọng xuống nhiều. Vì vậy, mỗi vùng có giọng đặc-biệt của mình. Nhưng dầu thế nào, cũng theo đúng tuần-tự *lên xuống*.

«Về giọng *ngã*, thì theo đúng tuần-tự *xuống-lên*.

«Dựa vào thời-gian làm thứ nguyên để độ cách biến-chuyển của hai thanh ấy thế nào, chúng ta thấy hai thanh ấy biến theo hai chiều nghịch nhau luôn.»

Nhiều nhà ngữ-học còn giải-thích khác nữa. Nhưng dầu sao, về phương-diện bổng trầm, Cha Léopold Cadière, trong quyển **Phonétique annamite. Dialecte du Haut-Annam** (Publication de l'Eeole Française d' Extrême-Orient, volume III), nơi lời chú trang 89, viết như vầy : «qu'il

(1) Tân-sinh, 1950, in bên Pháp, tái bản năm 1957.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

suffise de dire que l'accent **plain**, le **sắc** et le **hỏi** se font sur une même note élevée, tandis que le **huyền**, le **nặng** et le **ngã** se font sur une même note, mais beaucoup plus basse ; les uns et les autres renferment des des inflexions de voix caractéristiques». (Chỉ cần nên nói rằng giọng **ngang, sắc, hỏi** được phát ra đồng một cung bổng, còn **huyền, nặng, ngã** được phát ra đồng một cung, mà trầm hơn nhiều ; những giọng của mỗi cung đều gồm có giọng uốn-chuyển cao-thấp đặc-biệt).

Mấy trích-dẫn trên chứng-giải rằng giọng **hỏi** là giọng bổng, giọng **ngã** là giọng trầm.

Còn một cách nữa mà ai cũng có thể thí-nghiệm được. Bởi các thinh nghe phát tại cổ-họng nên tánh-cách của các thinh đi đôi với sự cử-động của nhuyễn-cốt thyroïde, thường gọi là «trái cổ». Để ngón tay nơi cổ, ngang đầu cuống-họng ; khi nói các giọng **ngang, hỏi, sắc** thì ta thấy trái cổ trồi lên ; nói các giọng **huyền, ngã, nặng** thì trái cổ nằm chỗ thường. Nếu nói xen kẽ một giọng bổng một giọng trầm, thí-dụ như nói câu : **«Ta đừng tránh sự khổ-não tiếp được trên đời»** thì sẽ thấy trái cổ trồi lên thụt xuống xen kẽ nhau.

Như thế, càng chứng giải ba thinh **ngang, hỏi, sắc** đồng tánh-cách phát-âm và đồng ở một cung bổng với nhau ; ba thinh **huyền, ngã, nặng** cũng đồng tánh-cách phát-âm và đồng ở một cung trầm hơn, như Cha L. Cadière đã viết.

✱

Ông Toàn vịn vào tánh-chất của các thinh **đơn** và **kép** mà cho rằng không có **thinh nhập**. Bởi với các **vận nhập** (*p, t, ch, c,* cuối) những âm chính bị cắt cụt không thể uốn-éo theo những thinh kép (*hỏi, ngã, nặng*) vì thinh kép đòi nhiều thời-gian hơn để lèo lên lèo xuống. Có lẽ vì thế mà các vần ấy (vần nhập) chỉ có thể có những thinh đơn (*ngang, huyền, sắc*). Và không có thinh kép : dấu *nặng nhập* chỉ là dấu *huyền* mà thôi.

Vì khi xưa dùng lẫn-lộn danh-từ **«bằng», «trắc»** : tiếng bằng, tiếng trắc ; thinh bằng, thinh trắc, nên ông Nguyễn-Bạt-Tuỵ trong bài **Bàn về «tiếng bằng» và «tiếng trắc»** (1) đã viết rằng : «Một tiếng bằng, theo lẽ phải, chỉ là một tiếng có thanh bằng, và một tiếng trắc chỉ là một tiếng

(1) Tập kỷ-yếu Hội Khuyến-học Nam-Việt, năm 1952, trang 37-39.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

có thanh trắc.» Và «những phụ-âm cuối **c, ch, p, t** (của tiếng trắc) là những *âm-miệng* và những phụ-âm cuối **ng, nh, m, n** (của tiếng bằng) là những *âm-mũi*.»

Và «luật bằng trắc» cổ-nhân đặt ra cho đúng niêm-luật trong thi-ca chỉ dùng để gọi những tiếng có **thinh bằng** (ngang, huyền) phát ra nghe êm tai hơn những tiếng có **thinh trắc** (hỏi, ngã, sắc, nặng) là những giọng trúc-trắc nghe không êm tai.

Tại sao vần nhập không có thinh **hỏi, ngã ?** Ông Nguyễn-Bạt-Tuy, cũng trong bài dẫn trên đã giải-thích :

> «Vậy tại sao một tiếng mũi-cuối có đủ sáu thanh mà một tiếng miệng-cuối chỉ có hai thanh, hay nói cho đúng, ba thanh, vì *Việt-Nam văn-phạm* (của Trần-Trọng-Kim) bỏ sót thanh *ngang* mà ta không gặp trong ngữ Việt ? Tới nay người ta chỉ biết phân-biệt bằng, trắc, cùng lắm là cao, thấp, nhưng chưa ai nghĩ rằng thanh cũng có thanh mũi, thanh miệng. Vài cuộc thí-nghiệm cho ta thấy rằng trong sáu thanh *ngang, huyền, hỏi, sắc, ngã, nặng* có ba thanh *huyền, hỏi, ngã* có hơi-nói đưa lên mũi nhiều nhất.
>
> «Khi phát một vận có âm-miệng cuối như *ac*, màng-cúa nâng lên mà bịt kín lối thông giữa miệng và mũi. Như vậy ba thanh mũi *huyền, hỏi, ngã* cần có khí-trời qua mũi ít hay nhiều, tự nhiên gặp phải màng-cúa cản lại mà khó phát ra, hay phát ra bằng giọng lơ-lớ. Ta chỉ có : *ac, ác, ạc.* (1)
>
> Trái lại, khi phát một vận có âm-mũi cuối như *ang*, màng-cúa hạ xuống cho miệng thông với mũi, khiến dù thanh-miệng hay thanh-mũi, không thanh nào bị cản-trở cả. Ta có đủ : *ang, ảng, áng, àng, ãng, ạng.*»

Như thế, ta thấy điều-kiện tất yếu cho các **thinh nhập** là đường thoát ra, chớ không phải thời-gian cần dùng như ông Toàn đã hiểu và ghép theo lập-luận của ông.

Ông Toàn viết : «Phân biệt **nặng** với **nặng nhập** là phải, nhưng sao lại không đánh dấu **huyền** thay vào dấu **nặng nhập** : **mồt**», vì «dấu **nặng nhập** của chữ **một** không cùng một dấu-nhạc như dấu nặng của chữ **ruộng** nhưng lại ở một dấu-nhạc như dấu **huyền**.» Ông phân-tách thinh kép **nặng** là «**ngang** xuống trầm một chút.» Chúng tôi lại thấy thinh kép **nặng** là thinh huyền mà sụt xuống rồi dừng liền, nếu dùng « thinh đơn » để tượng-trưng thì là «thinh ngang mà dứt gọn», nghĩa là **nặng** là **huyền** với **ngang** dứt gọn : **nằng-ăng** (2) ; và **một** là : **mồ-ôt** nói thật mau. Nhưng

---

(1) Đúng ra tiếng Quảng-Đông mới có đủ ba giọng nầy, như đã chú ở đoạn trước.

(2) Xem *Chánh-tả Việt-ngữ*, quyển II, *Phần Thinh*, trang 54, của tôi mà ông bạn Trương-Văn-Chình không có dẫn ra.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thinh **nặng nhập** còn khác với thinh **nặng khứ** vì, như đã giải-thích ở đoạn trước, luồng-âm bị chận thối vô trong, sau khi dứt gọn sụt xuống.

Như vậy thì không làm sao thay dấu **huyền** cho dấu **nặng nhập** được.

Về điểm ông Toàn hỏi « cổ-nhân đã theo luật nào để đặt luật bằng-trắc» thì đúng như ông Toàn đã nhận thấy «có lẽ cổ-nhân không theo âm-nhạc khi đặt luật bằng trắc trong thi-phú và trong khi phân-biệt các thinh.» Có lẽ cổ-nhân đã đứng về phương-diện tác-dụng, — phương-diện thầm-âm, — là theo luật thuận-thinh-âm (loi d'euphonie), kể khi các thinh có tác-dụng chung kế nhau.

✱

Ông Toàn chỉ đứng ròng một phương-diện nhạc mà khảo-xét và sắp loại các thinh Việt.

Ngoài tánh-cách «đơn, kép», «thuần, biến», «bổng, trầm», «cao, thấp», «bằng, trắc», «thinh mũi, thinh miệng», người ta còn xét chỗ đối-nghịch (opposition) của mỗi cặp thinh đồng tánh-chất, vị n nơi điểm thích-đáng (traits pertinents) :

— loại **bằng** (égal ou plain), cao : *ngang* ; thấp : *huyền*.

— loại **lên** (montant ou ton mélodique), uốn khúc mà lên, cao : *sắc* ; thấp : *hỏi* ;

— loại **gãy** (rompant ou ton glottal), **uốn khúc mà đè** như gãy xuống, cao : *ngã* ; thấp : *nặng* (1) ;

— loại **uỷ-khúc** hay loại **biến** (circonflexe ou infléchis) cao hoặc bổng : *hỏi* ; thấp hoặc trầm : *ngã*.

(Danh-từ **cao, thấp** có nghĩa tương-đối, danh-từ **bổng, trầm** có nghĩa tuyệt đối).

Tự-điển Trung-Hoa thì sắp làm bốn loại thinh, theo bực **thanh**, cao rõ và bực **trọc**, đục và chìm, đối chiếu với giọng Hán-Việt như vầy :

1) bình { thanh : *ngang*; trọc : *huyền*
2) thượng { thanh : *hỏi*; trọc : *ngã*
3) khứ { thanh : *sắc*; trọc : *nặng*
4) nhập { thanh : *sắc nhập*; trọc : *nặng nhập*

(1) Lê-Văn-Lý.— *Le parler vietnamien* và Henri Maspéro. — *Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite.- Les initiales.* BEFEO, tome XII, 1912.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Với thinh mà họ cũng dùng **thanh, trọc** để gọi, vì trong tiếng Tàu (tiếng Hán-Việt) thinh với âm khởi-đầu lại có liên quan mật-thiết với nhau, mà ông Henri Maspéro thấy có một hệ-thống là những **thanh âm** thuộc **thanh thinh**, những **trọc âm** thuộc **trọc thinh**, (2) và tôi gọi là luật thanh-trọc. Luật nầy được chứng-minh trong phương-pháp phiên-thiết của tự-điển Trung-Hoa : «Những tiếng Hán-Việt khởi đầu bằng một nguyên-âm, hoặc phụ-âm thanh (aspirées sourdes) đều là những tiếng thuộc giọng bổng : *không dấu*, dấu *hỏi*, hoặc dấu *sắc* ; những tiếng Hán-Việt khởi đầu bằng phụ-âm trọc, hoặc tỵ-âm đều là những tiếng thuộc giọng trầm : dấu *huyền*, dấu *ngã*, dấu *nặng*. Đây là nguyên-tắc đại-cương ; với thời-gian tiếng Hán-Việt biến đổi, phải nhờ **luật phiên-thiết** của tự-điển Trung-Hoa mới định bực thanh trọc được. Tôi có dẫn-giải khá rành-rõ trong quyển **Chánh-tả Việt-ngữ**, quyển II. **Phần thinh**. Tôi sở-dĩ nhắc lại đây cốt-ý tỏ rằng phải đứng nhiều phương-diện để xét ngôn-ngữ, bởi luật bổng trầm chỉ áp-dụng cho tiếng nôm, cũng như luật thanh-trọc chỉ áp-dụng cho tiếng Hán-Việt.

Nhưng dầu với luật bổng trầm hay luật thanh trọc, dầu với âm khởi-đầu hay với vận cuối, trong tiếng Việt, chúng ta nhận được một hệ-thống căn-bản mà tôi gọi là tinh-thần Việt-ngữ, tóm lược trong nguyên-tắc trụ-cốt là «luật tương-đồng đối-xứng của các âm-thể : các âm-thể (âm khởi-đầu, vận và thinh) đồng tánh-cách phát-âm và đồng chỗ phát-âm đi chung nhau hoặc đổi lẫn với nhau.

Lẽ cố-nhiên, có luật ắt có ngoại-lệ.

Ông G. Haudricourt cũng vịn theo hệ-thống thanh trọc do ông Henri Maspéro nêu ra để viết bài « Về nguồn-gốc các thinh Việt » (*De l'origine des tons en vietnamien.*— Journal Asiatique. 1954, fasc. 1)

Tóm lại, xét vấn-đề ngôn-ngữ mà chỉ nhìn có một khía-cạnh, sợ không được thấu-triệt chăng. Mong rằng mấy tài-liệu dẫn-chứng nầy sẽ giúp ích thêm cho ông Toàn trong việc khảo-cứu vậy.

LÊ-NGỌC-TRỤ

(2) «On sait que le système des tons hauts pour les mots à initiales sourdes ou sourdes aspirées et bas pour les mots à initiales sonores ou nasales est absolument général dans les langues d'Extrême-Orient». H. Maspéro.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chữ Nghĩa

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

CHÚNG ta có thể định-nghĩa người là con vật biết nói. Nói ra lời là ngôn-ngữ. Viết lời nói thành chữ gọi là văn-tự. Con người nói trước, về sau mới dùng dấu hiệu để ghi lời nói. Sự suy-nghĩ khảo-cứu về ngôn-ngữ một cách hệ-thống mạch-lạc gọi là khoa ngôn-ngữ-học (linguistique). Trong ngôn-ngữ-học, còn chia thành nhiều khoa chuyên-biệt. Khoa phát-âm-học (phonétique) khảo về cách phát ra tiếng, khoa ngữ-thể (morphologie) nghiên-cứu về hình thái các tiếng và lịch-sử những biến thiên của tiếng ; khoa ngữ - nguyên (étymologie) học về nguồn - gốc các tiếng và khoa từ-nghĩa (sémantique) khảo-sát về lịch-sử ý-nghĩa một tiếng qua các biến thiên của nó. Nếu ngôn - ngữ là đối tượng nghiên - cứu của khoa ngôn-ngữ-học, chúng ta có thể hỏi khoa ngôn-ngữ có giải-quyết được mọi vấn-đề ngôn-ngữ đặt ra không ; nói rõ hơn, ngôn-ngữ học có nhìn bao quát được thực tại ngôn - ngữ, nắm được toàn thể sự kiện ngôn - ngữ không ? Đặt câu hỏi, tức là đặt giới-hạn nghiên-cứu của khoa ngôn-ngữ như một khoa-học, bằng cách xác-định thái-độ nghiên-cứu của nhà khoa-học trong phạm-vi ngôn - ngữ học. Nhà khoa-học đứng trước sự-kiện ngôn-ngữ như một sự-kiện ở ngoài mình, nghĩa là có thái-độ khách quan của một quan-sát-viên. Ví-dụ : nhà ngôn-ngữ học nghiên - cứu tiếng Việt ngày nay bằng cách cắt-nghĩa nó đã thoát thai, hình thành và biến đổi thế nào từ những thời-đại trước. Nhà ngôn-ngữ học làm công việc sưu-tầm tài liệu và khảo-sát nó như một sự-kiện đã có sẵn đấy rồi. Trái lại nhà triết-học muốn tìm hiểu ngay chính con người biết nói như là một **chủ-thể nói** ; và thái-độ của người nói không giống thái-độ của nhà ngôn-ngữ học suy-luận về cách cấu-tạo, biến đổi của ngôn-ngữ. Biết bao nhiêu người Việt-Nam nói tiếng Việt mà không hiểu gì hết thế nào là cách phát - âm, nguồn gốc những tiếng mình dùng, tóm tắt không biết đến cái dĩ-vãng tiếng nói của mình. Cho nên người nói không quay về dĩ-vãng, nhưng hướng về tương lai. Đối với người nói, ngôn-ngữ chỉ là một phương-tiện biểu-lộ hay thông-cảm với người khác trong những dự định hướng về tương-lai. Trái lại với nhà khảo-sát tiếng Việt, tiếng Việt

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

là một đối - tượng có thể phân - tích, mổ xẻ để xem nó thành hình thế nào, đã nhận những ảnh-hưởng hay bị pha-trộn gì và như thế-nào.

Sự phân-tích tỷ-mỷ có mạch-lạc đó đưa đến những nhận xét như không thể xác-định một cách rõ-ràng, rứt khoát lúc nào chữ hán chấm rứt và lúc nào thời-kỳ nói tiếng Việt bắt đầu trong lịch-sử. Nói cách khác không có một ranh giới rõ-rệt giữa chữ Nho và chữ Việt, cũng như giữa chữ La-tinh và chữ Pháp. Sự cấu-tạo và hình thành một tiếng nói gồm nhiều pha trộn một cách phức tạp đến nỗi nếu đem phân tách tiếng nói đó một cách khoa-học sẽ làm cho ta phải thú nhận như Vendryès trong cuốn «ngôn-ngữ» : «Ngôn-ngữ không bao giờ là một thực tại cả, hay chỉ là một lý-tưởng không bao giờ thực-hiện hoàn-toàn được». Ví - dụ một cách cụ thể : không có tiếng Việt, nhưng là một tổng - hợp những pha trộn, biến thiên giữa nhiều tiếng nói khác như Tàu, Mã-lai, Ấn-độ, Chàm v.v... và nếu lại phải nghiên-cứu về tiếng Tàu, ta cũng có thể nói một cách tương-tự như vậy : không có tiếng Tàu, nhưng là một tiếng đã thành hình từ nhiều thổ-ngữ hợp lại bằng xáo-trộn. **Sự phân-tách khoa-học phân-tán tính-cách thống-nhất của ngôn-ngữ và tiêu-diệt ngôn-ngữ như là một thực-tại.**

Trái lại, với người nói tiếng Việt hay tiếng Tàu, nghĩa là đang xử-dụng một tiếng nói, tiếng Việt, tiếng Tàu là một thực-tại không chối cãi được. Vậy có hai thái-độ khác nhau. Thái - độ khách - quan của các nhà khoa-học coi ngôn-ngữ như một sự-kiện có thể phân-tách giải - thích về cách cấu-tạo, biến đổi và thái-độ của nhà triết - học đứng ngay ở trong ngôn-ngữ để tìm, khai triển ý-nghĩa của lời nói được coi như một cách thế ở đời với người khác, như một lối tiếp nhận xử - thế của con người biết nói. Trong thái-độ đó, ngôn-ngữ không còn xuất-hiện như một hệ-thống những dấu hiệu quy-ước có mục - đích **dịch** những tư-tưởng bên trong, nói rõ hơn, như một dụng - cụ diễn-tả của tư - tưởng theo nghĩa dụng-cụ thì **khác** điều dụng-cụ phải diễn-tả và khác người dùng dụng-cụ diễn-tả, vì không thể tách rời tư-tưởng ra khỏi ngôn-ngữ thành hai thực-tại khác nhau như một quan-niệm thông-thường vẫn chủ trương. Nếu mỗi ngôn-ngữ chỉ là một hệ-thống những dấu hiệu quy-ước để dịch một ý-tưởng phổ-biến, người ta có thể dễ-dàng đi từ ngôn-ngữ này sang ngôn-ngữ khác bằng một thứ chìa khóa là tiếng (le mot), ví-dụ : tiếng Cha, father, père, vader (Hòa - lan) vater (Đức) đều cùng có một nghĩa như nhau. Nhưng thực ra không phải hẳn thế vì ngay ở phạm-vi tiếng, người ta đã nhận thấy nhiều ý-nghĩa khác nhau tùy theo ngôn - ngữ của từng nước. Ví-dụ, trong tiếng Pháp, tiếng l'homme vừa chỉ loài người

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

espèce humaine) khác với loài vật, vừa chỉ giống đàn ông (sexe masculin). Trong tiếng Việt, có hai tiếng khác nhau để chỉ thị loài người và đàn ông. Do đó không thể dịch hoàn-toàn tiếng L'homme ra tiếng Việt.

Một ví-dụ khác, muốn gọi những người cùng do một cha mẹ, sinh ra, tiếng Việt có tiếng anh chị em ruột, như nói : chúng tôi là tám anh em chị em ruột. Tiếng Pháp có tiếng frères và soeurs, chữ frère hay soeur bao quát hơn vì không phân biệt anh em chị em (sinh trước sinh sau) ví-dụ nói : c'est mon frère, có thể hiểu là em tôi hay anh tôi. Tiếng Đức có tiếng bruder và schwester, cũng như frère và soeur của Pháp ; nhưng còn có một tiếng nữa : geschwister bao quát để gọi chung những người cùng cha mẹ sinh ra mà tiếng Việt phải chỉ thị rỏ-ràng là anh em chị em ruột :

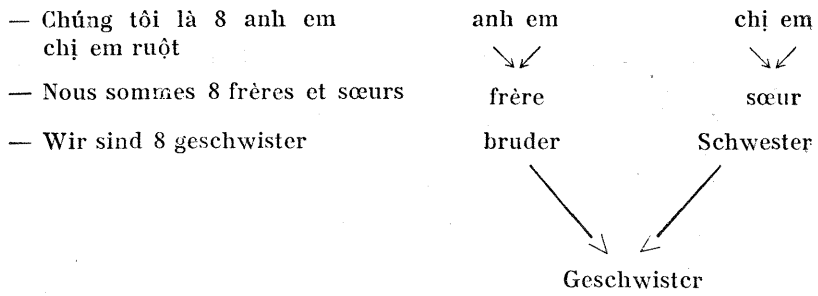

Những ví-dụ đó chứng tỏ rằng mỗi tiếng đều có một lịch-sử, nghĩa là ý-nghĩa mỗi tiếng đã được cấu tạo hình-thành trong một khung-cảnh văn-hóa nhất định.

Vậy ta chỉ hiểu và lãnh hội được ý-nghĩa thực-sự của một tiếng nếu ta ở trong khung-cảnh văn-hóa đó, nếu ta làm quen với văn - hóa đó, vì nói không phải là chỉ dùng một số những ký - hiệu để diễn - đạt một ý - tưởng bên trong, nhưng là **tham dự vào một văn - hóa và mặc khải (dévoiler) một thái-độ bao hàm một ý-nghĩa đã được tạo nên khung-cảnh văn-hóa đó**. Trong tiếng Việt, không thể dịch hẳn hai tiếng «chúng tôi», «chúng ta» ra tiếng nous của Pháp được vì chữ nous bao quát hơn, do đó cũng kém rõ-ràng. Khi ta nói : «chúng tôi» như trong câu : «chúng tôi chủ trương rằng», tiếng «chúng tôi» bầy tỏ một thái-độ đối đáp của một số người xưng là chúng tôi với một số người khác hiện có trước mặt (các anh, các ông, vous) hay nói đến một số người khác, hiện vắng mặt (họ, chúng, ils). Còn khi nói «chúng ta», tức là nói với những người cùng trong bọn. Khi xưng là «chúng tôi», ta quay mặt ra những người khác, khi nói chúng ta, ta nhìn vào nhau :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

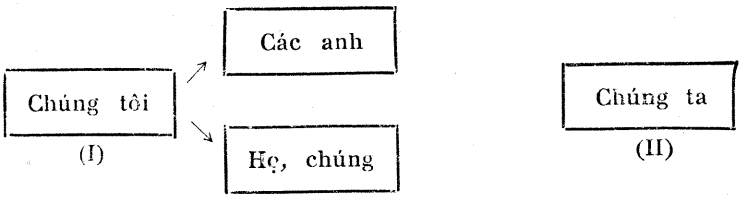

Chữ «người ta» dịch ra tiếng Pháp «l'on» hay «das man» tiếng Đức cũng không đúng hẳn trong mọi trường hợp. Trong câu « người ta đồn rằng», người ta ở đây không chỉ thị ai, nói trống. Trong câu : « ra đường, gặp người ta...», «người ta» ở đây có ý chỉ người ngoài không phải người trong nhà. Còn trong câu, «người ta đã bảo mà...» chữ «người ta» này lại có ý-nghĩa như «tôi».

Chữ «mình» cũng có nhiều ý-nghĩa tùy theo vị-trí trong câu « mình tự bảo mình», chữ mình trong câu này vừa chỉ thị tôi là chủ-từ, vừa chỉ thị tôi là bổ-từ. Ví-dụ tương-tự trong hai câu thơ sau đây :

Giật mình mình *lại thương* mình *sót xa,* *(CUNG OÁN)*

Nghĩ mình mình *lại mến thương nỗi* mình *(KIỀU)*

Hơn nữa, chữ «mình» còn có thể chỉ thị một người khác mà mình coi như chính mình trong tương quan hôn nhân. Hôn nhân kết-hợp hai người là một :

Mình với ta tuy hai mà một,

Ta với mình tuy một mà hai

(TẢN ĐÀ)

Người ta bảo **mình** đừng làm thế ! «người ta» là «tôi», «mình» chỉ thị vợ hay chồng của mình.

Khi ta khinh bỉ ai, ta gọi người đó là y, hắn, cũng như ta thường gọi đầy tớ là **cái** con ấy, **cái** thằng ấy, vì ta coi họ như những dụng-cụ, **cái** dao, cái xe có mục đích phục-vụ ta (1).

Ta cũng có lối xưng hô theo tuổi : tổ, cụ, ông, bác, chú anh, em cháu... để tỏ lòng kính trọng những người già cả. Cho nên khi chửi ai,

(1) Xin xem bài «*Tôi, anh*» trong Thông-cảm số 9 hay Rạng-đông số 2. Tôi đã trình bầy một quan-niệm về nhân-vị trong lối xưng-hô của tiếng Việt.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lời chửi càng nặng, nếu càng động đến tên những cấp cao, ông, cụ, tổ sư... của người mình muốn chửi.

Chữ «trước» chữ «sau» cũng có một ý - nghĩa đặc - biệt. Người ta thường nói «các cụ đi trước chúng tôi và chúng tôi đi sau các cụ». Kiểu nói đó chỉ thị dĩ-vãng là cái có trước và tương - lai là cái đến sau, đồng thời bầy tỏ một quan-niệm về thời - gian coi dĩ-vãng là khuôn - mẫu, lý - tưởng của tương-lai : « có trước mới có sau, noi - gương lớp người đi trước»... Do đó, thái-độ bao-hàm trong kiểu nói «trước sau» là một thái-độ **dật lùi**, vì trước mặt, không phải là tương-lai, nhưng là dĩ-vãng. Thái-độ nhìn tương-lai trước mặt bao-hàm một thái-độ tiến tới, đồng thời coi dĩ-vãng là cái ở đàng sau, cần bỏ đi, vượt qua để tiến lên về đằng trước.

Chữ *vâng, dạ, không*, cũng không có một ý-nghĩa dứt khoát là chấp nhận, từ chối như chữ Oui, non, yes, no, ja, nein v.v... Nhiều khi *Dạ, vâng* chỉ có ý-nghĩa lịch-sự rất tế-nhị là tôi để ý lắng tai nghe lời người khác nói. Nghe nghĩa là nhận lấy lời nói và hiểu. Nhưng nhận (prendre acte) đây chưa phải là chấp nhận (accepter). Mới chỉ là nghe một cách lịch-sự, rồi để đấy, còn về nhà nghĩ sẽ trả lời sau. Vậy không thể dịch hết nghĩa một tiếng nước này sang tiếng nước kia. Nếu trong cuộc hội-nghị chính-trị giữa hai đại-biểu Việt và đại-biểu Âu-châu, đại-biểu Việt trả lời đại-biểu Âu-châu bằng tiếng oui, theo nghĩa dạ lịch-sự thôi, mà đại-biểu Âu-châu cứ hiểu oui theo nghĩa chấp - thuận, đồng-ý thì ngày hôm sau, giả sử đại-biểu Việt làm hội báo trong đó ông bác bỏ ý-kiến của đại-biểu Âu-châu đã đề-nghị hôm qua, đại-biểu Âu-châu sẽ đi từ ngạc-nhiên đến cảm-tưởng cho đại-biểu Việt là gian dối lừa đảo. Thực-sự thì là một sự hiểu nhầm vì ý-nghĩa tiếng nói khác nhau.

Chữ «không» đôi khi cũng không phải là có ý từ chối hẳn. Khi một người Âu-châu mời ta : ông muốn dùng bánh ngọt không chẳng hạn. Thái-độ tự-nhiên của người Việt là lưỡng-lự và từ chối : « **không** dám ạ ». **Không** đây có thể không phải là không muốn ăn thực nhưng chỉ có nghĩa là muốn tỏ ra mình không tham lam, háu táu, thô tục. Sự từ chối lời mời đầu tiên có nghĩa rằng mình muốn biết kìm-hãm tính tự - nhiên, những đòi hỏi của sinh-lý và cư sử một cách lịch-sự tế-nhị.

Ta chỉ nhận thật lời mời nếu người Âu-châu đó mời đến lần thứ hai, thứ ba ; nghĩa là sau một lúc lưỡng-lự, bình tĩnh suy xét. Nhưng lúc đó, có lẽ người Âu-châu ấy lại không thể hiểu được tại sao ta đã từ chối lại nhận, và có thể hiểu là ta thiếu thành-thực. Phải công nhận rằng đôi

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

khi sự tế-nhị Á-đông thành phức-tạp, cầu-kỳ, mất tự-nhiên và trở thành thiếu thành-thực có vẻ hình-thức, sáo. Tự-nhiên quá, nghĩa là phản ứng tức khắc có thể thành thô-kệch cũng như cầu-kỳ, phức-tạp quá có thể trở thành giả dối. Điều tốt là tránh được tự-nhiên thô - kệch, tế - nhị mà không giả dối.

Vậy chỉ một vài giây lưỡng-lự, không trả lời ngay cũng bầy tỏ có những quan-niệm khác nhau về lịch-sự, nghĩa là những quan-niệm khác nhau về thái-độ đối xử giữa người với người.

Những ví - dụ trên chứng - minh một tiếng bao giờ cũng chứa đựng một ý-nghĩa đặc-biệt của nó. **Chữ đi với nghĩa,** vì ý-nghĩa tiếng nói gắn liền với thái-độ con người nói. Mà nói là gì nếu không phải là mặc-khải một ý-nghĩa được cấu-tạo trong tiếp nhận xử thế của con người thiết-yếu ở đời với người khác. Do đó, không thể tách ngôn - ngữ ra khỏi tư - tưởng, chữ ra khỏi ý-nghĩa. Những dị-biệt giữa các ngôn-ngữ không phải ở tại những hệ-thống dấu hiệu quy-ước khác nhau, nhưng là tại con người nói hiểu đời hiểu người và có những thái-độ khác nhau trước đời và người khác. Chính vì thế mà đôi khi không thể dịch đầy đủ ý-nghĩa một tiếng của nước này sang tiếng nước khác. Vậy muốn thông-cảm với một ngôn-ngữ, ta phải vào trong văn-hóa là nền tảng hay là khung cảnh đã cấu-tạo nên ngôn-ngữ đó. Nếu không làm quen với một văn-hóa, ta sẽ không hiểu gì hết trước những cử-chỉ, lời nói của những người văn-hóa khác ta.

Cho nên lời nói không phải là **dấu hiệu** của tư-tưởng, nhưng là chính sự hiện-hữu của tư-tưởng. Nói cách khác, ngôn-ngữ là cái làm cho tư-tưởng có thể có. Tư tưởng không «có» hiện-hữu tách - biệt khỏi ngôn - ngữ, nhưng ngôn-ngữ chính là điều-kiện hiện-hữu của tư-tưởng. Nghe một bài diễn-thuyết, ta không tìm cách dịch tư-tưởng từ ngôn-ngữ nhưng tìm cách lãnh hội ngay diễn-giả nói cái gì. Cũng như diễn - giả không chọn, xếp các tiếng tách biệt khỏi tư-tưởng, nhưng nói điều mình nghĩ và nghĩ điều mình nói. Sở dĩ ta vẫn có quan-niệm cho rằng ngôn-ngữ có thể tách rời khỏi tư-tưởng là vì ta nghĩ đến những tư-tưởng đã có đó trước khi ta nói. Nhưng thực ra, những tư-tưởng đó cũng đã được cấu-tạo, diễn-tả gọi lên, mặc một tiếng nói bên trong.

Do đó, một sự vật chỉ xuất-hiện trước ý-thức một cách hoàn - toàn, đầy đủ khi nó được gọi lên. Ta vẫn có cảm-tưởng bất mãn thấy sự diễn-tả còn thiếu xót một cái gì khi ta trông một vật mà chưa tìm thấy tiếng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chỉ-thị vật ấy hay đã quên không còn biết gọi nó là gì. **Sự vật đồng-nhất-hóa với tiếng chỉ thị nó.**

Trẻ con và những dân tộc sơ-khai vẫn coi tiếng (le mot) như một đặc-tính thực của sự vật. Ý-nghĩa và nền tảng của quỷ-thuật là lòng tin tưởng ở lời nói đọc lên có thể tác-động trên sự-vật (đọc thần chú làm cho cái bàn quay). Trong ca-dao thường có những câu khuyên luân-lý : giữ cho tròn **chữ** hiếu, **chữ** tình, **chữ** trung v.v... Chữ ở đây không tách khỏi thực-tại mà nó chỉ thị. Chữ hiếu, chữ tình không phải là những danh-từ trống rỗng hay chỉ là những dấu hiệu để chỉ thị tình yêu, lòng trung tín, nhưng là chính tình yêu, lòng trung tín, lòng hiếu thảo.

✠

Một vài nhận xét trên nhằm mục-đích bày tỏ rằng thân xác ta không phải là một sự-vật, một dụng-cụ của tinh-thần như nhiều người vẫn còn tưởng khi đặt vấn-đề xác định con người là vật-chất hay tinh-thần. Thân xác là điều-kiện thiết yếu cho con người có thể hiện-diện ở đời sống đồng thời là cách thế cho con người biểu lộ ý-nghĩa sự hiện diện ấy. Trong các cách biểu lộ của thân xác, ngôn-ngữ là một cách thế đặc-biệt nhất. Như thế ngôn-ngữ không phải chỉ là một hệ-thống dấu hiệu quy-ước, nhưng là cách mặc khải của con người khi gặp-gỡ, tiếp súc và trao đổi với sự-vật và tha nhân. Nắm tay đơ lên không phải là dấu hiệu chỉ sự tức-giận, nhưng là chính sự tức-giận cũng như khi ta tiếp nhận lời nói của một người bạn ở giây nói, không phải ta chỉ tiếp nhận một số âm thanh, một số dấu hiệu, nhưng là tiếp nhận cái vẻ đặc-biệt toàn thân người bạn mặc khải trong lời gọi, kiểu nói truyện và cách từ giã ta. Vì lời nói là sự mặc khải một thế-giới trong tương quan giữa người và người trên nền tảng cuộc đời.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

TỔ - CHỨC

✯ Ngày 14-7-58, một buổi diễn-thuyết do vị Cao-tăng Trung-hoa Pháp-sư Diễn-Bồi nói về đề-tài *Chân-lý của Phật-giáo* tại Đại Giảng-đường của Viện.

✯ Sau những cuộc thi-cử cuối năm, Viện đã mở những lớp dạy hè về Anh-văn và Pháp-văn, nhắm mục-đích nâng-cao kiến-thức sinh-viên về các ngoại-ngữ ấy, để tiện việc khảo-cứu trong các sách vở bằng Anh-ngữ hoặc Pháp-ngữ.

Các lớp dạy hè Anh và Pháp-văn ấy do một nhóm giáo-sư Đại-học hiện có mặt tại Huế tình-nguyện đảm-nhận. Mỗi lớp mở hai tháng không lấy tiền, lớp Anh-văn bắt đầu từ 28-7-58 và lớp Pháp-văn từ 30-7-58. Mỗi tuần dạy 5 ngày và mỗi ngày dạy 2 giờ. Lớp Anh-văn dành rêng cho sinh-viên Đại-Học, còn lớp Pháp-văn thì cho cả sinh-viên Đại-Học và học-sinh đệ Nhất C trường Quốc-Học. Hiện đã có trên 80 sinh-viên theo học lớp ấy.

✯ Một trại hè đã được tổ-chức tại Hòa-mỹ, thuộc miền sơn-cước tỉnh Thừa-thiên. Trại hè này bắt đầu từ 18-8-58 đến 31-8-58 do một nhóm sinh-viên ngoại-quốc và Đại-học Sài-gòn từ Sài-gòn ra phối-hợp với một nhóm sinh-viên Đại-học Huế. Ngoài chương-trình trong trại, các sinh-viên đã làm vài công-tác xã-hội bằng chân tay trong thời-gian nói trên.

✯ Hôm 21-8-58, đón tiếp ông Bộ-trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục kinh quá Huế.

✯ Ông Khổng-đức-Thành cháu 77 đời của Đức Khổng-Tử đã trình huyết về *Tư-tưởng của Đức Khổng-phu-Tử* tại Viện Đại-học Huế hôm 2-10-1958.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

CÔNG - TÁC

✱ Ngày 4-9-58, Hội-đồng Giáo-sư Viện Đại-học Huế đã nhóm họp để thảo-luận về Dự-án chương-trình xin viện-trợ kế-hoạch Colombo trong năm 1959. Dự-án này đã được đệ-trình Bộ Quốc-gia Giáo-dục ngày 8-9-58.

✱ Ông Nguyễn-văn-Trung, Giáo-sư Văn-khoa, đại-diện Viện Đại-học Huế, đã tham-dự hai hội-nghị thế-giới :

1) Hội-nghị Pax Romana ở Vienne từ 31-8-58 đến 6-9-58 với đề-tài : *Đại-học ngày nay và những đòi hỏi của tự-do.*

2) Hội-nghị quốc-tế Triết-học ở Venise từ 12-9 đến 18-9-58 với đề-tài : *Con người và thiên-nhiên.*

✱ Linh-mục Cao-văn-Luận, Viện-trưởng đã lên đường sang Pháp, dự Hội-nghị U.N.E.S.C.O. trong thời-gian từ 5-11-58 đến 5-12-58.

✱ Ông Lê-thành-Châu, Tổng-thơ-ký Viện Đại-học Huế, đã sang Mã-lai, dự Hội-nghị Nghiên-cứu Giáo-dục từ 1-11 đến 7-11-58.

THI - CỬ

(Xem các bản danh sách ở trang 88...)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Danh sách các sinh-viên trúng tuyển hẳn về kỳ thi cuối năm (khoá thứ nhất) các trường thuộc Viện Đại-học Huế :

DỰ BỊ VĂN-KHOA

1.— Bửu-Ý	Thứ	4.— Phạm-ngọc-Hương	Thứ
2.— Nguyễn-văn-Châu	Thứ	5.— Vĩnh-Quyền	Thứ
3.— Ngô thị Kim-Yến	Thứ	6.— Trần-quý-Phiệt	Thứ
		7.— Đỗ-thị-Tùng	Thứ

NĂM THỨ NHẤT CỬ-NHÂN LUẬT-KHOA

1.— Tôn-nữ Minh-Kinh	Thứ	7.— Võ-hữu-Sơ	Bình-thứ
2.— Hoàng-ngọc-Khiêm	Thứ	8.— Nguyễn-văn-Tài	Thứ
3.— Trần-vĩnh-Lộc	Thứ	9.— Phùng-bá-Tú	Thứ
4.— Trần-xuân-Lộc	Thứ	10 — Phan-xuân-Thế	Thứ
5.— Đinh-văn-Ngọc	Bình thứ	11.— Trần-tấn-Việt	Thứ
6.— Lê-tấn-Nhiễu	Thứ	12.— Hoàng-văn-Xướng	Bình-thứ

NĂM THỨ NHẤT NĂNG-LỰC LUẬT HỌC

1.— Phan-Ái		16.— Lâm-Công-Khương	
2.— Lê-viết-Ái		17.— Hoàng-quốc-Lữ	
3.— Võ-ngọc-Ấn	Bình thứ	18.— Đặng-huy-Minh	
4.— Nguyễn-Chấp		19.— Lê-hữu-Nhuận	
5.— Phan-xuân-Chi		20.— Nguyễn-Rô	Bình-thứ
6.— Nguyễn-xuân-Chín		21.— Nguyễn-Tân	
7.— Nguyễn-thị-Dần		22 — Hồ-đắc-Tiêu	
8.— Tôn-thất-Diễn		23.— Trần-văn-Thạc	
9.— Trần-văn-Duy		24.— Tạ-chấn Thanh	
10.— Nguyễn-ngọc-Đàm		25.— Lê-đức-Thọ	
11.— Lê-tiến-Đức		26.— Lê-hữu-Từ	
12.— Võ-trọng-Huấn		27.— Thân-trọng-Uẩn	
13.— Nguyễn-mậu-Kha		28 — Đỗ-khánh-Vân	
14 — Nguyễn-đăng-Khiêm		29.— Nguyễn-toàn-Vinh	
15.— Vĩnh-Khiêm		30 — Nguyễn-tri-Xương	

TOÁN HỌC ĐẠI-CƯƠNG

1.— Nguyễn-Ba	Bình-thứ	3.— Phạm-văn-Thông	Thứ
2.— Lê-quang-Vinh	Thứ	4.— Vĩnh-Thiều	Thứ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Danh sách các sinh-viên Cao-đẳng Sư-phạm
trúng tuyển kỳ thi cuối năm thứ nhất (khóa thứ nhất)
Niên khóa 1957 - 1958

A.— BAN VẠN - VẬT LÝ - HÓA

1.— Hoàng-thị Mộng-Liên
2.— Lê-thị Thanh-Tâm
3.— Nguyễn-Ký
4.— Phạm-hữu Hiệp
5.— Phạm-đỗ-Khiêm
6.— Hoàng Thuyên
7.— Trương-thị Lệ-Khanh
8.— Lê-thị-Mỹ

B.— BAN TOÁN LÝ-HÓA

1.— Dương-đình Tri
2.— Nguyễn-ngọc-Thanh
3 — Nguyễn-quang-Phong
4.— Châu-khắc-Túy

C.— BAN SINH-NGỮ

1.— Lê-thị Tường-Loan
2.— Nguyễn-Túc
3.— Nguyễn-bá-Tiết
4.— Phan-văn-Hộ
5.— Nguyễn-tri-Tài
6.— Nguyễn-đức-Kiên

D.— BAN VIỆT - HÁN

1.— Đoàn-Khoách
2.— Đặng-ngọc-Ấn
3.— Bùi-ngọc-Liên
4.— Lê-văn-Toản

Huế, ngày 2 tháng 7 năm 1958
Chánh chủ-khảo
L. M. Cao-văn-Luận
Viện-trưởng Viện Đại-Học Huế

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Danh sách các sinh-viên trúng tuyển kỳ thi nhập học năm thứ nhất Đại-Học Sư-Phạm Huế

BAN THƯỜNG-XUYÊN (3 NĂM)

A.— BAN TRIẾT-HỌC

1.— Tôn-nữ Diệu-trang
2.— Dương-thành-Ngữ
3.— Nguyễn-Châu
4.— Hoàng-xuân-Thiện
5.— Đỗ-phương-Anh
6.— Lê-thị-Cúc

(3, 4, 5, 6: đồng điểm)

B.— BAN VIỆT HÁN

1.— Ngô-Kha
2.— Lê-hữu-Đỗ
3.— Lâm-Tuyền
4.— Nguyễn-duy-Khác

C.— BAN SỬ ĐỊA

1.— Đỗ-viết-Lê
2.— Lê-thị-Liên

(1, 2: đồng điểm)

3.— Tôn-thất-Tuệ
4.— Nguyễn hữu Châu-Phan
5.— Trần-viết-Ngạc

D.— BAN PHÁP VĂN

1.— Nguyễn-bá-Việt
2.— Nguyễn thành-Hưng
3.— Phan-thị Bích-Đào
4.— Nguyễn-như-Lộc
5.— Bùi thị Bích-Hà
6.— Đặng-quang-Cảnh
7.— Nguyễn-xuân-Linh
8.— Hoàng-như-Ngọc
9.— Lê ngọc-Diêu
10.— Đoàn-Ngô
11.— Nguyễn-tùng-Sơn
12.— Nguyễn-thị Kim-Thành

E.— BAN ANH-VĂN

1.— Hồ-đình Mai
2.— Hoàng-thạch-Thiết
3.— Nguyễn-đăng Phương
4.— Hồng-thị Chi-Điền
5.— Tôn-thất Viễn-Bào
6.— Tôn-thất-Lan
7.— Trần tấn-Vũ
8.— Nguyễn-văn-Xiêm
9.— Nguyễn-nông-Châu
10.— Võ thị-Nguyệt
11.— Lê-văn-Sét
12.— Nguyễn-tấn-Khoa
13.— Nguyễn-thị Túy-Hồng

G.— BAN VẠN-VẬT

1.— Ngô-anh-Tuấn
2.— Lê-ngọc-Giáng
3.— Nguyễn-thị Phương-Thảo
4.— Lê-phụ-Lư
5.— Nguyễn-thanh-Trầm
6.— Bùi-thị Ngọc-Mỹ
7.— Tôn-thất-Quế
8.— Trần-thị Ngọc-Hương
9.— Trần-xuân-Lộc

(8, 9: đồng điểm)

10.— Trần-thị Như-Lựu
11.— Bửu-Đôn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

II. BAN LÝ-HÓA

1.— Nguyễn-sĩ-Thân
2.— Phan-Bang
3.— Trương-văn-Hậu
4.— Vương-thị Thúy-Nga
5.— Nguyễn-đại-Trinh
6.— Hoàng-Vinh
7.— Nguyễn-thị-Quế
8.— Lê-thế-Nhiếp
9.— Nguyễn duy Hướng
10.— Trần-văn-Châu
11.— Hà-ngọc-Minh
12.— Nguyễn-thị Hồng Khuê
13 — Cao huy-Tấn
14.— Nguyễn-thị Hạnh-Phước
15.— Lê-quang-Mai

I.— BAN TOÁN

1.— Lê-mậu Thống
2.— Võ-văn-Thơ } đồng điểm
3.— Nguyễn-phú-Liễn
4.— Nguyễn-thị Bạch-Hạc
5.— Phạm-Hòa
6 — Hoàng-Ái
7.— Ngô-viết-Diễn
8.— Lê-đình-Thứ
9.— Trần-Tuệ
10.— Nguyễn-thị Minh-Lệ
11.— Võ thị-Nhàn
12.— Trần-Trừu
13.— Lưu-chí-Kiên
14.— Lê-thị Bạch-Yến
15.— Phan văn Phùng
16.— Tôn-thất-Kham
17.— Lê-Oanh
18.— Ngô-Hào

Danh sách các sinh-viên trúng tuyển kỳ thi nhập học trường Đại-Học Sư-phạm Huế.

KHÓA CẤP-TỐC

A.— BAN VĂN-KHOA

1 — Tôn-nữ Tiểu-Bích
2.— Nguyễn ngọc-Dinh
3.— Lê-hữu-Đỗ
4.— Tôn-thất-Tuệ
5.— Nguyễn duy-Khác
6.— Nguyễn-đức-Đồng
7.— Nguyễn-văn Viêm
8.— Trương-quang Tá

B.— BAN SINH - NGỮ

1.— Tôn-thất-Lan
2.— Nguyễn-tấn-Khoa
3.— Tôn-nữ-Lý
4.— Tôn-nữ Diệu-Trang
5.— Trương-đình-Trai
6.— Đỗ-văn-Thiện

C.— BAN KHOA - HỌC

1.— Trần-thị Kim Tiêu
2.— Võ-Đen
3.— Phan-văn-Cự
4.— Nguyễn-đình-Hối
5.— Tôn-thất-Khám
6.— Nguyễn-thị-Quế
21.— Đỗ-viết-Lê
22.— Trần-thị-Lý
23.— Nguyễn-đức Đôn
24.— Dương-văn-Lộc
25.— Thân-Trọng A
26.— Trần-An

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

7.— Trần-Trừu
8.— Nguyễn-thị Phi-Lai
9 — Nguyễn-Tân
10.— Nguyễn-Tri
11.— Nguyễn-thị-Quảng
12.— Nguyễn-thị Hồng Khuê
13.— Bửu-Đa
14.— Tôn-thất-Quế
15.— Phạm-ngọc-Hài
16 — Nguyễn-hữu-Thỉnh
17.— Lê-văn-Cầu
18.— Nguyễn-thanh-Trầm
19.— Nguyễn-văn-Tuấn
20.— Nguyễn-thị Hạnh-Phước
27.— Lê Oanh
28.— Trần-Bông
29.— Trần đức Võ
30.— Lê ngọc-Giáng
31.— Lê-thị Đường
32.— Bùi-thị Ngọc-Mỹ
33.— Lê-văn-Di
24.— Nguyễn-văn-Trợ
35.— Hoàng-thị Sa-Đa
36 — Đinh-văn-Hiền
37.— Lê-văn-Gạch
38.— Trần-xuân-Phúc
39.— Lưu-đức-Hà
40.— Liên-Trình

Huế, ngày 14 tháng 10 năm 1938
Chánh chủ-khảo
L. M. Cao-văn-Luận
Viện-trưởng Viện Đại-Học Huế

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ông Tú Xương với câu chuyện thi cử

CỦA PHAN-VĂN-DẬT

TỈNH Nam-định có trường thi lần thứ nhất vào năm Gia-long thứ 18 (1819), ấy là trường Vị-hoàng, tên tỉnh bấy giờ còn gọi là Sơn-nam hạ-trấn. Đến năm Minh-mạng thứ 6 (1825) trường mới lấy tên là trường Nam-định.

Sau khi có việc rắc-rối ở Bắc-kỳ, các trường thi chưa kịp sửa-sang lại, nên năm giáp-thân, niên-hiệu Kiến-phúc (1884) cả trường Hà trường Nam hợp làm một và phụ thí ở Thanh-hóa, khoa ấy ta thường gọi là khoa Thanh. Đến ân-khoa năm bính-tuất, Đồng-khánh nguyên-niên (1886) hai trường Hà, Nam và tỉnh Ninh-bình hợp làm một mới lại thi ở Nam-định. Sau nhân vì loạn-lạc, khoa đinh-hợi (1887) ở Bắc-kỳ phải hoãn, năm sau là năm mậu-tí (1888), trường Hà trường Nam lại hợp thi làm một, nên gọi là trường Hà-Nam, từ đó về sau cứ giữ vậy cho đến khoa thi cuối-cùng là khoa ất-mão (1915) (1).

Trong bài phú hỏng thi, Tú-Xương có câu : « Giá cứ chăm nghề đèn sách, thì mười lăm mười sáu đỗ tự bao giờ », ông Tú sinh năm 1870, vậy đến khoa giáp-thân ông vừa 15 tuổi ta, nhưng chắc ông không thi ở trường Thanh, vậy có lẽ ông thi lần đầu vào khoa bính-tuất (1886) và hỏng luôn mấy khoa. Đến năm giáp-ngọ (1894), niên-hiệu Thành-thái thứ 9, ông mới đỗ tứ-tài. Có thuyết cho rằng khoa này ông cũng xuýt trượt,

(1) Theo Trần-văn-Giáp : Lược khảo về khoa-cử Việt-Nam — 1941 — trang 19-20.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

may nhờ cụ Thượng Cao-Xuân-Dục, Tổng-đốc Sơn-Hưng-Tuyên, làm chánh - chủ - khảo thương tài nên mới lấy đậu, bằng cứ là có câu « tú rốt bảng giữa năm giáp-ngọ » và bài thơ sau này của ông :

Này này hương-thí đỗ khoa nào ?
Nhân-hậu thay lòng quan Thượng Cao !
Người ta thi chữ, ông thi phúc,
Dù dở dù hay ông cũng vào.

Theo thuyết trên, chữ «ông» trong bài này là ông Tú tự nói mình. Các sách thường cho nó cái đầu đề là *Gởi bạn thi đỗ* có lẽ không đúng.

Khoa ấy quả có cụ Cao-Xuân-Dục (1) làm chánh-chủ-khảo và ông Nguyễn-Gia-Thoại (mà người Huế thường gọi là Ngũ - xu tiên-sinh vì ông là người rất hay chữ và đạo-đức, lúc nào đánh vé cũng chỉ đặt năm xu để gọi là có chơi) làm phó.

Số thi-sĩ tại trường Hà-Nam có 11.000 người. Thi cả-thảy bốn trường vào mấy hôm 29-10, 15-11, 25-11 và 2-12 dương-lịch. Lễ xướng-danh cử-hành vào ngày 8-12-1894. Chủ - tọa buổi lễ có Kinh - lược Hoàng-Cao-Khải và viên cai-trị người Pháp là Jules Morrel, đại-diện cho Toàn-quyền de Lanessan.

Có cả thảy 7 ông chánh - giám - khảo ngồi hàng trước, trên những chiếc ghế cao 3 hoặc 4 thước tây. Dân-chúng đi xem ước - lượng 25.000 người. Đúng 8 giờ 15 thì bắt đầu xướng danh. Mỗi người được gọi phải mất gần năm phút mới có thể chen lấn vào để nhận-thực giấy căn-cước. Gọi mất ba giờ mới hết 60 cử - nhân. Khoa ấy có 200 tú - tài trúng tuyển (theo lệ cứ một cử-nhân thì lấy ba tú - tài), cọng là 260 người đỗ. Như vậy là có 11.000 — 260 = 10.740 người hỏng, tính trung - bình trên hơn 42 người mới có một người đỗ. Những người này phải lạy các viên - chức đại-diện Chính - phủ. Hai giờ chiều, xướng danh mới xong. Và đến năm giờ chiều hôm ấy, tại dinh Tổng-đốc, chức Kinh-lược phát cho mỗi ông cử tân - khoa một áo địa xanh, một cái dù (ô) và một quả sơn đựng cau trầu (2).

---

(1) Xem tiểu-sử trong Bulletin des Amis du Vieux Huế n° 4 Décembre 1923 — Notice nécrologique : S.E. Cao-xuân-Dục par CH. Patris p. 433-472.

(2) Theo Claude Bourrin : Le Vieux Tonkin trang 278-282.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Từ đó Tú Xương đi thi đều trượt mãi, vì

Tám khoa chưa khỏi phạm tràng-quy.

Phạm tràng-quy ! Một người cốt-khí lăng-tằng như ông làm sao có thể ép mình vào trong những lề-luật nghiêm - khắc này được. Có lẽ mỗi lần đi thi ông lại phải giật-mình đánh thót và nơm-nớp lo sợ vì cái này và chỉ cầu làm sao cho

Phúc nhà may được sạch tràng-quy.

Tám khoa thi ấy, nếu chúng tôi không lầm, là các khoa bính-tuất (1886), mậu-tí (1888), tân-mão (1891), giáp-ngọ (1894), đinh-dậu (1897), canh-tí, (1900), quí-mão (1903) và bính - ngọ (1906). Sau năm này thì ông mất, nếu không, có lẽ ông cũng còn thi nữa và đã gặp một người đồng hội đồng thuyền là thi-sĩ Tản-Đà.

Cũng như Nguyễn - Khuyến, từng đổi tên Nguyễn - Thắng (1) ra Nguyễn - Tất - Thắng (2) (còn Khuyến là tên của vua ban) (3), đã có lần ông đổi chữ lót tên làm Cao, nhưng cũng chẳng may - mắn gì hơn (4). Tám khoa thi, phí mất hai mươi bốn năm tròn trên một cái tuổi thọ không ngoài 38 tuổi ta, để phải suốt đời ăn bám vào lưng vợ, cái món nợ khoa - danh ngày xưa cũng quá nặng - nề. Nói chi những người sáu bảy mươi tuổi còn lều chiếu đi thi.

Làm một nhà nho kiết, chỉ có độc một con đường khoa-cử để tiến thân, thế mà ba năm mới có một kỳ, đi thi lại hỏng mãi, ông Tú làm sao không uất - hận, cho nên trong hơn hai chục bài, vừa thơ vừa phú của ông, những tiếng hậm-hực nguyền-rủa việc thi mãi đến ngày nay còn đập mạnh vào tai ta.

---

(1) Theo Quốc-triều hương-khoa lục của Cao-xuân-Dục thì Nguyễn - Khuyến nguyên trước tên là Nguyễn - Thắng, chứ không có chữ « văn » lót ở giữa. Tên Nguyễn-Khuyến đỗ khoa thi hương năm Tự-đức thứ 17 (1864) cũng là Nguyễn-Thắng.

(2) Theo Thế-Nguyên : Nguyễn-Khuyến (Thân-thế và thi-văn — Tân Việt — 1957 — trang 7. Trong Thi văn bình chú, cuốn thứ hai của Ngô-tất-Tố — Tân - Dân Hà-nội — 1942 — trang 189 cũng có ghi tên này.

(3) Theo Quốc-triều hương-khoa lục thì chữ Khuyến là tên của vua Dực-tông ban cho cụ Yên-Đổ (tứ danh Khuyến). Thuật theo Nguyễn-văn-Tố : Quyển Thi văn bình chú — IX.— Nguyễn-Khuyến. Tri-tân số 102 ngày 8-7-1943 trang 4.

(4) Theo ông Lê-Dư, trong «Vị-xuyên thi văn tập» Nam-kỳ — 1931 — thì ông Tú trước tên là Trần-cao-Xương, sau mới đổi làm Tú Xương, nhưng cứ xem câu thơ «Tú đổi làm Cao nên sự thế» thì ngược lại.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

TÂM-SỰ NGƯỜI THI HỎNG

Là « con nhà dòng ở đất Vị-xuyên », khi mới ra đi, cố-nhiên ông cũng hăm-hở như ai, cũng « bụng trạng-nguyên phấp-phới » như ai vậy :

Tấp-tểnh người đi tớ cũng đi,
Cũng lều cũng chiếu cũng vô thi.
Tiễn chân cô mất hai tiền lẻ,
Sờ bụng thấy không một chữ gì.
Lộc nước cũng nhờ tăng giải-ngạch,
Phúc nhà may được sạch tràng-quy.
Ba kỳ trọn-vẹn thêm kỳ nữa,
A, â, u, ư ngọn bút chì.

(ĐI THI)

Bài này có lẽ làm vào khoa bính - ngọ (1906) và hình như ngay từ khoa ấy, kỳ phúc - hạch đã có một bài luận quốc - văn. Vì trường thi ở cạnh nhà, không phải cơm hàng cháo chợ gì, nên món quà tiễn-chân của cô chỉ có hai tiền lẻ, nhưng cũng còn nhiều hơn cái số chữ trong bụng thầy. Tuy là thầy nói nhún, song cũng có một phần sự thật vì bình-nhật thầy

...vẫn tưởng rằng ta giỏi,
Cứ việc vui chơi chẳng học-hành.

Cho nên lệ mỗi trường tuy đã có một giải - ngạch (nghĩa là số người được lấy đậu) nhất - định, nhưng cũng mong nhà nước dùng ân - điển thiêm thủ (lấy thêm) ít nhiều nữa thì may ra cũng trả được thư - cừu.

Nhưng trước ngày treo bảng ông lại đàm lo và đã hăm-dọa bỏ nhà ra đi nếu ngày mai ông không được tên yết bảng vàng. Theo ông Lê-Dư, được ông Trần-văn-Tấn, cháu họ ông Tú thuật lại, thì ông Tú làm bài dưới nầy vào năm bính-ngọ (1906), khoa cuối-cùng ông đi thi và cũng là một lời trối lại của ông trước khi mất. Đi đây không phải chỉ là sang Tàu sang Tây như lời ông bảo, mà là từ-giã hẳn cõi trần - gian nầy, cái chỗ còn có người thi người hỏng vậy.

Mai không tên tớ tớ đi ngay,
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Học đã toi cơm nhưng chửa chín.
Thi không ngậm ớt thế mà cay.
Sách đèn phó mặc đàn con trẻ,
Thưng đấu nhờ lưng một mẹ mày.
Cống-hỉ, mét xì, đây thuộc cả,
Chẳng sang Tàu tớ cũng sang Tây.

(HỎNG THI)

Thế rồi ông hỏng thật và đau-đớn nhận thấy rằng

Đệ-nhất buồn là cái hỏng thi !

và đã vậy ông còn biết nói phô gì nữa :

Bụng buồn còn muốn nói-năng chi,
Đệ-nhất buồn là cái hỏng thi !
Một việc văn-chương thôi cũng nhảm,
Trăm năm thân-thế có ra gì.
Được gần trường ốc vùng Nam-định,
Thua mãi anh em cánh Bắc-kỳ.
Rõ thực nôm hay mà chữ dốt,
Tám khoa chưa khỏi phạm tràng-quy,

(HỎNG THI II)

Ức thật ! Mình được cái may-mắn thi ngay tỉnh nhà, thế mà cứ thua mãi các bạn đồng học. Và nôm nay thì đã ăn chắc đi rồi, nhưng chữ dốt cũng chưa hẳn, vì phạm tràng-quy có phải đâu là dốt. Thôi chẳng qua cũng vì duyên-phận cả :

Trách mình phận-hẩm lại duyên ôi,
Đỗ suốt hai trường hỏng một tôi !
Tế đổi làm Cao nên sự thế,
Kiện trông ra tiệp hỡi giời ôi !
Mong gì nhà nước còn thi nữa,
Biết rõ anh em chẳng chắc rồi.
Ví phỏng còn thi còn học mãi,
Toi cơm tốn vải hại mà thôi.

(HỎNG THI III)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ừ thà có nhiều người cùng hỏng với mình cho cam ! Đằng nầy tất cả anh em quen biết của mình, ai cũng qua lọt được cả hai trường, nhìn tới trông lui, chỉ có một mình là hỏng. Nên đến bài nầy thì giọng thơ ông đã có vẻ chán-nản lắm rồi. Chữ «kiện» mà đọc lầm ra chữ «tiệp» được thì còn nói chuyện thi với cử làm gì cho chán mớ đời ! Chưa có cái đau cái rát nào bằng cái đau cái rát nầy, đau còn quá đòn ghen, rát còn hơn lửa bỏng :

Đau quá đòn ghen ; — rát hơn lửa bỏng.
Tủi bút tủi nghiên ; — hổ lều hổ chõng.

Nghĩ đến chữ « nam-nhi đắc chí », thêm nỗi thẹn-thùng ; — ngẫm đến câu «quyền-thổ trùng-lai» (1), nói ra ngập-ngọng.

Thế mới biết học tài thi phận, miệng đàn - bà con trẻ nói thế mà thiêng ; — nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài bảng - nhãn thám - hoa, lỡ ra cũng hỏng.

Có một thầy : dốt chẳng dốt nào ; — chữ hay chữ lỏng.

Nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao-lâu ; — hay hát hay chơi, hay nghề xuống lõng (2).

Quanh năm phong - vận, áo hàng tàu, khăn nhiễu tím, ô nhật - bản xanh ; — ra phố xênh-xang, quần cát-bá (3), bít-tất tơ, giầy gia-định bóng.

Giá cứ chăm nghề đèn sách, thì mười lăm mười sáu đỗ tự bao giờ ; chỉ vì quen lối thị-thành, nên một tuổi một già, hóa ra lóng-đóng.

Tú rốt bảng giữa năm giáp-ngọ, nổi tiếng đầu trò ; — con nhà dòng ở đất Vị-xuyên, ăn phần cỗ-nọng.

---

(1) Quyền thổ trùng lai : cuốn đất mà lại. Thơ của Đỗ - Mục đề ở Ô-giang-đình có câu : Giang-đông tử đệ đa tài tuấn, quyền thổ trùng-lai vị khả tri, nghĩa là con em ở đất Giang - đông còn lắm người tài giỏi, về đem hết quân vùng ấy mà trở lại thì chưa biết sẽ ra sao, ý nói Hạng - Vũ tuy thua trận, nhưng nếu cứ trở về Giang-đông đem hết đệ tử đề cùng đánh lại với Bái-công một trận nữa thì cũng chưa biết ai sẽ hơn thua.

(2) Lõng : thứ thuyền nhỏ, ngày trước ở Nam - định thường dùng đề mở các cuộc ca xướng mua vui.

(3) Cát-bá : nghĩa đen là vải làm bằng dây sắn, bây giờ gọi các loại vải mỏng mặc mùa hè cho mát là cát-bá. Có bản chép là «quần tố-nữ» cũng là nghĩa ấy. Xưa có câu : Đông cầu hạ cát (mùa đông mặc áo lông cừu, mùa hạ mặc áo cát-bá). Việt-vương Câu-Tiễn đã từng bảo dệt cát-bá dâng cho vua Ngô-vương Phù - Sai. Có chữ cát sa thuộc loại the, dùng mặc rất mát.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Năm vua Thành thái mười hai (1) ; — lại mở khoa thi Mỹ - trọng (2).

Kỳ đệ-tam văn đã viết rồi ; — bảng đệ-tứ chưa ra còn ngóng (3).

Thấy chắc hẳn văn-chương có mực, mượn khách xem giò ; — cô mừng thầm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng.

Sáng đi lễ Phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong ; — đêm dậy vái trời, qua mồng bốn mồng năm cho chóng.

Nào ngờ ; bảng nhỏ có tên ; — ngoại-hàm còn chống (4).

Kẻ đến sáng văn còn được chấm, bảng cót nghênh-ngang ; — người ngồi khuya tên hãy được vào, áo dài lụng-thụng.

Thi là thế, học-hành là thế, tri-kỷ cùng ai ? — người một nơi, hồn-phách một nơi, than thân với bóng.

Thôi thì thôi, sách vở mập-mờ ; — văn-chương lóng-cóng.

Khoa trước đã chầy ; — khoa sau hẳn chóng.

Ý có kẻ lo toan việc nước, vua chửa dụng tài ; — hay thiếu người dạy-dỗ đàn em, trời còn bắt hỏng,

(PHÚ HỎNG THI)

---

(1) Thành-thái mười hai : 1900.

(2) Mỹ-trọng : tên một làng thuộc tỉnh-lỵ Nam-định, chỗ đặt trường thi.

(3) Kỳ đệ-tam văn đã viết rồi, bảng đệ-tứ chưa ra còn ngóng : bài kỳ đệ - tam đã làm xong rồi, nhưng còn đợi xem bảng, thử có vào được kỳ đệ-tứ không. Kỳ sau cùng nầy là kỳ phúc-hạch ai vào ba kỳ trước có được phê ưu, bình thì mới được vào kỳ nầy. Còn như chỉ được phê thứ nhì thì được lấy đỗ tú-tài, nhưng không được vào kỳ nầy. Lọt được kỳ nầy nữa thì đậu cử-nhân.

(4) Bảng nhỏ : bảng yết tên những người thi hỏng vì đã viết nhầm tên húy nhà vua hoặc để vấy mực vào làm bẩn quyển thi.

Ngoại-hàm còn chống : ngoại-hàm nghĩa đen là ngoại hòm. Lệ thi hễ dứt hồi trống thu quyển, lại - phòng đã đóng hòm rồi thì quyển không thu nữa và như thế là bị ngoại-hàm. Đây nói ngoại-hàm còn chống là nói quyển nộp đã quá hạn mà còn chống chế không chịu là ngoại-hàm. Trong một bài thơ khác ông Tú có câu : «Văn-chương ngoại-hạn quan không chấm» tức cũng là nói về việc nầy. Có nhiều bản đề là «còn trống» và cắt nghĩa rằng tiếng trống chưa dứt, nhưng nếu tiếng trống chưa dứt thì quyển vẫn còn nộp được, có đâu phải ngoại-hàm mà phải khiếu-nại. Trừ phi bảo rằng tiếng trống đương còn nhưng lại-phòng lại đóng hòm trước đi, thì mới có lẽ, nhưng trước hàng vạn người đi thi, lại có các viên ngự-sử, tưởng không có lại-phòng nào dám làm như thế.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Có hỏng, làm một bài nầy cũng hả-hê đôi chút. Thì nào mình có kém cạnh ai đâu, trái lại chữ tốt văn hay, tài bảng-nhãn thám-hoa có thừa đấy chứ ! Nhưng vì quá tức-giận, tác-giả dễ thường đã nói oan cho người. Lệ trường thi, cứ bốn giờ chiều đã bắt đầu đánh trống thúc quyển, chậm nhất là đến tám giờ tối thì dứt tiếng trống để đóng hòm, ai không nộp quyển thì bị ngoại-hàm, vậy còn kẻ nào đến sáng mà văn còn được chấm và người ngồi khuya nào mà tên hãy được vào ?

Nhưng được rồi, hỏng thì hỏng, đi thi mãi, ít nhất mình cũng thành một kẻ đàn anh. Nên có khoa ông đã khệnh-khạng bày vẽ điều hơn lẽ thiệt cho các bạn sĩ-tử :

Đi thi đi cử các thầy nho,
Ta dặn điều nầy phải nhớ cho.
Ra phố khăn ngang quàng lấy mặt,
Vào trường quần rộng xắn lên khu.
Câu văn đắc-ý đừng ngui-ngủi,
Chén rượu mềm môi chớ gật-gù.
Nghe nói khoa nầy nghiêm cấm lắm,
Đêm hôm phải sợ phép quan cò.

(RĂN HỌC-TRÒ ĐI THI)

Bài nầy có lẽ viết về năm đinh-dậu, niên - hiệu Thành - thái thứ 9 (1897). Lúc đó, viên Toàn - quyền Paul Doumer vừa mới nhận chức ở Bắc-kỳ, phong-trào cách-mạng đương lên, lãnh-tụ là một thanh-niên ưu-tú người ta thường gọi là Kỳ-đồng (đứa bé kỳ-lạ). Tuy cuộc vận-động ấy bị bóp chết ngay từ trong trứng, những nhà cầm quyền Pháp vẫn nghi-ngờ lớp văn-thân, sợ họ thừa khoa thi mà có những hành-vi bạo-động, nên đặc-biệt chú-ý đến các hàng thiếu - niên sĩ - tử. Vì vậy, khi hơn một vạn thí-sĩ mang lều trại đến Nam - thành phó thí thì Pháp huy - động rất nhiều binh-sĩ cùng hai pháo-hạm «L'Avalanche» và «Le Jaequin» về Nam phòng-ngữ và luôn dịp tiếp đón viên Toàn - quyền mới đến chứng - kiến cuộc thi. Khóa thi đó được canh-phòng nghiêm-mật, ban đêm không ai dám ra ngoài, sợ viên cò bắt. Kể cả người nhà đi theo các thí - sinh, có hàng ba bốn vạn người, có phải là một lực-lượng đáng khinh thường đâu (1).

(1) Theo Trần-thanh-Mại : Trông giòng sông Vị — Trần-thanh-Địch Huế xuất-bản — 1955 trang 8 9. Ô. Mại đã thuật theo Souvenir d' Indochine của Paul Doumer.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Kẻ cầm quyền bấy giờ sợ các nhà cách-mạng trà - trộn trong đám đông người đã đành mà cũng còn đề đề - phòng thí-sinh làm bài không được nổi dậy phá trường nữa. Ở trường Thừa - thiên vào khoảng đầu niên-hiệu Thành-thái, thí-sĩ cũng đã từng nổi dậy một lần vì đầu bài phú hay kinh-nghĩa gì đó ra rằng : «Vạn-cổ khai quần mông», thí - sinh ngồi ngơ-ngác hết rồi liền rủ nhau đứng dậy ùa-ùa kéo ra phá - phách và la-ó lên rằng «vạn cổ» là quan trường « vặn cổ thí-sinh» và «khai quần » là «mở...quần» ! Từ đó sự canh-phòng gắt-gao hơn trước.

Như ta đã biết, khoa thi nầy ông Tú lại trượt, nhưng tức mình cũng ra điều mình đậu và làm ra bài dưới nầy để nói ngông cho bõ lòng căm tức :

Ông trông lên bảng thấy tên ông,
Ông tớp rượu vào ông nói ngông,
Trên bảng năm mươi thầy cử đội,
Bốn kỳ mười bảy cái ưu thông.
Xướng danh tên gọi trên mình tượng,
An yến xem ra có thịt công.
Cụ sứ có cô con gái đẹp,
Lăm-le xui bố cưới làm chồng.

(THI HƯƠNG TỰ TRÀO)

Số giải-ngạch trường Nam thường-thường chỉ-định là 50 thầy cử mà mình lại đội đến 50 thầy thì chắc là mình đậu dưới Tôn - Sơn rồi ! Vả lại khoa thi gồm cả - thảy bốn kỳ: mỗi kỳ có bốn dấu chấm (viên sơ-khảo chấm dấu son ta, phúc-khảo chấm dấu xanh, giám-khảo chấm dấu hồng-đơn, chánh-phó-khảo chấm dấu son tàu), vậy ai giỏi lắm cũng chỉ được 16 cái ưu là cùng. Thế mà ở đây, ông Tú bảo mình được 17 cái ưu thì nhất-định là nói ngông rồi. Đệ-nhất ngông là hai câu cuối. Ông có hỏng lần nầy kể ra cũng đáng. Ai lại làm một người học - trò đi thi mà còn để ý biết cô con gái cụ sứ là đẹp ! (1)

(1) Theo Trần Thanh-Mại thì khoa ấy được lấy đỗ 60 cử-nhân và 250 tú-tài, hoặc-giả có 10 ông cử thiêm-thủ chăng ? Như giải-ngạch cử - nhân khoa tân - mão (1891), cũng tại trường thi Nam-định, định lấy là 50 người, nghĩa là 25 thí-sinh trường Hà, 25 thí-sinh trường Nam, nhưng vì có ân-điển gia thêm 15 người nữa và sau khi quyển đã đệ bộ rồi, bộ duyệt quyển thấy còn năm quyển khá mới tâu lên xin lấy thêm năm cử-nhân nữa, thành-thử có năm người ở bảng tú - tài được thiêm thủ cử - nhân và khoa ấy số người đậu cử - nhân có tất cả đến 70. (Theo

(xem tiếp trang 102)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

BÊN LỀ CUỘC THI

Ông thi hỏng mãi mà những kẻ khác học-hành chẳng ra gì thì lại tranh nhau mà đỗ, mới thực nên căm. Cho nên ông không bao giờ tha-thứ bọn nầy. Dưới đây là những bài chửi mắng cay độc những kẻ vừa tốt số vừa không may ấy.

Cử-nhân cậu ấm Kỷ,
Tú-tài con đô Mỹ,
Thi thế cũng đòi thi,
Ôi khỉ ôi là khỉ !

(THAN SỰ THI)

Thi đậu là một dịp nở mày nở mặt và trả nợ sách đèn, nhưng các ông nầy có ngờ đâu họ sẽ còn trở thành bất-tử vì một bài thơ cỏn - con nầy của ông Tú. Cái may cái rủi chưa biết ở đằng nào. Dù sao, mua một cái cử-nhân tú-tài bằng một giá đắt như thế là một việc tưởng không phải ai cũng muốn làm.

Hai đứa tranh nhau cái thủ-khoa,
Đứa khoe văn hoạt đứa văn già.
Năm nay đỗ rặt phường hay chữ,
Kìa bác Lê kia cũng thứ ba !

(TRANH NHAU ĐỖ ĐẦU)

(Tiếp theo (1) trang 87)

Nguyễn-tường-Phượng : Khoa thi hương năm Tân-mão, tạp-chí Tri-tân số 78-79 và 80 năm 1943). Cũng có khi gặp quan trường quá khắc - nghiệt, số người lấy đậu lại dưới số giải-ngạch, tuy việc đó rất hãn-hữu, vì không ai muốn gây thù oán với đám sĩ-tử bao giờ. Như khoa đinh - dậu (1837) triều Minh - mạng, ở trường Nghệ, chánh-chủ-khảo là Lâm-Duy-Nghĩa, vốn có ác - cảm với sĩ - tử đất Hồng-Lam; nên chỉ lấy đậu có năm cử-nhân, trong khi giải - ngạch được đến 22 người. Vì vậy khi các quyển thi đệ về Kinh ngự - lãm vua thấy đất Nghệ xưa nay nhiều nhân-tài mà khoa ấy lại đỗ quá ít, mới cho phép các tú - tài cũng được dự khoa thi hội. Đó là một ngoại-lệ về việc thi và là một đặc-ân của nhà vua. (Theo Nhật-nham Trịnh-như-Tấu : Đình Nhật-Thận với khúc Thu dạ lữ - hoài, Tri-tân số 161-162 năm 1944).

Bài thơ nầy, ông Trần-thanh-Mại cho là ông Tú thi đậu, tức là đậu tú-tài khoa giáp-ngọ (1894), nhưng theo mạch văn chúng tôi đồng ý với Ô. Vũ-đăng-Văn trong «Thân thế và thơ văn Tú Xương» trang 57 mà nói rằng đây chỉ là một câu chuyện thi hỏng. Còn như nói số cử-nhân lấy đậu khoa ấy có đến 60 người chứ không phải 50: ông Tú nói đội 50 tức là còn nằm trong hàng 10 người sau cùng thì cũng không đúng sự thật, vì ta biết rằng ông Tú không từng đậu cử - nhân bao giờ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đây cũng là câu chuyện về khoa thi đinh-dậu (1897). Khoa ấy có ba người nổi tiếng hay chữ nhất trong đám sĩ-tử Bắc-hà là Nguyễn-Tuân (về sau làm Bố-chính Thái-bình), Lê Sĩ-Nghị và Phúc đều đáng đỗ thủ-khoa cả. Nếu ba người nầy mà chia nhau đỗ nhất nhì ba nhì còn phải nói gì. Khốn nỗi khi xướng danh thì Phúc chỉ đỗ thứ tư mà kẻ lọt vào thứ ba lại là anh chàng Lê-Tuyên, một anh chỉ nổi tiếng vì cái dốt ! (1) Vì vậy mà ông Tú mới vội-vã làm bài ấy để nói mỉa rằng Lê-Tuyên mà còn đỗ được thứ ba thì còn ai không đáng đỗ ! và hai ông Tuân và Nghị có đỗ nhất nhì cũng đừng hòng khoe mẽ với ai ! Thảo nào mà trong con mắt ông Tú họ chẳng là «hai đứa» thôi !

Thứ năm ông cử ấy là ai ?
Học-trò quan đốc Tả Thanh-oai.
Nghe tin cụ cố cười ha-hả,
Vứt cả dao cầu xuống ruộng khoai.

(CHẾ ÔNG CỬ)

Thứ năm ông cử ai làm nỗi,
Học-trò quan đốc ở Hà-nội.
Nghe tin bà cố cười khì-khì,
Đổ cả riêu cua xuống vũng lội.

(TIẾNG ÔNG CỬ)

Ông cử là học-trò quan đốc thì oai dứt đi rồi mà cụ cố mừng đến vứt cả dao câu, đổ cả riêu cua thực cũng là cái mừng hiếm có lắm vậy !

Tiến-sĩ khoa nầy đỗ mấy người ?
Xem chừng hay chữ có ông thôi,
Nghe văn mà gớm cho văn mãi,
Cờ biển vua ban cũng lạ đời !

(HỎI ÔNG TIẾN-SĨ MỚI ĐỖ)

Ừ nhỉ ! tại sao cờ biển là vật quí của vua ban cho những kẻ có tài lại cứ mon-men tìm đến những người chỉ nghe văn cũng đủ lợm giọng rồi nhỉ !

(1) Theo Vũ-đăng-Văn, sách đã dẫn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Giễu người thi đỗ chưa hả, ông còn giễu luôn cả người có con thi đỗ, sự thất-bại liên-tiếp nhiều khi gây cho người ta những phản-ứng lạ lùng không khỏi có điều bất-công và hẹp lượng. Và nếu cái thuyết cho rằng ông đậu tú-tài là nhờ ơn cụ Cao-xuân-Dục mà đúng, thì đó là cái may của ông, thế thì tại sao ông lại không bằng lòng cho kẻ khác cũng được dự đôi phần may-mắn ?

Làm thuốc như ông cũng có tài,
Thực là chăm-chỉ lại lanh trai.
Phen nầy mồ-mả nhà ta phát,
Thi cử hai con đỗ cả hai.

(MỪNG ÔNG LANG B...)

Theo lệ, các ông cử tân-khoa đều phải áo mão lạy các đại - diện Chính-phủ, những nhục-nhã thay, trong các vị đại-diện ấy lại có cả bà «quý phu-nhân» của một tên trùm thực-dân ! Từ trước đến bấy giờ có khi nào một «phu-nhân» lại được bén-mảng đến những chỗ trang-nghiêm nầy :

Một đàn thằng hỏng đứng mà trông,
Nó đỗ khoa nầy có sướng không ?
Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt,
Dưới sân ông cử ngỏng đầu rồng.

(GIỄU NGƯỜI THI ĐỖ)

Thật tội-nghiệp cho cái đầu rồng và cũng tủi hổ cho cái danh-hiệu cử-nhân ! Cái bà đầm có cái hậu-bộ bất-hủ nầy hẳn là một bà Jules Morrel hay Paul Doumer vậy !

Trong bài *Vịnh khoa thi hương* ông cũng dùng một luận - điệu tương-tự như thế, nhưng ở đây giọng trào - phúng đã giảm bớt đi mà giọng uất-phẫn lại tăng lên đến cực-độ.

Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
Lôi-thôi sĩ-tử vai đeo lọ,
Ậm-ọe quan trường miệng thét loa.
Xe kéo rợp trời quan sứ đến,
Váy lê quét đất mụ đầm ra.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sao không nghĩ đến điều liêm-sỉ,
Ngoảnh cổ mà trông lại nước nhà !

Nhưng ghét những kẻ bất-tài thi đỗ bao nhiêu thì ông lại càng chúa ghét những kẻ bất-tài vô-học mà được làm giám-khảo hoặc giữ một chức-vụ gì khác trong chỗ trường-ốc :

Sơ-khảo trường Nam bác cử Nhu,
Thật là vừa dốt lại vừa ngu.
Văn-chương nào phải là đơn thuốc,
Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu.

(ÔNG CỬ NHU)

Chỉ vì cái ông Phó Huy-Nhu (1) được cử làm sơ-khảo nầy là một chưn cử-nhân tại quán, vốn làm nghề buôn thuốc bắc đã có cái thói quen khuyên vào các đơn hàng để cho biết là đã nhận đủ mỗi khi có hàng đưa tới. Chấm bài mà chỉ cứ việc khuyên bừa-bãi vào như khuyên đơn lãnh hàng thì thật là làm tội văn-chương ! Hỏng đã là một điều đau xót, nhưng càng đau xót hơn là bài mình bị chấm bởi một kẻ dốt thua mình. Đành rằng các ông chấm trường đều là hạng cao khoa cả, nhưng các ông có giỏi bất-quá cũng được một lối văn cử-tử thôi, chứ kể thực tài thì đã chắc ăn đứt được ai !

Thánh ép ông vào chủ việc thi,
Đêm ngày coi sóc chốn tràng-quy.
Chẳng hay gian dối vì đâu vậy ?
Bá-ngọ thằng ông biết chữ gì !

(ÔNG HUYỆN)

Ông Vũ đặng-Văn giảng-nghĩa bài nầy như sau : «Ngày xưa giữ tràng quy phải xin âm - dương, thánh có cho mới được. Ông huyện nói trên được giữ trường, nhưng lại dốt, thành có nhiều sự gian dối». Theo chúng tôi, bài nầy chưa được rõ nghĩa. Trường-quy là những phép tắc ở chỗ trường thi, thì sao lại nói là «chốn trường - quy» ? Và ông huyện đã giữ chức-vụ gì trong trường thi ? Nếu là có phận-sự kiểm-soát cuộc thi, thì ở nội-trường có chức ngự-sử, ở ngoại-trường có chức chưởng-ấn, thường

(1) Ông nầy quán làng Đa ngưu, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, đậu cử - nhân thứ 36 năm 33 tuổi, khoa tân-mão (1891) và chỉ có hàm cửu-phẩm văn-giai.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

là những người hay chữ cả. Nếu ông huyện giữ chức đề - tuyển coi việc rọc-phách thì chính là hay chọn những người ít chữ nghĩa chứ. Thế mà trong khoa tân-mão ở trường Nam, trong hai ông Đề - tuyển lại có ông Lê-ngọc-Chức là cử-nhân xuất-thân ! Một ông huyện thì sao lại đến nỗi không biết một chữ gì ? Vả lại quan trường thường lựa trong giáo-ban hơn là trong chính-ban và đều do Triều - đình cử ra thì còn việc xin âm-dương gì nữa ?

Nhưng thi hoài hỏng mãi, đau ngấm đau ngầm bao nhiêu và đã tự nhủ mình rằng «toi cơm tốn vải hại mà thôi !» ông Tú cũng không thể đoạn-tuyệt được với nghề thi cử. Khoa kỷ-dậu (1909), phép thi đổi mới hẳn, nhưng ông chỉ nghe nói đến thôi, vì đến khoa ấy thì ông đã thành người thiên - cổ rồi. Và khoa ấy cũng là khoa thi-sĩ Tản-Đà vào lọt được đệ-nhất-trường.

Nghe nói khoa sau sắp đổi thi,
Các thầy đồ cố đỗ mau đi.
Dẫu không bia đá còn bia miệng,
Vứt bút lông đi giắt bút chì.

(ĐỔI THI)

Dầu không đỗ đại - khoa, tên được khắc vào bia đá dựng ở nhà văn-miếu thì gắng cạy-cục lấy một cái cử - nhân tú - tài cũng còn được miệng người nhắc-nhở đến. Tuy vậy, khuyên người khác cố đỗ mau đi, còn riêng ông thì ông cũng không hy - vọng gì mấy nữa, chả thế mà ông lại phải van với bà Tú :

Mợ bảo văn tây học khó gì,
Cho tiền cho gạo để đi thi.
Thôi thôi lạy mợ xanh-căng lạy,
Mả tổ nhà tôi thiếu bút chì !

(ĐƯA VỢ)

Bài thi đổi mới : bỏ hết phú và kinh-nghĩa. Kỳ đệ - nhất phải làm năm đạo văn-sách, kỳ đệ - nhị hai bài luận chữ nho, kỳ đệ - tam hai bài luận quốc-văn và kỳ phúc - hạch có một bài luận chữ nho và một bài luận quốc-văn. Khoa sau là khoa nhâm-tý (1912), kỳ đệ-tam lại có cả một bài pháp-văn, nhưng chưa bắt-buộc ai cũng phải làm. Làm luận quốc-văn, thì họa có bọn tân-học và thông ký mới có xơ múi, chứ đối với các nhà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nho cũ chưa quen lối hành-văn mới thì hy-vọng mỏng-manh lắm. Người ta thuật chuyện rằng có ông vào trường không sao viết được chữ « o » phải dùng tháp bút chấm mực và ấn một vòng tròn vào quyển ! Nhưng cũng liều vậy, miễn nhà nước còn mở khoa thi thì việc gì đã ngã lòng vội ! Các nhà nho sống dưới chế-độ cũ, không thi cử đỗ đạt thì còn mong nỗi gì. «Công-danh ai dứt lối nầy cho qua» ! Bởi vậy :

Nhà nước còn thi hãy cứ thi,
Việc gì mà chẳng rủ nhau đi.
Sử-đề theo sách quan Ngô Giáp,
Toán-pháp thêm bài hội Trí-tri.
Muốn sống phải chăm mài bút sắt,
Cho mau chớ chậm đỗ hòn chì.
Đỗ đầu hết cả nhà thông ký,
Phận của nhà nho có một ly.

(BẢO HỌC-TRÒ ĐI THI)

Muốn học sử đã có quyển Việt-sử bằng chữ hán rất tốt của cụ cử Ngô Giáp-Đậu (1) và muốn học toán thì hội Trí-tri đã có bày lớp dạy ban đêm đó.

Rải-rác trong các bài thơ khác của ông, ta còn tìm thấy nhiều câu liên-quan đến việc thi cử :

Văn-chương ngoại-hạn quan không chấm

(GẦN TẾT THAN VIỆC NHÀ)

làm lúc ba mươi mốt tuổi, vì trong ấy có câu : « ba mươi mốt tuổi đà bao chốc» ;

Ví dù thi đỗ làm quan lớn

(NGẪU HỨNG)

làm lúc ngoài ba mươi tuổi, vì có câu : «xấp-xỉ ba mươi mấy tuổi đầu»

(1) Người làng Tả Thanh-oai, huyện (nay là phủ) Thanh-oai, trước thuộc Hà-nội hay thuộc tỉnh Hà-đông, đậu cử-nhân khoa tân-mão (1891) năm 39 tuổi, làm quan đến chức đốc-học.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Khoa nầy thi hỏng khoa sau đỗ,
Chẳng những Lương-đường có thủ-khoa.

(THAN THÂN)

làm năm ba mươi ba tuổi. vì có câu : « tính tuổi nhà thầy ba lẻ ba ». (Làng Lương-đường ở Hải-dương là một làng có tiếng về văn-học và có nhiều người đỗ đại-khoa).

Văn-chương liều-lĩnh đấm ăn xôi

(THAN ĐẠO HỌC)

có ý than phiền những kẻ nịnh-nọt, làm bài chỉ cốt lấy lòng quan trường cho được đỗ.

Khi ngồi khi khóc khi than thở,
Muốn bỏ văn-chương học võ viền.

(HỮU CẢM)

Ngồi buồn thì nói chơi vậy, chứ ông cũng tự cho mình « văn dốt vũ dát», giá « võ có giỏi đã ra giúp nước, khố đỏ khố xanh».

Còn có câu :

Mấy khoa hương-thi không đâu cả,
Ba luống vườn hoang bán sạch rồi,

mà ông Lê-Dư đã in vào *Vị-xuyên thi-văn-tập* dưới đầu đề là « Tự - thán » thì thật ra không phải của Tú Xương mà là của Nguyễn - Khuyến. Trong *Quế-sơn thi-tập* (1) bài nầy đã được đặt vào dưới mục thứ 10, cùng với mấy bài làm trong lúc hàn-vi, và nhan đề là « Vị-đệ tự-trào » (chưa dỗ tự cười mình). Bài ấy là một bài thủ-vĩ-ngâm và có nhiều chỗ khác với bài của ông Lê-Dư sao lục, xin chép lại dưới đây :

Nghĩ tôi tôi gớm cái thằng tôi,
Tuổi đã ba mươi lẻ một rồi.

(1) Quế-sơn thi tập bản in quốc-ngữ trong quyển «Thơ nôm quan Tam-nguyên Yên-Đổ», quyển thứ nhất, Nam-anh thư-quán Hà-nội, 1927, người biên-tập là Song-an Nguyễn-thanh-Đàm, cháu nội cụ Yên-Đổ,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Gạo cứ lệ thường đong bữa một,
Vợ quen lối cũ sổ năm đôi.
Năm khoa thi cử không đâu cả,
Bốn miếng vườn hoang bán sạch rồi.
Mang tiếng học-trò lừng vũ-trụ.
Nghĩ tôi tôi gớm cái thằng tôi.

Vì trong bài nói chuyện năm khoa thi không đỗ, và giọng thơ cụ Yên-đồ, cũng hơi giống ông Tú, nên người ta đã nhận lầm là của ông vậy. Nhưng vẫn có một điều khó hiểu là khoa giáp-tí, niên hiệu Tự-đức thứ 17 (1864), tức là năm Nguyễn - Khuyến 30 tuổi, cụ đã đậu giải - nguyên thì sao đến năm 31 tuổi lại còn nói rằng «năm khoa thi cử không đâu cả ?» Phải chăng vì cụ Yên-đồ cùng đi thi với cha từ năm 17 tuổi, đến khi đậu tính ra đã hỏng năm khoa liền ? Nhưng còn hai chữ «vị-đệ» ?

Phê-bình thái-độ của Tú Xương trong câu chuyện khoa - cử, ông Phan-Khôi (1) viết rằng :

«Cứ theo mấy bài thơ của ông đó mà xét thì chúng ta sẽ biết ông Tú Xương đối với khoa-cử có cái thái-độ mơ-hồ khó thấy lắm. Làm sao một người có chí-khí, có tư-tưởng, khinh bỏ sự hư - vinh, nhớ đến điều tu-sỉ, mà đến lúc có khoa lại cũng mang lều mang chiếu như kẻ khác ? Thứ nhất khó-hiểu là sau khi thi rớt cũng lại buồn rầu bực tức, đến nỗi than van rằng « trăm năm thân-thế có ra gì » ! Nếu vậy ông Tú cũng nhìn chỉ có một đường khoa-cử mới đủ tiến thân thôi, ngoài ra không còn cách gì để tự-lập ở đời hay sao ? Lấy nghiệm - cách mà nói thì cái thái-độ của ông lại mâu-thuẫn nữa.

«Người ta nhiều khi ở ngoài vòng danh-lợi thì coi nó là bạc, song đến khi vào trong rồi lại cũng mê đi mà lấy đắc-thất làm quan-hoài như kẻ khác. Hoặc-giả ông Tú Xương cũng vậy».

Ô. Nguyễn - tường - Phượng, bàn về chế - độ khoa-cử vào thời Tú - Xương (2) cũng viết rằng :

«Khi trước sĩ-phu trong nước, chỉ có một lối xuất-thân là thi đỗ làm quan, ai có đi qua đường ấy mới gọi là chính - đồ, rồi cả một đời vinh-hoa cũng là nhờ ở đấy. Bởi vậy từ trẻ đến già chỉ xu-hướng lối học

(1) Chương-Dân thi thoại, Đắc-lập Huế, 1936, trang 57.
(2) Theo Nguyễn-tường-Phượng, bài đã dẫn trên.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

từ-chương, tầm-chương, trích-cú, lại còn say-mê bằng vàng, bia đá đến nỗi có người long-đong cả một đời không giúp ích gì được cho nước cả!

«Cổ-nhân cũng đã nhận thấy cái tệ của khoa-cử nên trong *Hạnh-am văn-tập* xử-sĩ La-Sơn là Nguyễn-Thiệp đã than rằng: «Cái học chân-chính thì thất-truyền, người ta đua nhau đổ-xô theo thói từ-chương danh-lợi.»

«Nhưng nếu ta chỉ một mực chê trách khoa-cử chưa hẳn đã là công-bình, vì trải qua bao nhiêu triều-đại phải chăng nhờ có khoa-cử lựa lọc nhân-tài, đào-tạo sĩ-phu mới có những người trọn được tiết-tháo vẹn được cương-thường, xa như: Mạc-đĩnh-Chi, Chu-văn-An, Nguyễn-bỉnh Khiêm, gần như Nguyễn-công-Trứ, Phan-thanh-Giản, Hoàng-Diệu, thế thì khoa-cử không phải là không có ích.

«Cho nên khen hay chê là quyền ở công-luận, nhưng nên tùy từng trường-hợp, chí-hướng, tại người, phải đâu tại việc, qui tội cho khoa-cử thì sự phán-đoán chưa hẳn đã đúng vậy!»

Nói tóm lại, từ Cao-bá-Quát đến thi-sĩ Tản-Đà, những kẻ khốn-khổ điêu-đứng với món nợ lều chõng không phải có một người nhưng chưa có ai nói về chuyện thi cử nhiều như Tú Xương, chưa có ai diễn-tả được cái tình-cảnh chua cay của người thi hỏng như ông, cũng như chưa có ai phơi trần được hết cả những sự oái-oăm may rủi thường gặp trong các khoa thi. Đời ông là một đời hy-sinh cho khoa-cử. Bàn đến những thơ văn có liên-quan đến việc thi, người ta phải nghĩ ngay đến ông và ta có thể bảo rằng ông là một sử-gia đau-khổ của nghiệp thi-cử trong thời-đại giấy bản mực tàu.

Để cho có đủ tài-liệu về Tú Xương với câu chuyện thi cử, dưới đây xin phụ chép thêm mấy bài chưa được nói đến trên nầy:

NÓI ĐỒN ÔNG CỬ

(Ông nầy tên là Ba-ba)

Cửa Vũ ba nghìn sóng nhẩy qua,
Ai ngờ mũ áo đến ba-ba!
Đầu như lươn đất mà không lấm,
Thân tựa xà hang cũng ngó ra.
Dưới nước chẳng ưa ưa trên cạn,
Đất sét không ăn ăn thịt gà.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tuy rằng cổ rụt mà không ngỏng,
Hễ cắn ai thì sét mới tha.

GỞI BẠN THÂN

Ông có đi thi ký-lục không ?
Nghe ông quốc-ngữ đọc chưa thông.
Ví dù nhà nước cho ông đỗ,
Thì hạng lương ông được mấy đồng ?

ĐI THI GẶP BẠN

Kể tuổi nhà men (1) *ngoại bốn mươi,*
Văn men khấp-khểnh học men lười,
Ba năm một hội thi cơm rượu,
Bốn bể nhiều anh góp nói cười.
Bảng hổ bảng mai nghiêng mắt cả,
Chợ Rồng Chợ Bến dạo xe chơi (2).
Văn-chương chẳng thấy kêu rằng tốt,
Chỉ tốt hai làng lúa mạ thôi.

NGÓN CHẦU

Có phải rằng ông chẳng học đâu.
Mỗi năm ông học một vài câu.
Ví dù ông mở khoa thi trống,
Lạc-nhạn xuyên-tâm đủ ngón chầu. (3)

PHAN-VĂN-DẬT

(1) Ông bạn nầy vốn là một đồ-đệ của Lưu-Linh và cô mỹ-hiệu là Ma-Men.
(2) Chợ Rồng và Chợ Bến-củi là hai chợ ở Nam-định.
(3) Lạc-nhạn, xuyên-tâm là hai lối đánh chầu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Mấy tư-tưởng về ý-thức chính-trị

TRẦN - VĂN - TOÀN

VIẾT bài này chúng ta không có tham-vọng trình-bày một lý-thuyết về tổ-chức chính-trị qua các thời-đại, để rồi phê-bình từng chế-độ. Vì lẽ rằng nếu những chế-độ ấy đã xuất-hiện trong lịch-sử, thì chính đó là bằng chứng cho sự hợp-thời của nó. Chúng ta hiểu tiếng « hợp-thời » theo nghĩa rằng : nếu những chế-độ ấy có, tức là vì ý-thức chính-trị người ta kêu-cầu đến nó. Hơn nữa phê-bình như thế rất khó, vì chúng ta không có một cái gì làm tiêu-chuẩn tuyệt-đối. Những tiếng như công-lý, dân - chủ v.v... đều có nghĩa tương-đối. Và mỗi khi phê-bình như thế, chúng ta phải đứng ra bên ngoài tình-thế, và dự-phóng một chế-độ lý-tưởng. Nhưng cái lý-tưởng mà chúng ta được dự-phóng lại tùy-thuộc vào tình-thế của chúng ta, nghĩa là không tuyệt-đối. Chúng ta biết, các triết-gia Hi-lạp có thể kể là những người đầu tiên dùng lý-trí để khảo-sát hiện-tượng chính-trị : họ tìm hiểu vì sao có xã-hội chính-trị, và chính-trị phải theo đuổi mục-đích gì. Họ nhận xét rằng chính-quyền có thể tổ-chức theo ba kiểu : cả dân, một nhóm người hay một người cầm quyền, và kiểu nào cũng có sở-trường, sở-đoản. Thế nghĩa là không kiểu nào hơn kiểu nào cả, và kiểu nào cũng có giá-trị nếu vận-chuyển theo đúng mục-đích của nhà nước và theo đúng công - lý. Quân-chủ mà tránh được độc-đoán, thì có lợi cho xã-hội hơn là dân-chủ suy-đồi không ai bảo nổi ai.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Mục-đích của nhà-nước, công-ích, công-lý, đó là những tiêu-chuẩn để phê-bình các chế-độ nhà-nước. Không những các triết-gia Hi-lạp đã suy-luận về nhà-nước theo đường lối đó, mà còn bao nhiêu thế-hệ cũng theo một luận-điệu ấy. Các nước Âu-Mỹ cũng như các nước Cộng-sản, đều cho chế độ mình là hơn. Bằng chứng của họ là những thành-tích về kinh-tế, về văn-hóa họ đã thâu nhận được. Và nếu đã đứng trong cách lập-vấn của các triết-gia Hi-lạp, thì khó có thể nói ai hơn ai kém, vì đường nào đưa đến mục-đích cũng là tốt cả. Có một yếu-tố mà hình như nhiều người quên là yếu-tố chủ-thể trong chính-trị. Họ luận-lý về nhà-nước như thể những người sống trong xã-hội chỉ là đối-vật, chỉ là những quân cờ cho nhà cầm-quyền hay cho những mãnh-lực bí-ẩn xúi-đẩy, để tới một mục-đích đã nhằm, chứ không phải là vai chủ-động. Yếu-tố ấy, cách-mạng Pháp 1789 đã nêu ra, và các triết-gia chính-trị thế-kỷ trước, kể cả Karl Marx, cũng đều nói đến : đó là ý-thức dân-chủ. Con người không phải là đối-vật của lịch-sử, nhưng đóng vai chủ-động, làm chủ vận-mệnh của mình chứ không chịu giao vận-mệnh mình cho người khác. Đó là ý-thức chính-trị trưởng thành. Vì thế chúng ta không phân tách thế nào là công-ích, thế nào là công-lý, để phác-họa một lý-thuyết về nhà-nước. Như thế sẽ không đi đến đâu cả. Không phải là vì suy-luận như thế là thất-cách, nhưng là vì lý-thuyết ấy chỉ có một giá-trị mô-thức và có thể phát-sinh ra nhiều chế-độ tương-phản, tùy mỗi người hiểu thế nào là công-ích, là công-lý, và tùy vào quan-niệm nhân-sinh người ta chọn.

Chúng ta không làm như thế, vì vấn-đề chính-trị không thể được đề-cập đến bên ngoài vấn-đề nhân-sinh, một cách trừu-tượng không ăn rễ vào tất cả đời sống. Như chúng ta đã có dịp đả động đến trong bài « *Thân phận làm người* » (ĐẠI-HỌC, số 4-5) ; người ta sống tức là có liên-lạc với thiên-nhiên (kinh-tế) và với người khác. Liên-lạc với người khác ở bình-diện phổ-biến là chính-trị, liên-lạc cụ-thể và thân-tình là bằng-hữu và ái-tình. Liên-lạc chính-trị bao giờ cũng giao-thoa với liên-lạc kinh-tế, và bao giờ cũng đi song song với liên-lạc thân-tình, vì cả hai cùng là thái-độ của người đối với người. Vì thế các biến-cố trong hai liên-lạc kia đều có âm-hưởng trên bình-diện chính-trị.

Nhưng chúng ta sẽ làm gì trong bài này ? Thực ra viết bài này, cũng như những bài về Lý-tính, về Tự-do, chúng ta không bao giờ lầm tưởng rằng viết như thế là đề-cập được toàn-diện vấn-đề. Chúng ta chỉ có ý đưa ra một vài tư-tưởng mà chúng ta suy-luận trong một quan-điểm, để rồi lại đứng trong quan-điểm khác để nhằm thực-tại, và sau khi đã đối chiếu với

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhiều quan-điểm khác, chúng ta tới được gần thực-tại, gần những quan-niệm phổ-biến hơn. Như thế chúng ta mong tránh được những lối độc-đoán về tư-tưởng và các kết-quả khốc-hại của nó. Nói thế khác : tư-tưởng một cách dân-chủ và cởi mở, tư-tưởng với những người cùng sống với ta.

Chúng ta nói : vấn-đề chính-trị không thể được đề-cập một cách trừu tượng bên ngoài vấn-đề nhân sinh. Hơn nữa ý-thức chính-trị vẫn đi song song với ý-thức con người về các mối tương-quan khác.

Liên-lạc chính-trị là liên-lạc giữa người với người trên bình-diện phổ-biến. Trong xã-hội của bộ-lạc cũng như trong các xã-hội đã có thống-nhất, bao giờ cũng có một người hay một giai-cấp đứng đầu. Họ vượt lên trên bình-dân, không những vì họ có vũ-lực, mà còn vì họ có kiến-thức thần-bí để điều-khiển các lực-lượng thiên-nhiên và siêu-nhiên. Đứng ở địa vị ấy họ coi những người ở dưới quyền của họ là như đồ-vật, như tài-sản của họ. Ông lạc-tướng giầu mạnh là người có nhiều đất, nhiều dân, nhiều vợ. Liên-lạc giữa người với người được tổ-chức theo như liên-lạc với đồ vật : đó là liên-lạc chiếm-hữu. Muốn chiếm-hữu một mảnh đất hay một đồ vật, người ta đưa lao-động của mình vào mảnh đất hay đồ vật ấy, để chúng đeo lấy một hiện-diện của chủ-nhân. Chiến-tranh giữa các chi-tộc là nhằm sự chiếm-hữu đất-đai tài-sản, và hơn nữa còn nhằm chiếm-hữu cả người chi-tộc khác. Những người này sau khi bị bắt, bị chiếm-hữu, thì biến thành tài-sản của nhà vua hay của người đã chinh-phục được họ. Ngay đến những liên-lạc mà ta cho là vật thân-tình giữa người với người, như liên-lạc giữa vợ với chồng, cũng theo một khuynh-hướng ấy. Người đàn ông giầu mạnh thì tìm cách chiếm-hữu nhiều đàn bà. Trong nhiều dân-tộc, người con gái trước khi về nhà chồng, phải đến cho ông lạc-tướng « chiếm-hữu ». Sau khi đã bị chiếm-hữu, người vợ là vật sở-hữu của người chồng. Động đến người vợ cũng là động đến tài-sản của người chồng. Và dù chúng ta không nói đến tôn-giáo, thì cũng vẫn hiểu được vì sao trong nhiều bộ-lạc, người ta phạt tội ngoại tình rất nặng : ngoại-tình tức là phạm đến quyền tư-hữu của người chồng ! Người ta có thể đem thê-thiếp hay con gái ra để « tiếp» khách, để « tiếp » quan trên cũng như người ta có thể làm quà một cây cảnh hay một đồ vật khác. Đọc lại lịch-sử Việt-Nam, ta thấy vua nước ta phải đem lễ vật để triều-cống vua Trung-quốc : trong các lễ vật đó, ngoài các đồ vật quí như ngà voi, ngọc, vàng, ta còn thấy có một số thợ chuyên-môn mà một số con gái đẹp. Trái lại khi vua Việt-Nam giầu mạnh thì cũng bắt vua Chiêm-thành triều-cống như thế. Thế nghĩa là chúng ta vẫn còn gặp thái-độ của kẻ khỏe coi người yếu như đồ vật trong quyền sở-hữu của mình.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vua quan nuôi lính để giữ đất, cũng như nuôi chó giữ nhà, những tú-bà vun hoa để đón bướm, cũng như nuôi ong để lấy mật. Trong tất cả các liên-lạc ấy người yếu chỉ là một đồ vật trong tay người khỏe ; pháp-luật chưa phải là cái gì phổ-biến mọi người công nhận, nhưng là luật người khỏe ra cho người yếu, để địa-vị và tài-sản của họ được bền vững.

Nếu chúng ta kết luận rằng ở trong những chế-độ ấy chưa có liên-lạc chính-trị, nghĩa là người ta chưa có ý-thức chính-trị, thì sẽ có người cho là kỳ-cục. Họ sẽ nệ vào mấy mươi thế-kỷ lịch-sử vạn-quốc để bài-bác luận-đề của ta. Nhưng thực ra, nếu chúng ta tìm hiểu liên-lạc chính-trị là liên-lạc giữa người với người, trong đó người ta nhìn nhận nhau là người, có nhân-cách, có vận-mệnh, có tự-do như nhau, biết kính-nể nhau và đem lòng kính-nể ấy viết vào pháp-luật, thì thật là chúng ta phải hoài nghi. Mấy mươi thế-kỷ lịch-sử vạn quốc, chiến-tranh giữa người và người, các thứ hòa-ước, phải chăng đã là hiện-thân của ý-thức của người kính nể người? Hay là cuộc tranh lộn để coi nhau là đồ vật ? Đế quốc Roma cũng như đế quốc Tàu, bao trùm một số rất đông dân-cư dưới một pháp-luật thống-nhất, nhưng những người sống trong đó có phải là những công-dân bình-đẳng, hay chỉ là đầy tớ để cầy đất cho vua quan. Phải, bao lâu người ta chưa coi nhau là bình-đẳng thì chúng ta phải rất dè dặt khi dùng tiếng « ý-thức chính-trị ». Và chúng ta hiểu ý-thức chính-trị cũng là ý-thức dân-chủ.

Nói như thế chúng ta cũng không khờ đến nỗi cho rằng từ xưa đến nay lịch-sử chỉ là giai-cấp tranh-đấu, hòa-bình và pháp-luật chỉ là cuộc đình chiến, cho đến khi một bên khỏe hơn để phá đổ thăng-bằng. Vì thực sự giai-cấp tranh-đấu là một ý-thức mới mẻ về địa-vị và nhân-cách của những người có óc dân-chủ bình-đẳng muốn phá đổ những cái bất bình-đẳng trong xã-hội. Đem ý-thức mới mẻ ấy để cắt nghĩa cổ-sử, thiết tưởng là thiếu am hiểu tính-cách lịch-sử (historicité) của ý-thức cũng như của nhân-sinh. Chúng ta không đơn-sơ đến nỗi cho rằng từ xưa đến nay người cầm quyền vẫn coi người dân là đồ-vật, và ra những đạo luật tàn-bạo để trị họ. Chúng ta không bảo rằng vợ chồng đối với nhau vẫn theo liên-lạc chiếm-hữu. Vì ai cũng biết rằng đời xưa có những vua tốt biết thương dân, ai cũng nói đến thời vua Nghiêu vua Thuấn như một thời thái bình thịnh-trị. Khi đọc bài thơ của Ngọc-Hân công-chúa khóc vua Quang-Trung, hay bài thơ vua Tự-Đức (?) khóc Bằng-phi, chúng ta thấy tình nghĩa vợ chồng thật là tha-thiết. Người Tàu đô hộ nước ta, lịch-sử cho là rất tàn bạo, tuy nhiên ai cũng nhắc đến những tên như Sĩ-Nhiếp v. v... Và hơn nữa ngay trong đời sống

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thường nhật chúng ta thấy rằng người ta đối với nhau có lễ nghĩa, chứ không phải chỉ tìm cách hại nhau. Nói rằng người ta vẫn coi nhau là đồ-vật, và giai-cấp tranh-đấu là máy quay lịch-sử, thì là không đúng với thực-tế, nếu không phải là thiếu lương-thiện.

Nhưng đàng khác, chúng ta cũng không thể không nhận rằng : lịch-sử của liên-lạc giữa người với người vẫn có một yếu-tố bạo-động, và vẫn có người tìm cách lợi-dụng và điều-khiển người khác như một đồ vật. Tuy nhiên chúng ta không thể nhận thực-tại đó là độc nhất, vì nhận như thế tức là nhận rằng lịch-sử, cũng như liên-lạc giữa người với người chỉ là bạo-động vô-lý. Một cái phiền hơn nữa là : nếu nhận như thế, chúng ta không thể nào hiểu được vì sao có nhiều người vẫn vui sống ở trong những chế-độ mà ta cho là không dân-chủ. Và đây là một vấn-đề cần phải tìm hiểu.

Chúng ta cần phải hỏi ngay : vì sao lại có những thái-độ tình-nghĩa và tử-tế trong những xã-hội mà người trên có thể coi người dưới như vật sở-hữu và có thể ra luật như mình muốn ? Nói thế khác : cái gì đã có thể hạn chế lòng tham-tàn bạo-động của người khỏe ? Chúng ta có thể trả lời : người khỏe cũng là người như ai, và cũng cần liên-lạc với người khác một cách cụ-thể và thân-tình. Tuy nhiên nhu-cầu ấy vẫn không đủ sức quyến rũ người ta coi mọi người là bình-đẳng. Chúng ta không thể nói rằng pháp-luật hạn-chế lòng tham-tàn, vì pháp-luật là do người khỏe ra cho người yếu để bảo-vệ quyền-lợi mình, chứ chưa phải những luật mà mọi người đồng ý, như trong xã-hội dân-chủ. Và hơn nữa pháp-luật chỉ có thể hạn-chế lòng ích-kỷ, nếu hai bên cùng đồng-ý ký-kết và coi nó là một thành-tích của lý-tính trong con người thắng nổi được thú-tính tàn-bạo. Nếu pháp-luật chỉ là một cuộc đình-chiến, để rồi ai khỏe hơn sẽ phế bỏ nó để ra luật của kẻ khỏe, lấy lẽ rằng pháp-luật trước là phản-động, thì đó chỉ là vẻ hề pháp-luật, nghĩa là người khỏe vẫn chưa thắng nổi được thú-tính vũ-phu để tới lý-tính phổ-biến.

Nhu-cầu giao-ngộ và pháp-luật chưa cắt nghĩa nổi vì sao con người có thể hạn-chế lòng tham, chính trong lúc mình có đủ phương-tiện để tàn-bạo. Đến đây, chúng ta không thể không nói đến hệ-thống tam-cương ngũ-thường của Khổng-học, cũng như đến các hệ-thống luân-lý trong các tôn-giáo. Khi từ dân đến vua ai cũng có một tôn-giáo hay một hệ-thống luân-lý, thì tôn-giáo và luân-lý như là tiêu-chuẩn từ trên xuống để kiểm-soát hành-động người cầm quyền và để hạn-chế dục-vọng tham-tàn. Khi trong nước được thái-bình thịnh trị thì là vì vua quan biết ăn ở có đức-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hạnh, biết làm đúng bổn-phận, biết thương dân. Và hạnh-kiểm của vua quan là gương cho thần-dân soi. Khi vua chúa bất-luân thì trong nước sinh ra rối loạn. Và khi có ai muốn đánh đổ nhà vua, thì phải nhằm lúc nhà vua ăn ở vô-luân, sao-nhãng việc triều-chính, để có thể nói rằng nhà vua làm trái mệnh trời. Nếu đặt phú-cường và thái-bình làm mục-đích cho xã-hội thì chế-độ quân-chủ hay độc-tài có thể là rất tốt, nếu có tôn-giáo hay luân-lý kiểm chế hành-động người cầm quyền. Hành-động con người có thăng bằng, và vì thế ta hiểu : những người có tôn-giáo không thấy cần phải đổi chế-độ quân-chủ, nếu người đứng đầu là một người có luân-lý, có tôn-giáo. Người ta tưởng rằng hễ ai có đức-hạnh thì sẽ là vua tốt, hay là quốc-trưởng tốt, y như Platon xưa cho rằng các triết-gia phải đứng đầu các quốc-gia.

Đến đây thì chúng ta thấy mỗi chế-độ có thăng-bằng và có hợp-lý theo một kiểu. Ở những chế-độ quân-chủ độc-tôn tuy nhà cầm quyền có đủ vũ-lực để đè-nén người dưới, nhưng hành-động của họ bị kiểm-soát do tôn-giáo và luân-lý. Chính vì thế mà xã-hội có thăng-bằng. Nhưng chỉ cần bỏ một yếu-tố thì xã-hội ra rối loạn. Khi người ta không còn tin tưởng gì ở tôn-giáo và luân-lý thì sức mạnh của nhà cầm quyền sẽ không còn gì kiểm-soát, và kết-quả là sự áp-bức nhân-dân, như chúng ta thấy trong lịch-sử đã nhiều. Đành rằng tôn-giáo là một thái-độ siêu-việt, nhưng trong tình-trạng tổ-chức quân-chủ, thì tôn-giáo cũng như luân-lý, đã kiểm-soát và hạn-chế lòng tham-bạo và ích-kỷ của nhà cầm quyền. Nếu có truyện áp-bức nhau thì không phải là vì tôn-giáo hay luân-lý dạy như thế, nhưng là vì người ta quí dục-vọng hơn tôn-giáo và luân-lý. Có nhiều người lấy tiếng khoa-học để khảo-sát văn-minh, họ nhận xét thấy rằng lịch-sử là một chuỗi bạo-động, và đồng-thời những người sống trong bạo-động có tin tưởng vào một tôn-giáo, và họ kết-luận một cách hữu-ý hay vô-ý rằng tôn-giáo là thuốc phiện ru cho dân ngủ và cam chịu cho người ta đè nén. Nhưng một người có lương-trí phải nhận rằng người ta sống với nhau không phải chỉ là bạo-động, là giai-cấp tranh-đấu. Đàng khác nói rằng hai yếu-tố cùng có trong một thời-gian, phải có liên-lạc nhân-quả trực-tiếp với nhau, là thiếu khoa-học. Thí-dụ, thời Spinoza viết triết-lý, thì dân Hòa-lan buôn lúa mì ; giữa hai sự-kiện đó ta không thể đặt một liên-lạc nhân-quả, như thể triết lý Spinoza là thượng-tầng kiến-trúc của việc buôn mì. Những lối viết lịch-sử như : « Kant là tiêu-biểu cho tiểu-trưởng-giả bất lực trước tình-thế chính-trị và quay đầu vào thế-giới tư-tưởng phóng-khí », hay : « triết-lý của Sartre là tiêu-biểu cho tiểu-trưởng-giả thất-vọng trước cách-mạng nhân-dân, và quay ra tìm khoái-lạc, vì biết rằng sau cách-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mạng nhân-dân giai-cấp họ sẽ tiêu-tan », hay : « đạo Thiên-Chúa là ý-thức của nô-lệ trong đế-quốc Roma, tìm bình-đẳng ở một thế-giới bên kia, và đồng-thời để cho nô-lệ an vui không lật đổ chính-quyền », tất cả những luận-điệu ấy chỉ là những luận-điệu tuyên-truyền và không có bằng chứng. Viết như thế thì là không hiểu gì về tôn-giáo và luân-lý, nếu không phải là thiếu khoa-học. Và thực ra nếu người ta cho tư-tưởng chỉ là cái bóng của tổ-chức lao-động, thì sẽ không có cách nào để hiểu tôn-giáo và luân-lý. Chúng ta sẽ có dịp bàn tới vấn-đề tư-tưởng và nhân-sinh.

Chúng ta vừa nói, nếu mất lòng tin-tưởng vào tôn-giáo và luân-lý thì xã-hội quân-chủ sẽ mất thăng-bằng. Vua quan không còn gì để kiềm-chế dục-vọng và sẽ đè nén dân một cách tàn-nhẫn. Chính lúc còn tin-tưởng, nhà cầm quyền nhiều khi khó chịu vì bị tôn-giáo và luân-lý cản trở, không cho bạo-động để thỏa-mãn dục-vọng một cách ích-kỷ. Họ có thể đòi các đạo-trưởng phải tìm cách cắt-nghĩa tôn-giáo cho hợp với dục-vọng của họ ; hay có thể đòi tách tôn-giáo ra khỏi đời sống của nhà-nước. Trong cả hai nỗ, dục-vọng của nhà cầm quyền không còn gì trở-ngại. Nhưng thường thường thì họ chọn giải-pháp thứ nhất. Như thế họ lợi cả hai đường : dục-vọng họ không bị cản trở, đồng-thời họ dùng tôn-giáo để củng cố quyền-hành của họ trước dân-chúng. Họ nói : nhà vua là thiên-tử lấy quyền Thượng-đế để trị dân. Đây là một lối lạm-dụng tôn-giáo và làm cho tôn-giáo thành một hiện-tượng khả-ố. Cũng y như nhiều ông tư-bản dùng tôn-giáo để bênh quyền tư-hữu của họ. Chính những cái lạm-dụng tôn-giáo và luân-lý như thế đã làm cho nhiều người hiểu lầm rằng tôn-giáo là thuốc phiện mê-hoặc quần chúng. Người ta dùng tôn-giáo để đòi quyền-lợi, mà không chịu nhìn nhận rằng tôn-giáo đòi người ta phải chu-toàn nghĩa-vụ đi kèm với quyền-lợi, chứ không bao giờ tuyên-bố quyền-lợi biệt-lập khỏi nghĩa-vụ. Ngoài đạo Thiên-Chúa ra chúng ta chưa gặp một tôn-giáo nào phân-biệt rõ-ràng chính-trị và tôn-giáo như thế. Kết-quả là chính-quyền không còn có thể lạm-dụng tôn-giáo để bảo-vệ những hành-động tham nhũng. Tín-đồ đạo Thiên-Chúa thường thì vẫn kính-trọng chính-quyền. Nhưng chính lúc đó, thì họ bàn đến vấn-đề thế nào là chính-quyền hợp pháp, và nhận rằng người dân có quyền giết bạo-vương lộng quyền. Đó là một sự-kiện chứng-minh rằng tôn-giáo không phải chỉ là cột chống đỡ cho bạo-quyền.

Tiếp theo vào sự tách biệt giữa chính-quyền và tôn-giáo trong đạo Thiên-Chúa, thì ở Âu-châu có cuộc tranh-đấu giữa chính-quyền và thần-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

quyền. Chính-quyền đòi nô-lệ-hóa thần-quyền để củng-cố địa-vị cho mình, và thần-quyền không thể nhận làm tôi-tớ cho chính-quyền. Người ta gay-gắt nhiều về truyện thần-quyền đè nén chính-quyền. Nhưng người ta lại ít nói đến truyện chính-quyền đàn-áp thần-quyền và tôn-giáo. Người ta quên hẳn đi rằng mỗi khi chính-quyền đàn-áp tôn-giáo thì bao giờ cũng là những cuộc sát hại đẫm máu. Trái lại thần-quyền không dùng vũ-lực để đàn-áp chính-quyền, nhưng chỉ dùng những phương-pháp hoàn-toàn tôn-giáo, như khai-trừ tội-nhân ra ngoài Giáo-hội, và không cho thông-đồng với các tín-đồ khác về phương-diện tôn-giáo. Không nói chúng ta cũng hiểu được rằng thứ « võ-khí » của thần-quyền chỉ có nghĩa-lý đối với nhà cầm quyền theo đạo Thiên-Chúa, và không đáng lo ngại cho sự sống còn của con người, như khi chính-quyền dùng đến vũ-lực. Đối với những nhà cầm quyền vô tôn-giáo thì thứ hình-phạt đó hoàn-toàn vô công-hiệu. Vì thế cái nguy vẫn là do chính-quyền chứ không do thần-quyền.

Chúng ta phải nhấn mạnh rằng sự tách biệt giữa tôn-giáo và chính-quyền là một sự-kiện đòi chính-quyền phải tiến đến chỗ hợp-lý. Chúng ta biết rằng xã-hội có tín-ngưỡng thời trước chưa tách biệt được một cách rõ-rệt tôn-giáo và chính-trị, nhưng dù sao đi nữa, công-trình lớn-lao mà người thời trước đã làm được, đó là sự thăng-bằng trong xã-hội. Thăng-bằng ở tại chỗ kiểm-soát được chính-quyền để tránh bạo-động. Trong việc kiểm-soát đó, tôn-giáo đã giữ một vai quan-trọng. Vì thế khi người cầm quyền không còn tin-tưởng ở tôn-giáo nữa, thì tôn-giáo hết giữ vai trò đó. Sự tách biệt giữa tôn-giáo và chính-quyền, bây giờ là một sự-kiện. Xã-hội vô tôn-giáo đã mất thăng-bằng. Tựa vào đó mà nói rằng tôn-giáo là nền-tảng cho thăng-bằng trong xã-hội, và muốn cho xã-hội lại có thăng-bằng, mọi người phải có tín-ngưỡng ; nói như thế không phải là sai, vì đã có bằng chứng trong lịch-sử. Nhưng chúng ta không chắc rằng nói như thế là đúng một cách tuyệt-đối : *Chúng ta không thể tựa vào một sự-kiện trong lịch-sử quá-khứ để minh-chứng rằng thăng-bằng trong xã-hội bao giờ cũng phải có những yếu-tố đó.* Chúng ta suy-luận như thế không phải là vô-bằng, vì việc làm cho xã-hội có thăng-bằng là một việc thuộc phạm-vi hợp-lý, còn truyện tín-ngưỡng người ta là một truyện trong phạm-vi tự-do. Chúng ta phải dùng hết các phương-tiện có sẵn trong tay để tổ-chức cho xã-hội có thăng-bằng : như thế là hợp-lý. Nhưng nếu chúng ta vì lý-do thăng-bằng trong xã-hội mà dùng vũ-lực đòi mọi người phải theo một tôn-giáo hay một học-thuyết triết-lý, thì đó là một việc bạo-động phi-lý, vì một là ta phạm đến tự-do của người khác, hai là ta lộn thứ-tự, đổi tôn-giáo và tự-do thành phương-tiện.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Thực ra cái thăng-bằng xã-hội, trong đó tôn-giáo là một phương-tiện, có một sức quyến-rũ rất mạnh. Cho đến nỗi, bao nhiêu thế-kỷ sau khi chính-quyền tách ra khỏi tôn-giáo, vẫn còn rất nhiều người không chịu nhìn nhận sự-kiện ấy, và vẫn còn muốn dùng một tôn-giáo hay một quan-niệm nhân-sinh làm phương-tiện để tổ-chức xã-hội. Chúng ta nên nhận xét rằng các tín-đồ của các tôn-giáo đã nhìn nhận rằng vấn-đề tín-ngưỡng thuộc phạm-vi tự-do, và cho dù có ao ước mấy, họ cũng không dùng vũ-lực ép uổng người khác theo tín-ngưỡng của họ, để tổ-chức một xã-hội có thăng-bằng như thời xưa. Trái lại nhiều người theo ý-thuyết (idéologie) mới, như duy-vật sử-quan v.v... lại muốn trở về giải-pháp cũ, đưa ý-thuyết để củng-cố chính-quyền. Nhưng vì họ biết rằng tổ-chức xã-hội như thế chỉ có nghĩa-lý, khi mọi người cùng có một ý-thuyết như thế, cho nên họ dùng tất cả lực-lượng của nhà-nước để tuyên-truyền và ép uổng người khác theo ý-thuyết của họ. Các thứ độc-tài khác như Đức-quốc-xã, Ý-phát-xít, cũng như Duy-vật sử-quan, tựu-trung không có gì là cấp-tiến ở điểm đó cả, vì họ trở về lối tổ-chức thủ-cựu lẫn-lộn ý-thuyết tự-do và tổ-chức hợp-lý. Khác một cái, là cổ-nhân dùng tôn-giáo và luân-lý đã có sẵn trong dân-gian, để tổ-chức : như thế là hợp-lý. Còn những ý-thuyết-gia hiện-đại, muốn tổ-chức như cổ-nhân, mặc dầu ý-thuyết trong dân-gian không còn thống-nhất nữa. Thái-độ vô-lý không chịu nhìn nhận thực-tại, thực-hiện ra thành bạo-động giữa người với người.

Chúng ta đã nói : xã-hội thời xưa có tin-tưởng, và trong hoàn-cảnh đó, đã tìm ra một chế-độ hợp-lý có thăng-bằng. Đàng khác chúng ta lại cho rằng khi lòng tin-tưởng tách ra khỏi chính-quyền, thì đó là sự-kiện bó buộc xã-hội phải tìm lại thăng bằng và thành hợp-lý hơn. Lịch-sử đã vận chuyển và không lùi lại nữa. Đưa một ý-thuyết mới, hay một tôn-giáo và luân-lý khác vào bàn cân của xã-hội, tức là trở về thăng-bằng lối cũ. Thực ra, theo giải-pháp ấy rất có triển-vọng thành công như lịch-sử đã minh-chứng ; và tuy nó không phải là một giải-pháp cấp-tiến gì, nhưng cũng không có gì là đáng trách. Nhưng muốn như thế thì phải bạo-động và bắt ép người ta theo một ý-thuyết không phổ-biến khách-quan như khoa-học. Đó là một thái-độ không thực-tế, và tất cả những hiệu-quả dã-man của các chế-độ độc-đoán, đều do cái không thực-tế mà ra cả. Đòi tổ-chức xã-hội như thế mọi người cùng có một tin-tưởng, một ý-thuyết, trong một thời-đại mà người ta khác tin-tưởng, khác ý-thuyết nhau, như thế là phi-lý. Ép uổng người ta theo ý-thuyết của mình là bạo-động-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Khi hoàn-cảnh thực-tại trong xã-hội đã thay đổi thì thái-độ hợp-lý là nhìn-nhận thực-tại và tìm thăng-bằng trong thực-tại mới.

Trong hoàn-cảnh mới này, tôn-giáo được tách khỏi chính-quyền. Chính vì thế mà chính-quyền phải tìm lý-do tồn-tại, thế nào cho mọi người đồng ý. Chính quyền không còn có thể nệ vào tôn-giáo mà nói rằng : nhà cầm quyền là thay mặt Thượng - đế để trị dân, nhà cầm quyền là Thiên-tử, là dòng-dõi Thần-minh. Những lý-do ấy đối với dân-chúng không còn có nghĩa gì nữa. Các triết-gia Hi-lạp đã suy-luận về khoản đó và cho rằng : Chính-quyền chỉ là một phương - tiện để thực - hiện công-ích. *Chỉ có công-ích là lý-do xác-đáng cho chính-quyền.* Vì thế nếu chính-quyền chỉ lo tìm tư lợi của một nhóm người, hay nếu chính-quyền dùng bạo-động để đè nén đa-số, thì lúc đó chính-quyền hết lẽ sống. Nền tảng của chính-quyền phải là công-ích : đó là một yếu-tố hợp-lý mà các thế-hệ dân-chủ về sau, nhất là Jean-Jacques Rousseau, đã xác-định dần. Ý-thức dân-chủ bắt đầu : không phải nhà vua, nhưng nhân-dân là trung-tâm đời sống chính-trị. Không phải dân phụng-sự chính-quyền, nhưng chính-quyền để phụng-sự dân. Vì thế chúng ta hiểu bao giờ chính-quyền đòi dân phụng-sự mình, tức là chính-quyền biến thành phản-động, phản-dân-chủ.

Nghĩa-vụ của chính-quyền bây giờ không thể để chính-quyền tùy-tiện. Nói thế khác, không thể để mặc lương-tâm hay là tôn-giáo định-đoạt nghĩa-vụ cho nhà cầm quyền. Vì phương-pháp kiềm-tỏa dục-vọng bằng luân-lý hay tôn-giáo, chỉ có công-hiệu khi nhà cầm-quyền có ý-thức luân-lý hay tôn-giáo. Việc thực-hiện công-ích không thể để mặc thiện-chí người ta, nhưng phải được xác-định theo pháp-luật. Luân-lý và tôn-giáo không kiểm-soát hành-động của chính-quyền, và vì thế nhân-dân phải đặt ra pháp-luật phổ-biến để kiểm-soát. Nghĩa-vụ luân-lý hay tôn-giáo không có sức kiềm-tỏa con người, như nghĩa-vụ mà pháp-luật xác-định tùy theo quyền lợi người ta. Dùng pháp-luật như thế tức là có công-hiệu, tức là hợp-lý.

Công-ích thành nền tảng cho chính-quyền, đó là hợp-lý ; pháp-luật phổ-biến thay chỗ cho tôn-giáo và luân-lý để đòi chính-quyền thi-hành nhiệm-vụ dưới sự kiểm-soát của toàn-dân, đó là yếu-tố hợp-lý thứ hai trong hoàn-cảnh mới. Hai yếu-tố hợp-lý này giải-thoát con người cho khỏi bị nhà cầm-quyền tự-tiện sai-khiến.

Hai yếu-tố hợp-lý ta vừa nói đến, là khởi điểm của ý-thức dân-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chủ. Nhưng nếu chỉ có thế, ta không thể nói rằng đã có ý-thức chính-trị và dân-chủ thiết-thực. Vì nếu chỉ có thế, chúng ta sẽ khó lòng tránh được sự lạm-quyền, và kết-quả là chúng ta sẽ không giữ nổi hai yếu-tố ấy.

Đành rằng liên-lạc chính-trị đã đi được một bước khá dài để tới hai yếu-tố hợp-lý kia, và chính-quyền hợp-pháp làm đúng nghĩa-vụ để đạt tới công-ích. Trong một chế-độ như thế, — chúng ta giả-sử là đã tới chỗ lý-tưởng — quốc-gia được bằng yên, nhân dân có công ăn việc làm, được tự-do v. v... Xã-hội như thế thật là hạnh-phúc. Cái hạnh-phúc ấy cũng gần giống như cái hạnh-phúc của nhân-dân dưới các triều vua có đức-hạnh. Chúng ta vẫn biết rằng hai chế-độ đó khác nhau: một bên thì pháp-luật kiểm-soát nhà cầm quyền, bên kia thì luân-lý và tôn-giáo. Hai bên ở hai hoàn-cảnh khác nhau, và cũng tìm được thăng-bằng một cách thực-tế như nhau. Chính vì người ta tìm được hạnh-phúc và thăng-bằng cho xã-hội, mà người ta vui sống trong chế-độ mới.

Tuy nhiên chúng ta không khỏi thắc mắc. Vì thực ra hai chữ « công-ích » rất khó xác-định. Có người cho rằng công-ích chỉ là tổng cộng tư lợi của tất cả các công-dân: tự-do ăn nói, tự-do kinh-doanh, tự-do chính-trị, tự-do tư-tưởng v. v... Người khác lại cho như thế là cá-nhân chủ-nghĩa, và đòi cá-nhân phải hi-sinh tất cả các thứ tự-do ấy vì công-ích. Họ lấy lẽ rằng để như thế thì xã-hội sẽ rối loạn, nên họ tìm cách hạn-chế tự-do « vì công-ích ». Đành rằng vấn-đề ý-thuyết được gác ra ngoài tổ-chức chính-trị, nhưng người ta chưa tới chỗ trưởng-thành đủ, để kính nể tư-tưởng người khác. Và ai cũng biết rằng nếu dùng được bộ-máy nhà nước và bộ-máy học-chính thì có thể lấn át được tư-tưởng người khác. Vì thế họ lại trở về phi-lý, lại đem ý-thuyết của mình vào guồng máy nhà-nước, và lợi-dụng chính-quyền để củng-cố cho ý-thuyết của mình, Từ đó mà có cuộc tranh cướp chính-quyền giữa các đảng chính-trị. Các thứ đảng Xã-hội ở Pháp, Đức, Bỉ đều bỏ rơi chương-trình xã-hội, để quay ra tranh đấu cướp chính-quyền. Khi đã cướp được chính-quyền thì đảng Cộng-sản ở Nga, đảng Phát-xít ở Ý, đảng Quốc-xã ở Đức, dùng chính-quyền và học-chính để đàn-áp các người khác ý-thuyết và tuyên-truyền cho ý-thuyết của mình. Cái phi-lý của các đảng ấy, một là lại trở về nhà-nước ý-thuyết (État idéologique) như thượng-cổ thời-đại, hai là: định-đoạt tiếng « công-ích » một cách độc-quyền mà quên rằng « công-ích » phải là công-ích của cả những người khác ý-thuyết ta. Cái phi-lý đó gây ra bất công, và đàn áp nhau. Sự đàn-áp càng khốc-liệt khi kỹ-thuật và kiến-thức về con người càng tinh-tế.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đấy là một cái phi-lý mà hiện thời có nhiều xã-hội, tuy kỹ-thuật đã phát-triển rất cao, vẫn chưa thoát được. Và bao lâu chưa thoát được thì xã-hội trở về thời-kỳ tranh đấu dã-man, và bao lâu người ta chưa biết kính nể nhau như thế, thì chưa chắc đã là có văn-hóa.

Nếu ta giả-sử rằng người ta giải-quyết xong được vấn-đề xác-định công-ích, và biết kính nể nhau trên mọi phương-diện, và hơn nữa chính-quyền làm đúng nhiệm-vụ một cách công-bằng, thì xã-hội thật là hạnh-phúc.

Nhưng chúng ta có cảm-giác rằng cái hạnh-phúc đó cũng tựa như cái hạnh-phúc của đứa trẻ. Thực-tế, đứa trẻ còn non nớt, không biết lo lắng, không biết làm ăn, không có trách-nhiệm gì. Cái hạnh-phúc của nó, không phải là tự nó làm ra được, nhưng là do lòng thương của cha mẹ nó. Và rất có thể là ; nếu cha mẹ nó cứ lo cho nó mãi thì nó sẽ sung-sướng, nhưng sẽ không bao giờ trưởng thành. Ở trong xã-hội trên kia cũng thế : hạnh-phúc của dân là do nhà cầm quyền lo liệu, chứ dân là vô trách-nghiệm. Cái gì cũng phải tùy vào nhà cầm quyền cả, vận mệnh của dân cũng ở trong tay nhà cầm quyền. Các triết-gia hiện-sinh (existentialistes) đã tìm hiểu được rằng : biết tự quyết-định về vận-mệnh của mình trong tự-do, đó là một việc đòi phải có nhiều can-đảm và nghị-lực. Nhưng có biết tự-do quyết-định như thế mới thực là người trưởng thành, mới là vai chủ động trong lịch-sử. Tuy nhiên, vì nhiều lý-do, người trong xã-hội ngày nay chỉ sống trong một tổ-chức kinh-tế, văn-hóa v. v... sẵn có ; tổ-chức càng tinh-vi thì càng sống dễ dãi, và càng sống dễ dãi thì càng quen tựa vào người khác mà không mấy khi tự quyết. Chúng ta thấy trong nhiều nước, tiếng là dân-chủ, nhưng dân chúng chỉ như đứa bé chưa trưởng-thành, họ đem vận-mệnh của họ, chân-lý của họ đặt vào đảng hay vào quốc-trưởng. Đàng khác, nhà cầm quyền cũng chọn một đường lối dễ dãi : nói chuyện với những người chưa trưởng-thành, lúc nào cũng vâng dạ, thì bao giờ cũng dễ hơn là đàm đạo với những người trưởng-thành. Vì thế họ dạy dân rằng : chân-lý là ở trong tay đảng, đảng bao giờ cũng có lý, và có ai nói ngược lại sẽ bị coi là phản động. Cái lối đòi giữ bản-quyền chân-lý như thế là một thái-độ phi-lý. Người ta không giáo-dục cho dân thành người trưởng-thành, biết suy-nghĩ và hành-động và chịu trách-nhiệm lấy. Tổ chức càng khéo thì dân càng không trưởng-thành, và địa-vị của đảng, của nhà cầm quyền càng vững.

Nhưng đến đây thì chúng ta phải hoài nghi : dân chúng biến

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thành những quân-cờ cho nhà cầm quyền sai khiến, thành những cái máy thu-thanh cho người ta tuyên-truyền những cái có thể củng-cố địa-vị chính-quyền. Liên-lạc giữa chính-quyền và nhân-dân không phải là liên-lạc giữa người lớn với nhau, nhưng là như liên-lạc giữa người lớn với trẻ con. Phải chăng đấy là dân-chủ ?

Người dân sẽ bị ru ngủ trong tổ-chức nhà-nước, và không bao giờ trưởng-thành. Có lẽ phải cởi mở xã-hội ấy cho người dân biết rằng nhà cầm quyền không phải bao giờ cũng có lý. Nhưng người ta đã biết trước và đã đóng chặt cửa. Có khi phải chờ cho sự lạm-quyền và sự khinh miệt con người đi đến cực-độ, để xã-hội tiến sang chỗ dân-chủ hơn.

Thế nào là dân-chủ hơn ?

Đặt vấn-đề chính-trị, chúng ta biết rằng không những phải tìm cho xã-hội một thăng-bằng, nhưng còn phải đặt phương-tiện để tới mục-đích, tức là công ích. Đặt vấn-đề dân-chủ, chúng ta không có ý tìm xem chế-độ nào có thăng-bằng, chế-độ nào làm cho xã-hội được phồn-thịnh. Vì đó chưa phải là dân-chủ thiết-thực, như chúng ta vừa thấy : người ta có thể hạnh-phúc như một đứa trẻ con.

Dân-chủ không phải là một con đường dễ dãi để tới phồn-thịnh. Cổ-nhân nói : trong chế-độ quân-chủ, chỉ cần một người đạo-hạnh, còn trong chế-độ dân-chủ thì mọi người đều phải đạo-hạnh cả. Đó là trong xã-hội có tôn-giáo và luân-lý làm tiêu-chuẩn. Ở trong hoàn-cảnh xã-hội hiện-thời, ta có thể nói : trong chế-độ quân-chủ hay độc-tài, chỉ cần một người giữ lấy trách-nhiệm định-đoạt, còn trong chế-độ dân-chủ thì mọi người phải có can-đảm định-đoạt vận-mệnh của mình. Đã lo việc chính-trị thì nhà cầm quyền bao giờ cũng phải nhằm công-ích, đó là một lẽ dĩ-nhiên. Nhưng người có ý-thức dân-chủ không chịu để mặc nhà cầm quyền tự-tiện định-đoạt lấy. Không phải vì họ khinh nhà cầm quyền bất-lực hay tham tàn, nhưng là vì họ muốn đóng vai chủ-động trong lịch-sử : dân làm chủ vận-mệnh mình và giữ lấy trách-nhiệm, chứ không muốn giao-phó vận-mệnh trong tay nhà cầm quyền. Đó là đặc-điểm của ý-thức chính-trị và ý-thức dân-chủ.

Như thế nhà cầm quyền phải đối với dân như người trưởng-thành. Mỗi khi định-đoạt, phải cho dân biết mình định-đoạt thế nào và vì lý-do gì. Những thái-độ ám-muội, dấu diếm của nhà cầm quyền là những thái-độ khinh-miệt dân chúng ngu dốt, nếu không phải là lạm quyền. Dân-chủ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

là một trò chơi công cộng bày ra trước mắt mọi người. Nếu dân chưa đòi như thế, và nếu nhà cầm quyền cứ định-đoạt lấy một mình, thì dù có hô-hào mấy, cả hai bên vẫn chưa có ý-thức dân-chủ, cả hai bên còn muốn đi con đường dễ dãi của người chưa trưởng-thành, chứ chưa có can-đảm mang lấy trách-nhiệm và gặp gỡ nhau trên bình-diện bình-đẳng.

Khi nhà cầm-quyền có tài cán, đưa quốc gia trên con đường chính-trị đầy thành-tựu, khi giai-cấp chủ-ông đi theo một kế-hoạch kinh-tế rất phồn-thịnh và đã nhìn nhận rằng phải phân chia của cải trong nước một cách bình-đẳng, không phân biệt chủ hay thợ, cho dù có như thế đi nữa thì đó chỉ là đã giải-quyết được vấn-đề công-ích, chứ chưa giải-quyết xong vấn đề dân-chủ chính-trị và vấn đề dân-chủ kinh-tế.

Ngay đầu bài này, chúng ta đã nhấn mạnh rằng vấn-đề chính-trị chỉ là một trong những phương-hướng của nhân-sinh. Mỗi phương-hướng là một chiều phát-triển của con người và mỗi phương-hướng đều có liên-hệ đến các phương-hướng khác. Nếu chỉ phát-triển theo một chiều thì cả con người lẫn xã-hội sẽ lệch-lạc. Và hơn nữa, không phương-hướng nào có thể phát-triển một mình hay là lấn át phương-hướng khác, mà không làm tổn thương đến chính sự phát-triển của mình.

Chúng ta thường cho rằng : Cách-mạng Pháp 1789 là bước đầu của dân-chủ. Thực thế, ý-thức dân-chủ thời ấy đã nhằm thấy một lý-tưởng rất phổ-biến. Người ta làm *bản tuyên-ngôn Nhân-quyền và Dân-quyền* Đó là một chương-trình mà người ta dự-phóng vào tương-lai. Chương-trình đó là hoàn-toàn chính-trị và có liên-quan tới các liên-lạc giữa người với người ở bình-diện trừu-tượng và phổ-biến, dân-chủ và bình-đẳng chính-trị. Sau đó độ *năm, sáu chục* năm, người ta nhận thấy rằng nếu không có một lực-lượng kinh-tế mạnh, thì bình-đẳng chính-trị không thực-hiện được. Thực thế, những nhà tư-bản có thể dùng kinh-tế để làm mất thăng-bằng trong xã-hội: có của tức là có phạm-vi hành động rộng ; vì thế về phương-diện chính-trị, người giầu vẫn còn thế-lực hơn. Khi người ta không có công ăn việc làm, thì những tiếng như tự-do, bình-đẳng, không có một nghĩa lý gì cụ-thể cả.

Các thứ đảng Xã-hội đều nhằm lý-tưởng dân-chủ của cách-mạng Pháp, nhưng khác một cái là người ta muốn cho lý-tưởng ấy xuất hiện xuống thực-tại, ở trong một tổ-chức kinh-tế dân-chủ. Dân-chủ kinh tế, cũng như dân-chủ chính-trị, cả hai đều không phải chỉ là đề tới một chế-độ bình-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đẳng và một tổ-chức phân-chia của cải một cách quân-bình, nhưng là muốn cho dân-chúng có thể định-đoạt một cách trưởng-thành trong những vấn-đề có liên can đến vận-mệnh của mình.

Có nhiều người lầm tưởng rằng hễ quốc-hữu-hóa được kinh-tế thì là giải-quyết xong vấn-đề dân-chủ kinh-tế. Thay vì một nhóm tư-bản định-đoạt về kinh-tế, thì nhà cầm-quyền sẽ giữ nhiệm-vụ đó « vì công-ích ». Và như chúng ta đã biết : rất có thể là kinh-tế sẽ phồn-thịnh vì nhà-nước có thể tự-do kinh-doanh. Nhưng trong cả hai nố, vẫn có một nhóm người định đoạt thay cho dân chúng, còn dân chúng vẫn chỉ là đứa trẻ thơ, hết tin vào tự-do kinh-tế của tư-bản, thì lại tin rằng : nhà nước, đảng, hay quốc-trưởng, bao giờ cũng có lý, và bao giờ cũng tìm ra giải-pháp kinh-tế hiệu-nghiệm nhất. Nói thế khác, dân vẫn chưa trưởng-thành và vẫn giao-phó vận-mệnh kinh-tế trong tay một số người. Đó là một giải-pháp dễ dãi cho cả dân chúng lẫn nhà cầm quyền. Nhưng đó chưa phải là dân-chủ chính-trị.

Chúng ta còn có thể bàn thêm về liên-lạc giữa ý-thức chính-trị, ý-thức xã-hội và các tổ-chức lao-động. Nhưng chúng ta sẽ chờ có dịp khác, khi chúng ta bàn về vấn-đề lao-động.

Và để kết-thúc những nhận-xét ở trên đây, chúng ta có thể tóm-tắt thế này : dân-chủ chính-trị mà không có dân-chủ kinh-tế đi kèm, thì chỉ là một lý-tưởng chưa ăn rễ vào thực-tại ; quốc-hữu-hóa chưa phải là dân-chủ kinh-tế thiết-thực, nó chỉ là dân-chủ kinh-tế, khi nào dân chúng có quyền hành-động và quyết định, nghĩa là khi nào có dân-chủ chính-trị. Hai thứ dân-chủ đó, có thể coi là hai mặt của một thực-tại nhân-sinh. Cái lầm của tư-bản là muốn dân-chủ chính-trị mà không muốn dân-chủ kinh-tế. Cái lầm của cộng-sản hiện thời là muốn dân-chủ kinh-tế mà không muốn dân-chủ chính-trị : vì dân-chủ chính-trị tức là phế bỏ sự độc-quyền của một đảng. Hai cái lầm ấy, hình như các đảng xã-hội ở Âu-châu vẫn chưa nhìn ra : họ hành-động một cách phi-lý bằng sự cạnh-tranh ý-thuyết ; cùng lắm thì họ đòi quốc-hữu-hóa kinh-tế, và tin tưởng một cách đơn sơ rằng đó là dân-chủ thiết-thực rồi vậy.

Bao giờ mới có ý-thức chính-trị ? Bao giờ mới có ý-thức dân-chủ ? Đó là câu hỏi chúng ta phải đặt cho xã-hội của chúng ta, và cái bí-mật của câu hỏi đó là ở trong lịch-sử của chúng ta.

TRẦN-VĂN-TOÀN

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

CUỘC ĐỜI SAY ĐẮM CỦA

VAN GOGH

« Đeo đuổi nghề vẽ, tôi không nghĩ đến thành-công và hạnh-phúc ; đối với tôi, nó chỉ là một phương-tiện để ra khỏi tù ngục của cuộc sống ».

VAN GOGH

VẤN-ĐỀ TÌM HIỂU VAN GOGH

MỘT mình dỏ nước mắt để biến vạn-vật thành một «biển máu» trước khi thành ánh sáng, kẻ dị-thường ấy ? Không ở thiên-đàng, không ở dưới địa-ngục, cũng không phải là nhân - vật huyền - bí của thời đại xa xưa chỉ có trong thần-thoại, mà chính là một chàng điên, xuất-hiện giữa cõi trần cuối thế-kỷ thứ 19 : chúng tôi muốn nói Vincent VAN GOGH người bạn chí thiết của một số nhân - loại bị đời phụ, quá khổ đau vì ham sống và không thể sống đúng với hoài-bão của mình.

Một cuộc đời say đắm, điên cuồng của VAN GOGH đã gây ra bao nhiêu làn bàn cãi sôi-nổi giữa các tổ-chức văn-chương, hội-họa hơn 50 năm nay mà vẫn chưa dứt. Cuộc bàn cãi còn đi xa hơn vào địa-hạt khoa-học và nhất là khoa giải-phẫu sinh-lý và tâm-lý con người ; đến nay, người ta lại mang cả cuộc đời và sự nghiệp VAN GOGH vào điện-ảnh ; mà đối với thời trang và sở thích hiện tại, nhân-vật nào được đưa lên điện-ảnh phải là một nhân-vật không vừa.

Tuy vậy, một VAN GOGH qua màn bạc trong cuốn phim « Cuộc đời say đắm của VAN GOGH » chỉ là phản - ảnh thô sơ, chắp nối, có thể làm cho người ta thích VAN GOGH vì hiếu - kỳ chứ không làm cho người ta hiểu và yêu VAN GOGH vì nghệ-thuật.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Thật vậy, một thiên-tài đã trưởng - thành với tất cả mồ hôi và nước mắt hiểu được thiên-tài ấy cũng cần nhiều thiện-chí, công phu, và nhất là cần thời-gian, chứ một hai giờ chớp nhoáng của điện-ảnh, dù khoa điện-ảnh có toàn - mỹ, vẫn không sao giúp chúng ta thấu triệt nghệ - thuật và cuộc đời phức-tạp, bi-đát của con người đặc-biệt ấy.

Ưu - điểm và khuyết - điểm của cuốn phim « La Vie Passionnée de VAN GOGH » chúng ta hãy bàn riêng vào một đoạn sau, bây giờ tưởng nên tìm hiểu VAN GOGH bằng những cảm-giác trực tiếp, bằng khả năng nghệ - thuật của riêng chúng ta, và nếu cần bằng thanh khí, cùng đường thông-cảm tự nhiên của con người không chia biên-giới, thời đại, trước mối gặp gỡ duy nhất của « Chân, Thiện, Mỹ ». Ở đây một trong những vấn-đề quan-trọng nhất cần nêu ra là sự tìm hiểu các sáng-tác nghệ-thuật của VAN GOGH, bởi vì VAN GOGH hơn ai hết, đã hoàn - toàn ký - thác cuộc đời bên trong lẫn bên ngoài của mình trong sáng-tác ; với VAN GOGH, một lần sáng - tác chính là lần ngừng đọng của một giai - đoạn sống nhiệt thành ; người chưa hiểu nghệ - thuật VAN GOGH, cũng có thể xem như chưa hiểu VAN GOGH một cách rõ-rệt.

Một hôm, nhân bàn đến vấn-đề con người và sáng - tác, VAN GOGH đã trả lời với người bà con lão-thành một câu :

«Sáng tác của một nghệ-sĩ cũng chẳng khác gì đứa trẻ mới ra đời ; anh chỉ có thể ngắm-nghía đứa trẻ, nhưng anh không nên lật vạt áo của bà mẹ để xem đã dính máu hay chưa».

Chúng ta có cần phải nhắc lại cuộc đời say đắm của VAN GOGH đã dính máu rất nhiều ? Cũng có lẽ nhờ thế mà VAN GOGH đã được xem là con người của xã-hội lầm-than, tuy đã nặng tình THIÊN CHÚA.

XÃ-HỘI LẦM-THAN, NƠI HÀNH ĐẠO CỦA VAN GOGH CŨNG LÀ NƠI MỘT THIÊN-TÀI BẮT ĐẦU CHỚM NỞ.

VAN GOGH là con đầu lòng của một giáo - sĩ Tin - Lành nước Hòa - Lan. Ông sinh năm 1853 ; buổi thiếu-thời, theo bà con đứng bán tranh VAN GOGH không chịu thấu cuộc đời buồn tẻ ấy bỏ nghề đi học chữ La-tinh và giáo-lý để nối nghiệp phụ thân truyền đạo. Càng đắm say, càng tin ở giáo điều bao la của Thiên Chúa, ông càng đâm ra chán ghét lớp sơn đạo-đức giả, khi ông càng đi sâu vào những khổ đau thấm thía của hạng người không may sống nghề hầm mỏ tại vùng Borinage, phía Nam nước Bỉ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Từ tâm trạng một nhà hiếu đạo : VAN GOGH chẳng bao giờ có tham vọng muốn có một thánh đường đồ sộ, có tham vọng được giảng đạo trước những con chiên sang trọng, đài các. Ông chỉ muốn hiến thân cho hạnh phúc kẻ bần cùng, đau khổ, ông bảo : « Phải đi ngay bây giờ không đợi năm năm sau ».

Đến tâm trạng của một kẻ chán nản : VAN GOGH đâm ra nghi ngờ hết thảy những gì quí giá nhất trong Thánh Kinh. Có khi ông tự cho rằng khoảng đời truyền giáo của ông chỉ là những trào lộng trẻ con, một cuộc nói láo đầy tuyệt vọng của loài người làm run ngợp cả đêm miên viễn, mịt mù và giá lạnh.

Dù mang lòng tin thâm thiết vào chốn tro bụi của hầm mỏ để vùi chôn một ít đời mình, dù qua bao nhiêu lần bão tố của lòng mình và ngoại cảnh đầy mỉa mai, ngang trái, VAN GOGH hoặc quên hay nhớ Đạo, bao giờ hình như cũng thủy chung với một ý nghĩ : Chúa xưa bình yên trước bão tố, VAN GOGH chẳng bao giờ phải cô độc, vì Thiên Chúa không bỏ quên ông. Một ngày kia, ông sẽ tìm được một phương sách để phụng sự Chúa.

Ngõ Thiên Đàng còn xa, lối trần gian lại mở rộng. Trên đoạn đường mới mà VAN GOGH sắp bước sang toàn chông gai và tủi nhục. Đã đến lúc chiếc thánh giá khuất lấp dưới hình vẽ, các hình vẽ của người đàn bà can đảm sứ Borinage đi tìm nhánh củi khô hoặc viên than lặn dưới tuyết để về sưởi ấm chồng, con, gia-đình... Bao nỗi cơ cực của dân vùng Borinage, khi bình cũng như khi có tai biến dưới hầm mỏ, cơm áo thiếu, than củi chẳng ấm được bao nhiêu, VAN GOGH mới chính là nơi nương tựa tinh thần và vật chất của họ. Emile Zola, khi viết quyển « GERMINAL » mà người bấy giờ cho là căn bản của một cuộc cách mạng vĩ-đại, ngày Emile Zola lên miền Borinage để nghiên cứu và sắp đặt viết quyển sách trên, đã phải ngạc nhiên khi được biết « Con người » mà dân miền Borinage cho là hiện thân của Chúa Trời, chính là VAN GOGH :

Hành đạo, VAN GOGH muốn mình cũng chia rợt sự đau khổ ngang với người lầm than chung quanh. Các bậc bề trên cho thế là nhục mạ Giáo-thể, ra lịnh trục xuất VAN GOGH ra khỏi đoàn giáo-sĩ.

Không thể cứu người, VAN GOGH nặng tình cầm, quyết tìm hiểu người. Đôi nét vẽ đầu tiên của ông như còn dính cả mồ hôi người. « Đầu đội trời, chân đạp đất », một nét vẽ là một cách bám chặt vào sự sống,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mặc dầu lối sống gay go, đạm bạc đến đâu. Trước mắt VAN GOGH, một xã-hội bình dân đang thi gan với bao nỗi cơ cực. Những đề tài chính trong suốt thời sáng tạo của VAN GOGH đại khái không ngoài những hình ảnh quen thân như người thợ mỏ đi trong rừng khuya, anh thợ dệt miệt mài trên khung cửi, bác nông phu đang rộng tay gieo giống, bà thiếu phụ đang buồn não nuột, đồng lúa mì vàng rực hay ngôi giáo đường trầm lắng trong buổi chiều quê.

Ngoài ra, còn thêm vài ngọn đèn, một ít hàng cây trắc bá (cyprès) và đôi ba đàn quạ đen nháy.

Chỉ chừng ấy « tài nguyên » mà VAN GOGH đã tạo nên những thế giới dị thường. Được như thế, trạng thái tâm hồn VAN GOGH phải kỳ quặc và mãnh liệt lắm.

MẶT TRỜI VÀ ÁNH SÁNG, QUÊ HƯƠNG CỦA VAN GOGH. MỘT VAN GOGH SAY ĐẮM TÌNH YÊU VÀ ĐƯỢM TÌNH NHÂN LOẠI.

Ngót hai năm truyền giáo giữa thợ thuyền vùng mỏ Borinage, lòng VAN GOGH chỉ còn lại một cảnh điêu linh sau nhiều đêm thiêu đốt. Nhưng kẻ khéo nhìn, sẽ tìm thấy trong đám tro tàn này vẫn còn nguyên một chấm lửa, chấm lửa oanh liệt của hỏa thần buổi phôi thai tạo ra mặt trời, ánh sáng và trăng sao.

Chính trên dấu rạt rào và cuồng nhiệt của mạch sống vũ trụ, của trăng sao, ánh sáng và mặt trời, VAN GOGH đã xây dựng nghệ thuật của mình.

Tiết tháo của kẻ anh tài chuyển động dưới phương thức này hay phương thức khác, xưa nay hầu như là bùa mê đối với hậu thế. Nếu xem tranh VAN GOGH người ta phải mê vì ánh sáng và kinh khủng vì lối diễn đạt mặt trời, nhưng người ta không bao giờ thấy xa ông, trái lại, có thể cảm thương ông như một hai khi mình đã tự cảm thương mình trước những cảnh ngộ thương tâm, thì đó là một đặc điểm đáng chú-ý nhất trong suốt cuộc đời say đắm của VAN GOGH. Người ta thường bảo nghệ-sĩ là người ngơ ngác, sống xa thực-tế của xã-hội ; VAN GOGH thì không thế, bơi theo ánh sáng và mặt trời là quê hương chính của ông mà lòng vẫn nặng tình nhân loại.

Trong năm đức tính và bảy thứ tình cảm mà một nhà hiền triết Á-Đông đã thu gồm để chỉ đời sống tinh thần của con người. Năm đức tính,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, đặc biệt như lòng tin, sự hiểu biết và tình nhân loại, VAN GOGH đã vun trồng bằng tất cả can đảm. Bảy thứ tình cảm, hỷ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục, những thứ tình quan trọng : ái tình, niềm vui sướng, sự giận tức, VAN GOGH vẫn sống rõ ràng và tha thiết. Khi vui, vui hết sức ; khi giận, giận vỡ trời. Nhưng trong khoảng giận hờn hoặc vui vẻ ấy đã nổi lên giữa lòng VAN GOGH rất nhiều vết thương tình cảm. Kéo dài cuộc đời tình phụ, không ai não nuột bằng VAN GOGH.

Thuở còn làm nghề bán tranh, bấy giờ tuổi chưa đầy 18, VAN GOGH muốn đem tất cả mặn nồng của thời trai trẻ để hiến cho một cô gái ở cùng nhà, việc không thành, ông thất vọng bỏ nhà và bỏ hẳn nghề nghiệp đi xa.

Si tình, có khi VAN GOGH đi bộ suốt ngày đêm để tìm đến người mình yêu, nhưng người yêu không đoái tưởng.

«Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu». VAN GOGH còn không may hơn thế nữa. Một bận khác, đem lòng yêu một góa phụ, yêu đến đốt cháy bàn tay trên ngọn nến, VAN GOGH vẫn bị gia - đình và người góa phụ cự-tuyệt tàn-nhẫn.

Tuy vậy, trời không nỡ phụ một tấm lòng thành, một buổi sớm kia, ánh sáng ban mai đương nhuộm thắm vườn rau nội cỏ, và VAN GOGH đang say-sưa với đường ngang lối dọc, để ghi lại nét thanh-bình của buổi sáng nhà quê. Xa xa có một nàng đi tới, chốc chốc lại dừng như một bóng ma. Qua các thiên tình-sử đẫm nhiều nước mắt, đọc Liễu trai người ta nghĩ đến Hồ-Ly, đọc Mái-Tây người ta nghĩ đến Thôi-Oanh-Oanh, đọc Lệ-chi-Viên, người ta nghĩ đến Thị-Lộ. VAN GOGH cũng như Úc-Trai trong Lệ-chi-Viên, Quân-Thụy trong Mái-Tây, chàng Thư-sinh trong Liễu-Trai-chí-Dị, đã đến lúc gặp được những phút huy-hoàng của tình - ái ; nhưng đến khi trinh-bạch của nàng yêu sắp cháy, VAN GOGH lại phải đau - khổ như xưa : lần nầy tình không phụ lại đời phụ ! Hãy trở về cái xã - hội trưởng giả của các nước Âu-Tây cuối thế - kỷ thứ 19 để nhận định rõ cơ sự trên : Lối sống của VAN GOGH, nghệ - thuật của VAN GOGH bấy giờ chẳng ai muốn hiểu đến ; không những không muốn mà người ta không thèm hiểu : dưới mắt láng giềng và phần đông kẻ thân-thuộc, VAN GOGH chỉ là một người điên, một kẻ sống thừa, không lý-tưởng, nghề-nghiệp ! Cho nên cuộc tình-duyên trên cũng vì thế mà tan vỡ.

Chín mười năm lăn-lóc trên trường tình, khát - vọng yêu-đương của VAN GOGH đã ngừng lại trong vũng bùn lầy : «Mắt run mờ, kỹ - nữ ngắm

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sông trôi»... Tình bên lề đường, tình trong xóm bình-khang... VAN GOGH đã hết sức thành-thực và can-đảm đạp ngang dư-luận của xã-hội để được làm cha một đứa con hoang ; làm chồng một người đàn - bà bệnh-hoạn. Đến khi con khôn, mẹ nó khỏe mạnh và có nhan sắc, VAN GOGH lại bị ruồng bỏ...

Nặng mang cuộc đời chê chán ấy về một nơi trú-ẩn cuối-cùng, Arles, miền Nam nước Pháp, VAN GOGH đẩy sự-nghiệp lên mức độ tối cao, hòa tan với máu mặt trời.

Nơi đây, lúc sáng tạo, lúc buồn lúc vui, cái gì cũng sôi lên và như có dính máu me, VAN GOGH chân cao chân thấp, lần theo hè phố bình-khang để trao tặng người kỹ - nữ quen thân một bao thư đựng vành tai trái của mình cắt ra đang nóng hổi, hôm ấy đã kết-liễu thiên tình-ái của VAN GOGH.

Mỗi một khoảng đời qua, mỗi một hình ảnh nơi đó VAN GOGH đã ký-thác một ít mồ hôi và nước mắt, có khi một ít máu, thịt, đều có quan-hệ mật-thiết đến mọi sáng-tạo của VAN GOGH, mà chúng ta không thể không nhắc lại mỗi khi muốn tìm hiểu những họa-phẩm của ông.

Như chúng ta đã biết VAN GOGH trước tôn-giáo và tình yêu, thành thực đắm say đã trở nên một định-luật sống. Những lúc VAN GOGH ngã gục cũng chính là lúc VAN GOGH đã vùng dậy rất mãnh - liệt. Dưới tâm hồn náo-nức của một người mà đời gọi là « chàng điên » đã lắng đọng bao nhiêu đức tính : đại-lượng, hiền từ, quả cảm, nhất là tính duy-nhất của lòng yêu nhân-loại, khát - vọng tự - do và chán ghét cuộc đời ồn ào nhưng rỗng-tuếch xây trên bao nhiêu che đậy, dả dối, thiếu liêm-sỉ.

VAN GOGH đã khuất nhưng tiết-tháo và linh-hồn ông hiện bay cùng bốn bể, một đoạn đời ông khép lại để lộ rõ qua khung cửa của bức tranh. Buổi sinh - thời ngoài nhóm người xấu số trong nhóm Ấn tượng (Impressionnistes) cùng một vài ân-nhân như Théo, Gachet, Tangui, VAN GOGH hình như không tìm đâu ra tri-kỷ ; cho nên, ông cần hy-sinh, cần điên và chết để thêm vẻ tân - kỳ cho các thế - hệ sau. Người tri-kỷ đang chờ đợi, người thừa hưởng nét tân - kỳ của VAN GOGH ngày nay cũng có thể bất cứ ai trong chúng ta, điều cốt yếu chúng ta cần chịu khó tìm kiếm và đi sâu hơn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

NGHỆ-THUẬT VAN GOGH ĐÃ KHỞI ĐẦU TRONG BÓNG TỐI VÀ THƯƠNG ĐAU

Ngày nay, mỗi lần nhớ đến VAN GOGH, người ta chỉ nghĩ đến một thế-giới loạn : loạn màu và loạn sắc. Nơi đây, những gì chói ngợp nhất của ánh sáng hỗn độn kéo về với hai động tác thường rất trái ngược nhau vừa vùi chôn cũng vừa cứu sống VAN GOGH !

Nghệ-thuật VAN GOGH. trong giai-đoạn trưởng thành, dẫu rằng huy-hoàng và rực-rỡ chưa bao giờ thấy được trong lịch - sử màu sắc, không do ngẫu nhiên cũng phải nhờ thần lực giúp đỡ mà thành, chính là kết-quả của nhiều năm điêu-luyện trong Tối-tăm. Nghệ-thuật của VAN GOGH đã khởi đầu và lớn lên trong bóng tối và thương đau.

Buổi thiếu-thời, VAN GOGH đã sống hết sức lặng-lẽ nhưng rất ý-tứ. Thời-gian xám và không gian buồn, quay lưng trước mặt trời. VAN-GOGH đã trắc nghiệm và sống nhiều với những hình-ảnh tối-tàn, tối-tăm. Sống như thế, phải chăng VAN-GOGH đã chịu ảnh hưởng sâu nặng của Tôn-giáo và nhất là ảnh-hưởng sắc thái đặc - biệt của xã-hội Hòa-Lan vào thế-kỷ trước.

Đặt VAN-GOGH trước Tôn-giáo cốt để tìm hiểu tâm hồn và đặc - tính nghệ-thuật ông vào giai-đoạn đầu. Bóng tối của tâm hồn không thể hiểu là màu đen hay màu tím mà chỉ nên nghĩ đến tang buồn, nước mắt và khổ đau. Trong một bức thơ gửi cho Théo, người em ruột, VAN-GOGH đã viết : « Vào thời trai trẻ, đôi khi tôi đã nhìn một người đàn-bà nhan sắc hầu tàn với tất cả kính-cẩn và nguồn thiện-cảm không bờ bến, bởi vì nhìn trên nét mặt, người ta có thể biết họ đã từng sống và khổ đau.» Không kể những ngày VAN-GOGH sống đời sống tôn-giáo để ông phải suy-gẫm nhiều vấn-đề Thương đau, mà suốt cuộc đời ông từ khi biết đắn đo suy-nghĩ cho đến khi thành người thiên-cổ, hình - ảnh đau thương của con người, nhất là người đàn - bà, bao giờ cũng vấn - vít, ám - ảnh ông. Nếu biến tướng của mọi thương đau, trên con đường thánh - thiện được điều hòa và trở thành những hình - thức cứu chuộc, là một viễn-tượng đẹp-đẽ cần phải thực-hiện đối với những nhà tin thờ Thiên-chúa, thì VAN-GOGH có thể xem đã gần gũi với Tôn-giáo này rất nhiều, tuy cuộc đời của ông lắm lúc bị giới tín-ngưỡng chê trách hoặc kết tội : «Tôi là kẻ lạ mặt giữa Trần-gian» câu Thánh-thi 118 này, VAN-GOGH thường nhắc đến luôn. Đối với ông, cuộc đời chỉ là một hành - trình trên bể rộng : «Hỡi Thượng-đế, xin Người hãy che-chở cho tôi, thuyền của tôi quá nhỏ,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

biển của Người quá bao la. Lòng nhân -loại, giống như biển cả, đầy bão táp, sóng cồn và vực-thẳm».

Nhìn đời dưới cặp mắt bi quan, sáng-tác VAN-GOGH trong bước đầu cũng là phản-ảnh trung-thành đời sống bên trong của ông.

Từ hình vẽ, đến bức tranh, chỗ nào cũng đượm nhiều thương-cảm và gian-truân.

Về vẽ, VAN-GOGH có một bức đề là «Sorrow», đấy là một người đàn-bà lõa thân, tóc xoả, ngồi úp mặt trên đầu gối ; một bức khác « The great Lady», gợi lại dáng thiều não của một thiếu - phụ bên lề đường. Mỗi bức có một vẻ buồn riêng ; buồn trong bức Sorrow từ ngoài đi sâu vào trong, vừa lặng-lẽ vừa thấm thía ; buồn trong bức The great Lady từ trong phát ra ngoài, bừa bãi và chê chán. Hai bức trên liệt vào số những hình vẽ nổi tiếng nhất của VAN-GOGH được lưu-truyền đến bây giờ.

Về hội-họa, những bức tranh đầu, như « những kẻ ăn khoai tây », «khung-cửi», «bà nhà quê đang quét». Đấy là những bức tranh quê vắng mặt trời, những bức tranh ảm-đạm, thiếu hương đồng, gió nội. Cuộc đời tẻ-nhạt ở nông-thôn, VAN-GOGH yêu đến say-đắm. Sắc thái xã-hội Hòa-lan nơi đồng quê hẻo-lánh không xanh, không đỏ, đại-khái chỉ nằm giữa những màu nâu, vàng đục, màu của đá sỏi, của luống đất cày mới xới. Sắc màu trong các họa-phẩm đầu tiên của VAN-GOGH cũng tương-tợ như thế. Các bức tranh đầu lòng của VAN-GOGH lại như còn phản phất linh hồn của những kẻ đồng hương, những bậc tiền bối của VAN-GOGH : chúng tôi muốn nói trong thời sáng-tạo đầu từ lối diễn-tả cho đến màu sắc, nhất là màu sắc, VAN-GOGH đã chịu ảnh-hưởng nhiều các nhà hội-họa Hòa-Lan như Francs Hals, Rembrandt.., và xa hơn nhà hội - họa Pháp, Jean François Millet...

Đến các nhân-vật trong bức tranh : động-tác rất chậm, nét mặt trầm ngâm như còn xót lại nhiều bóng tối. Tất cả đều kiên-tâm, nhẫn nại và có vẻ đợi chờ một cái gì thiêng-liêng và náo-nức hơn.

TỪ BÓNG TỐI QUA ÁNH-SÁNH, BƯỚC TRƯỞNG-THÀNH CỦA NGHỆ - THUẬT VAN GOGH.

Như chúng ta có lần nhắc đến, VAN-GOGH thường xây-dựng đời mình giữa hai sự trái ngược, mà những trái ngược này, nếu đã từng làm điêu đứng VAN-GOGH nhiều, cũng không hẳn hoàn-toàn vô ích đối với ông, khi

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ông cần nhiều thử-thách để có đủ đanh thép, tiến xa hơn trên đường nghệ-thuật, theo ông :

«Muốn hoạt-động trong đời, phải chịu để mình chết đi một ít... Người sinh ra không phải chỉ để được sung-sướng, cũng không phải chỉ để sống đời ngay thẳng mà thôi. Người sinh ra cốt thực-hiện được những gì tốt-tát cho xã-hội để đi đến thanh-lịch, quí trọng, hầu vượt qua cuộc sống thô-kệch, nhỏ mọn của phần lớn cá-nhân».

Quan-niệm sáng tối, từ nghĩa bóng đến nghĩa đen, từ địa-hạt tôn-giáo, sang địa-hạt nghệ-thuật đối với VAN-GOGH có một ý-nghĩa sâu-xa và một mối liên-lạc mật-thiết. Những lúc ngồi nơi gian phòng tối tăm, và đứa trẻ sơ-sinh nằm trong chiếc nôi, VAN-GOGH thường tưởng-tượng ra một đêm Noël, giữa máng cỏ nổi bật hình ảnh sáng trưng của Chúa Hài-đồng : «Bên nôi đứa trẻ mới ra đời, tôi cảm nghe một chút gì giống bài thơ bất-diệt của đêm Noël... một hài nhi trong máng cỏ, một tia ánh-sáng tối-tăm, một sự rạng ngời giữa đêm mù mịt.»

Nhìn họa-phẩm thời trước, một bức tranh vương-vấn mãi trong tâm trí VAN-GOGH là bức tranh hoàng hôn, bóng tối bao-phủ cả làng mạc, đồng-áng và núi đồi ; nơi đây có một khách bộ-hành chống gậy, hăm-hở đi. Khách chẳng quản gì đêm trường và mệt nhọc, vì tận cùng tối tăm, xa xa trên đỉnh núi cao có một đô-thành ánh-sáng.

Với VAN-GOGH. ánh-sáng, bên trong đã xao động từ lâu nhưng không phát tiết kịp thời vì cảnh đời vật chất bên ngoài quá chừng âm-u tẻ-lạnh.

Ngọn gió nghệ-thuật Tây-phương bấy giờ đã đổi chiều từ lâu, vẫn thời lãng-mạn, những kẻ trở về với thiên-nhiên và thực tiễn cũng đang nép mình để nhường cho phái hội-họa khác đang ham-say đi tìm một nghệ-thuật, một phương-pháp diễn-đạt mới rộng mở và huy-hoàng hơn. Tại Ba-lê vào khoảng 1880 trở lui, một nhóm người đói cơm, rách áo, bước lên sân khấu nghệ-thuật quyết đương đầu với những tay lão thành, cự-phách trong làng Họa cũ, giai-đoạn này chính là giai-đoạn trưởng-thành của phái Ấn-Tượng (Impressionnistes).

So với các bạn đồng hội, đồng thuyền trong phái : Gauguin, Cézanne, Pissarro, Seurat, Toulouse-Lautrec, Dégas v.v..., VAN-GOGH là người đến chậm và có vẻ «bảo thủ» nhất. Lẽ vì ông nghèo, ít có dịp đi đây, đi đó. Hơn nữa ông còn tha-thiết với mọi cảnh đời tối tăm của quê hương ông trong thực-tế cũng như trong các di-sản nghệ-thuật của các họa-sĩ Hòa-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Lan mà ông đang thích. Ngoài ra, còn có yếu-tố Tôn-giáo đã gián tiếp chi-phối VAN-GOGH rất nhiều.

Dẫu sao, thái-độ «bảo thủ» kia chỉ có giá-trị một ý-niệm sống tương đối có tính-cách giao-thời. Chứng cớ sau khi chiều lòng Théo về ở Paris và được Théo giới-thiệu cùng các họa-sĩ tiền-phong trong phái Ấn-tượng, VAN-GOGH hiểu họ rất mau và tài nghệ của ông dưới tinh-thần nghệ-thuật mới, từ tối tăm xê-dịch về áng-sáng đã tiến rất nhanh. Trong non hai năm ở Paris, tháng ba 1886 đến tháng hai 1888, người ta không ngờ VAN-GOGH đã qua một bước rất xa. Nhìn các bức tranh nhan đề : «Góc Monmartre» hay «cha Tanguy,» thật hoàn-toàn không còn xót lại một dấu-tích gì của giai-đoạn màu sắc âm-u trước kia. Vẻ đẹp của các bức tranh vừa tươi, vừa tế-nhị trên, đẹp đối với người Tây-phương có thể ít, nhưng đối với người Đông-phương thì nhiều ! Cuộc đời lênh-đênh của VAN-GOGH chẳng hay có duyên-số gì với gió mưa cùng cát bụi Á-đông, mà những bức tranh Phù-tang một thời đã ảnh-hưởng VAN-GOGH đến thế ? VAN-GOGH vẽ mưa, người ta có cảm-tưởng những hạt mưa bay nghiêng nghiêng ấy chỉ có thể có trên những chiếc cầu hiền-lành của xứ Nhật-bản. Dấu-tích các danh họa Hokusai hoặc Hiroshige còn thấy rõ ở nhiều nơi khác, như ở bức tranh Monmartre, đại-khái chỉ gồm hai khoảng màu thanh nhẹ, trên đó băng qua vài đường ngang mảnh-khảnh nằm bên cạnh đôi ba nét dọc nhỏ và xinh, đến bức tranh « chiếc cầu Anglois » vẽ tại Arles cũng có chung một lối tô màu, một bố-cục như trên. Còn bức «Tangui» thì hoàn-toàn Nhật-Bản, vì VAN GOGH đã dụng-ý lấy các bức tranh Nhật làm nền chính cho tranh mình.

VAN-GOGH đến với phái Ấn-tượng tuy có chậm, nhưng ông không vì thế mà sinh ra tự-ti mặc cảm. Trái lại, nghệ-thuật Ấn-tượng vẫn còn hiền-lành quá chưa phải chỗ nương nghỉ cuối-cùng của ông. Nghệ-thuật ấn-tượng chủ-trương đi tìm một kỹ-thuật dụng màu để làm nổi bật những cảm-giác về màu sắc. VAN-GOGH thấy chưa đủ. Đời sống bên trong, khi điên cuồng, khổ đau, cảm-xúc thật vô-cùng tận, đem cái hữu-hạn để diễn-tả chuyện vô-cùng, VAN-GOGH thấy không ổn, ông cần đi xa hơn tuy trong phái Ấn-tượng người ta đã liệt ông vào nhóm mới (Néo-Impressionnistes), nổi danh tự-do và phóng-túng hơn nhóm cũ.

NGHỆ-THUẬT VAN-GOGH ĐẾN MỰC-ĐỘ TỐI CAO, MỞ ĐẦU CON ĐƯỜNG TUYỆT-MỆNH

Xã-hội Balê giữa thời phái ấn - tượng ra đời đâu có phải quá tích -

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mịch khiến cho VAN-GOGH không thể nương thân lâu ngày ? Balê bấy giờ chính là «quán trọ vĩ-đại của Tây-phương». Vũ-nữ, ca-kỹ, nhà văn, nhạc và họa-sĩ, vai bên vai, náo-loạn cả đêm đô-thành. Không-khí hào - hùng, quả-cảm có tính-chất Cách mạng Pháp (1848) hình như đã nguội dần để nhường cho không-khí đắm say của nghệ-thuật với muôn màu, muôn vẻ, muôn hình-thức xấu tốt.

Tự-do cá-nhân ở Balê bấy giờ lên cao nhưng tinh-thần xã-hội đã sụt xuống rất thấp. Trong giới nghệ-sĩ, người cảm sâu tình-trạng thương tâm này, chính là VAN-GOGH. Trao đổi ý - kiến về sự nhận xét thời - cuộc bấy giờ và quan-niệm sống riêng của mình với Théo, VAN-GOGH có lần nói : «Chúng ta không làm chính-trị, nhưng chúng ta đã ở trên trái đất, đã sống trong xã-hội. Người đời phải sắp hàng dưới cờ lệnh, việc ấy đã trở thành một sự kiện thực ; mây theo bão táp, phải chăng là lỗi ở mây ? Đành rằng con người không phải là đám mây, nhưng đã là người, thì phải đứng về phe nào có tinh-thần nhân-loại nhất. Năm 1848 đã qua, chúng ta hiện sống giữa năm 1884. Dẫu máy quạt không còn, cơn gió vẫn chưa mất.»

Sống giữa thời Baudelaire, VAN-GOGH chỉ thích Dante, Michelet Quinet, Victor Hugo v.v...

Nhìn đời, VAN-GOGH không những chỉ nhìn qua đôi mắt nhà họa-sĩ, ông còn phải trắc-nghiệm với tâm-tư của một học giả vừa sâu, vừa rộng. Ngoài Thánh-Thư và các áng văn mô-phỏng, VAN-GOGH còn say-sưa đọc Renan, Carlyle, George Eliot, Dickens, Henri Heine, Daudet, Maupassant và nhất là Shakespeare.

Balê 1884, ánh sáng của nghệ-thuật sẽ vui cho ai buồn cho ai ?

Riêng VAN-GOGH thì thiều não lắm. Ông thương người ca-kỹ và những vũ-nữ trong tranh Dégas, ông rất xa với Renoir trong bức tranh «các Bà» chơi trên thuyền hay dưới dậu hoa. Tranh của VAN-GOGH tại Balê là những bức tranh về khuya, mô tả quán café khi làng chơi mãn cuộc. VAN-GOGH đã ngạt thở tại Balê. Có lẽ vì thế mà ông tìm đến những bức tranh trong sáng Nhật-bản trước khi về xứ mặt trời : Arles, để cho gần với nắng, gió hơn.

Nước Pháp, những miền như Arles, Saint Rémy, vùng Provence, về mùa hè, có tiếng là «ma quỷ» nhất. Giữa buổi trưa, con người đang hiền lành thế bỗng lên cơn, tâm gan nóng như lửa cháy, đay nghiến, nát tan một cách rất thê-thảm. Mistral thổi như mang theo tiếng người rên-rỉ,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nắng dội xuống như lửa địa-ngục. Tại Việt-Nam vào thời khói lửa gần đây, có một nhà văn nổi danh, trong thiên-ký-sự, đã cho biết đôi khi như chết điếng vì ngọn gió Lào, ông « muốn đem tất cả sự-nghiệp để đổi lấy một chút bình-yên». VAN-GOGH sống tại Arles, cũng có một tâm-trạng như thế. Dưới góc-trời bí-hiểm miền Provence, nỗi lòng u-uất của VAN-GOGH tuôn thao, tràn chảy dưới tâm-trạng một chàng điên. Những họa - phẩm của ông trong giai-đoạn này : «Quán café đêm» «Quán café chiều» chiếc ghế Gauguin, «nhà thương Arles», « lúa mì vàng », « đồng olviers » v.v... Bức tranh nào cũng như sóng cuộn, đay nghiến và sôi lên giữa những sắc màu oanh-liệt : vàng cháy, đỏ ngầu, xanh rừng, xanh nước biển trong những chiều giông tố. Từ ngọn đèn trong quán café đêm, qua mặt trời của buổi trưa hè thiêu đốt, đến trăng sao của những đêm huyền - bí xứ Arles, sắc màu có đổi thay nhưng vẫn một tinh-thần cuồng-nhiệt, chay-vay của một kẻ quá chừng khao-khát, quá chừng bơ vơ, tự xem như đã khô cạn nghị-lực mà vẫn chưa tìm ra một nơi nương tựa tinh-thần cho thỏa đáng.

SAU mùa Xuân 1888, suốt cả thời-gian sống ở Arles, tĩnh-dưỡng tại Saint Rémy, và cuối cùng tại Anvers, tánh-tình VAN-GOGH đã bắt đầu thất thường, mỗi lần lên cơn lại mỗi lần VAN-GOGH muốn tự - tử. Qua những biến-cố kinh-khủng về tinh-thần, sự-nghiệp VAN-GOGH lên mực-độ tối cao, cao để nghẹn tắt. Nhà bác-học nhìn ông cho ông mắc thứ bệnh thần - kinh. Người chung quanh gán cho ông cái tên : «chàng điên tóc nâu». Và VAN-GOGH, lắm lúc cũng tự mỉm cười một cách chua chát khi đặt mình giữa hai nghề : nghề vẽ và nghề điên !

Kẻ biết mình điên, kẻ ấy chưa hẳn là điên, đó là trường hợp của VAN-GOGH. VAN-GOGH thường cắt-nghĩa đời mình bằng hai việc làm : tìm kiếm và sáng-tạo. Đến lúc không tìm kiếm thêm được gì và không còn gì để sáng-tạo, thà chết đi còn hơn sống nhờ, còn hơn kéo dài cuộc đời vô vị : Nghệ - thuật VAN-GOGH đến mực-độ tối cao, mở đầu con đường tuyệt-mệnh, đó là tất-cả ý-nghĩa của một viên đạn xuyên qua tim, vào một buổi sớm, ngày 24 tháng 7 năm 1890, VAN-GOGH ngã gục xuống giữa đồng lúa mì vàng rực, bừa - bãi, có những đàn quạ kêu mà ngày hôm qua ông còn chăm chú vẽ, còn hấp-hối hoàn-thành bức tranh tuyệt-mệnh.

NẤM mồ VAN-GOGH dựng lên giữa những khóm hoa quì, sách vở gọi là hoa hướng-dương, lá hoa xanh, nhụy hoa đỏ, mình hoa vàng, hoa lý-tưởng của VAN-GOGH. Sáu tháng sau, bên bóng hoa quì, cạnh mồ VAN-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

GOGH nổi lên một nấm mộ khác, mộ Théo, người em vừa là người tri-âm. Ngày tháng buồn vẫn vơ, sau khi VAN-GOGH và Théo khuất núi, trần-gian còn có ai đáng cho chúng ta tưởng nhớ không ? Phải chăng đó là một người đàn-bà chít khăn tang, quả phụ của Théo, Yohanna Bonger, một thiếu-nữ Hòa-lan đã rất hiểu và hết sức thương cuộc đời gian khổ của hai anh em. Khóc chồng, nàng còn nhận của chồng hai sứ-mệnh : Nuôi con cho khôn lớn và làm sáng rõ sự-nghiệp của VAN-GOGH. Nàng đã cưng tranh VAN-GOGH như cưng con mình. Cái công to nhất của nàng là biết yêu nghệ-thuật VAN-GOGH giữa lúc bao nhiêu người chán ghét, biết giữ-gìn nó thật nguyên vẹn chờ khi người ta khám-phá và công-nhận thiên-tài bất-diệt của VAN-GOGH. Một đêm đầy mưa gió, đêm ấy đúng vào ngày giỗ VAN-GOGH, Yohanna một mình mở cửa ra đường. Ngoài trời tối-tăm và lạnh-lẽo, bắt mặt nhìn qua cửa kính thấy một gia-đình ấm-áp đang sum-họp, nàng cảm thấy buồn thấm-thía, cũng trong đêm ấy nàng ghi vào nhật ký : «Chính là đêm đầu tiên tôi cảm sâu nỗi thê - lương của VAN-GOGH, khi VAN-GOGH bị đời quay lưng lại, khi VAN-GOGH lẻ-loi thấy trên cõi đất như không có chỗ cho mình».

PHAN-XUÂN-SANH

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Lời tòa soạn

Từ khi Tạp-Chí Nghiên-Cứu ĐẠI-HỌC ra đời đến số cuối cùng trong năm nay (số 6), chúng tôi đã nhận được rất nhiều thơ của các độc-giả trong nước và ngoài nước gửi lời tỏ thiện-cảm và khích-lệ, chúng tôi xin thành thật cám ơn các bạn và hứa sẽ cố gắng thêm mãi để làm vừa lòng các bạn.

Nhiều bạn đọc viết thư hỏi mua trọn bộ Tạp-Chí ĐẠI-HỌC, nhưng rất tiếc số 1 và 2 đã hết từ lâu. Để đáp lại sự yêu cầu và nâng đỡ của các bạn, chúng tôi đã cho tái bản những số đó. Các bạn muốn mua xin giao-thiệp với tòa-soạn hay với các hiệu sách.

Các bạn hỏi mua sách của Nhà Xuất-bản ĐẠI-HỌC, yêu cầu theo rõi Tạp-Chí Đại-Học có đăng những sách đã phát-hành và những sách sắp xuất-bản trong tháng tới.

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU
ĐẠI-HỌC
TÒA-SOẠN VÀ TRỊ-SỰ
36, đường Lê-Lợi — HUẾ
ĐIỆN THOẠI Số 122

Phiếu mua báo

Thư từ tiền bạc gửi về
LINH-MỤC
CAO-VĂN-LUẬN
Chủ-nhiệm
TẠP-CHÍ ĐẠI-HỌC HUẾ

Tên họ, chức-nghiệp .....

Chỗ ở .....

Bằng lòng mua..... tháng..... năm, Tạp-chí Nghiên-cứu Đại-học xuất-bản 2 tháng 1 kỳ, kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Tôi gởi kèm theo đây ngân-phiếu.....

. . . . *ngày* . . . *tháng* . . . *năm 195*

Người mua Tạp-chí ký tên

Giá báo : *Mỗi số* 15$00

Giá thường		Giá ủng-hộ
6 tháng	45$00	Mỗi số
1 năm	90$00	Từ 500$00 trở lên

Công sở : Giá gấp đôi
Ngoại quốc : Thêm cước-phí

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Xin bạn đọc lưu-ý

Tạp-Chí Nghiên-Cứu ĐẠI-HỌC đã phát-hành đến số 6. Đối với quý vị độc-giả mua 6 tháng hoặc 1 năm thì đến số 3 hoặc số 6 là hết hạn.

Tuy thế, chúng tôi vẫn tiếp-tục gởi báo, nếu bạn nào không muốn xem nữa, xin hoàn lại chúng tôi, bằng không Tòa Báo xin ghi danh quý bạn vào số độc-giả dài hạn (năm 1959) và mong quý bạn gởi gấp bưu-phiếu về để tiện việc kế-toán.

Sau cùng, đối với quý vị độc-giả mà chúng tôi đã gởi báo từ số 1 đến số 6, chúng tôi rất mong quý vị vui lòng cho thanh-toán số tiền báo trong năm qua.

Tạp-Chí Nghiên-Cứu ĐẠI-HỌC xin thành-thật cám ơn.

ĐẠI - HỌC

✯

Tạp-Chí Nghiên-Cứu ĐẠI-HỌC Huế đã nhận được những số tiền gởi về ủng-hộ hoặc bưu-phiếu mua báo của quý vị độc-giả sau đây, Tạp-Chí ĐẠI-HỌC xin trân-trọng có lời cám ơn.

(Tiếp theo các kỳ trước)

Ông Nguyễn-phú-Xuân, Thị-nghè Sài-gòn	100 đ
L.M. Nguyễn-văn-Tồn, Viện Thiên-An Huế	100 đ
Ông Nguyễn-văng-Hoài, Trưởng-ty Đại-chánh Kiến-hòa	100 đ
— Quách-chí-Đông, Đại-diện xã An-hội Kiến-hòa	100 đ
— Nguyễn-tấn-Điền, Tòa Hành-chánh Kiến-hòa	100 đ
— Trần-văn-Chẳng	100 đ
Cô Trần-thanh-Tâm, Tân-định, Sài-gòn	100 đ
L.M. Lộc, Huế	100 đ
Ông Mai-xuân-Hiệu, K.B.C. 4.601	100 đ
— Lê-khắc-Duyệt, Giám-đốc Nha C.A.C.S. Huế mua giá ủng-hộ	500 đ
L.M. Giám-đốc Chủng-viện Xuân-Bích Sài-gòn	200 đ
Bộ Kiến-thiết và Thiết-kế Đô-thị Sài-gòn	900 đ
Ông Đỗ-tất-Hưng, Quảng-ngãi	100 đ
— Trần-hữu-Trân, Huế	100 đ
— Trần-Đông, Tòa Tỉnh-trưởng Nha-trang	100 đ
— Sử-Xuân, trường Khánh-Hưng Ba-xuyên	100 đ
— Ngô-kim-Yến, Long-an, Nam-phần	100 đ
Cô Ngọc-Vân, 161 Tùng-thiện-Vương, Chợ-lớn	100 đ
Ông Vũ-văn-An, Nha Thanh-tra Dân-vệ Khu 3 Đà-lạt	100 đ

XIN ĐÓN XEM

ĐẠI HỌC VĂN KHOA

TẬP KỶ YẾU CỦA TRƯỜNG VĂN-KHOA SAIGON

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-HỌC

TÌNH-CẢM
VÀ ĐỜI SỐNG ĐẠO-ĐỨC

của JEAN LACROIX

« . . . Nếu luân-lý, đạo-đức còn muốn bảo-tồn được giá-trị của nó thì phải ly-dị với tình-cảm để cho hoàn-toàn lệ-thuộc mà thôi.

. . . Jean Lacroix, trong cuốn *Tình-cảm và đời sống đạo-đức* đã phản-đối lại quan-niệm trên.

. . . Ngày nay, theo Jean Lacroix, vấn-đề đặt ra không phải là ly-dị tình-cảm với lý-trí, với đạo-đức luân-lý. Nhưng là phân-biệt ý-nghĩa đích-thực của tình-cảm, là dung-hòa nó với lý-trí hướng dẫn đạo-đức, vào sau hết là giáo-dục tình-cảm ».

HOÀI-YẾN

BIỆN-CHỨNG GIẢI-THOÁT TRONG
PHẬT-GIÁO

của NGUYỄN-VĂN-TRUNG

« . . . Cuốn sách *Biện-chứng giải-thoát trong Phật-giáo* của Nguyễn-văn-Trung, có thể nói được là một trong những cuốn sách nói về Phật-Giáo có hệ-thống rõ-ràng, sáng-sủa nhất từ trước tới nay bằng tiếng Việt-nam, khác hẳn những cuốn sách của nhiều tác-giả vì muốn đứng trên lập-trường biện-giáo, nên cố ý gói-ghém, chắp nối, pha-trộn những câu chuyện biến-ngôn, thần-thoại, mê-tín vào những suy-luận triết-học, thành những tập sách thiếu hệ-thống lý-luận chặt-chẽ v. v... »

PHẠM MINH-HỢP

NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-HỌC

SẮP XUẤT-BẢN :

DANH-TỪ TRIẾT-HỌC	của MỘT NHÓM GIÁO SƯ
NHÂN-VỊ VÀ TÌNH-YÊU	JEAN LACROIX
VI-TRÙNG-HỌC	B. S. NGUYỄN-VĂN-ÁI

Nhà in BẢO-VINH, 86 Nguyễn-Du — Saigon

Giá : 15$00

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục